

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Nguyên lý kế toán (AAC301) - Nhóm 01
Trần Thị Bích Nhân (1100)

Số Tín Chi: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100022	Bùi Thị Thúy Hằng	20/12/97	1513D10A															
2	155D100006	Phùng Minh Anh	22/09/97	1513D10B															
3	155D160014	Nguyễn Mai Phương	20/02/97	1513D16A															
4	155D160018	Vũ Thu Trang	17/07/97	1513D16A															
5	165D100018	Nguyễn Thùy Dương	08/10/98	1614D10A															
6	165D100032	Ngô Thị Bích Hạnh	18/11/98	1614D10A															
7	165D100063	Bùi Mỹ Linh	22/10/98	1614D10A															
8	165D100110	Cù Thị Minh Tuyết	10/06/98	1614D10A															
9	165D100098	Lê Thương Thương	23/08/98	1614D10B															
10	165D100104	Nguyễn Thị Thu Trang	15/03/98	1614D10B															
11	165D110002	Lê Xuân Bách	02/05/98	1614D11A															
12	165D160011	Đỗ Hùng Mạnh	13/10/98	1614D16A															
13	175D100012	Phan Huy Dương	20/04/95	1715D10A															
14	175D100014	Đỗ Thị Thu Hà	20/10/99	1715D10A															
15	175D100017	Nguyễn Thị Thu Hà	08/05/99	1715D10A															
16	175D100027	Nguyễn Đức Huy	07/09/99	1715D10A															
17	175D100032	Đàm Thị Hương	24/06/99	1715D10A															
18	175D100034	Đào Duy Khánh	11/10/99	1715D10A															
19	175D100053	Khuất Trung Nguyên	29/08/98	1715D10A															
20	175D160004	Heuangmany Bouangern	11/07/98	1715D16A															
21	175D500001	Hà Quang Hiếu	02/12/99	1715D50A															
22	175D500002	Kiều Trung Hiếu	22/08/98	1715D50A															
23	175D500003	Lý A Từ	15/07/99	1715D50A															
24	185D100032	Bùi Huy Hoàng	19/05/00	1816D10A															
25	185D100034	Nguyễn Thị Thúy Huyền	18/08/00	1816D10A															
26	185D100010	Đào Mỹ Dung	16/06/00	1816D10B															
27	185D100015	Lê Minh Đức	24/10/00	1816D10B															
28	185D100051	Nguyễn Thị Thúy Nga	17/06/00	1816D10B															
29	185D100098	Nguyễn Thị Hải Ngân	08/06/00	1816D10B															
30	185D100059	Nguyễn Đức Phong	07/07/00	1816D10B															
31	185D100075	Nguyễn Văn Thư	13/07/00	1816D10B															
32	185D100081	Đặng Quang Tú	07/09/00	1816D10B															
33	185D100085	Hoàng Hải Yến	06/11/00	1816D10B															
34	14D05D1001	Trần Thị Minh	15/09/98	1816D10N															

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Quản trị học (BAD304) - Nhóm 01
Phạm Thị Thu Hương (1120)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100015	Nguyễn Tiến	Đạt	08/06/97	1513D10A															
2	155D100098	Dương Công	Lượng	23/09/96	1513D10A															
3	155D100057	Vũ Thị Kim	Ngân	08/07/97	1513D10A															
4	155D100100	Nguyễn Hữu	Quý	22/11/96	1513D10A															
5	155D100011	Nguyễn Thành	Công	22/12/97	1513D10B															
6	155D100012	Đình Bích	Diệp	06/05/97	1513D10B															
7	155D100095	Phạm Thu	Hà	08/11/97	1513D10B															
8	155D100029	Đỗ Hồng	Huế	30/03/97	1513D10B															
9	155D100035	Vũ Thị Lan	Hường	01/02/97	1513D10B															
10	155D100040	Hoàng Diệu	Linh	01/05/97	1513D10B															
11	155D100046	Nguyễn Thị Bích	Loan	19/04/97	1513D10B															
12	155D100052	Phan Thị Khánh	Ly	19/06/97	1513D10B															
13	155D100064	Bùi Thị	Oanh	02/05/97	1513D10B															
14	155D100069	Nguyễn Văn	Quang	20/07/97	1513D10B															
15	155D100070	Lê Trường	Quân	22/06/97	1513D10B															
16	155D100076	Bùi Thị Diệu	Thúy	20/10/97	1513D10B															
17	155D100078	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	16/11/97	1513D10B															
18	155D100079	Đào Thiên	Trang	09/08/96	1513D10B															
19	155D100085	Nguyễn Anh	Tuấn	18/09/97	1513D10B															
20	155D100086	Nguyễn Mạnh	Tuấn	26/02/97	1513D10B															
21	155D110002	Vũ Thúy	Hằng	27/10/97	1513D11A															
22	155D110004	Vũ Thị Minh	Hiếu	26/01/97	1513D11A															
23	155D110007	Lưu Thị Thùy	Hương	15/12/97	1513D11A															
24	165D100019	Đặng Tiến	Đạt	06/07/97	1614D10A															
25	165D100115	Ngô Thị Lệ	Giang	26/01/98	1614D10A															
26	165D100025	Nguyễn Thu	Hà	26/05/98	1614D10A															
27	165D100051	Bùi Thanh	Hương	27/04/98	1614D10A															
28	165D100056	Hà Thị Thu	Hường	27/07/98	1614D10A															
29	165D100121	Hoàng Kiều	Loan	23/02/98	1614D10A															
30	165D100070	Đào Tuyết	Mai	14/06/98	1614D10A															
31	165D100083	Trần Hoàng Anh	Phong	07/09/98	1614D10A															
32	165D100095	Nguyễn Thị Thu	Thủy	18/11/98	1614D10A															
33	165D100100	Đỗ Thị Thanh	Tiền	05/11/98	1614D10A															
34	165D100110	Cù Thị Minh	Tuyết	10/06/98	1614D10A															
35	165D100005	Nguyễn Thị Vân	Anh	09/03/98	1614D10B															
36	165D100006	Phí Thị Phương	Anh	08/11/98	1614D10B															
37	165D100020	Nguyễn Doãn	Đặng	16/07/98	1614D10B															
38	165D100058	Phạm Ngọc	Khuyên	14/09/98	1614D10B															
39	165D100074	Lương Thế	Mẫn	16/04/98	1614D10B															
40	165D100082	Lương Thái	Phong	18/08/98	1614D10B															

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Quản trị học (BAD304) - Nhóm 01
Phạm Thị Thu Hương (1120)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	165D100099	Phạm Thị Thu	Thương	03/06/98	1614D10B															
2	165D100109	Trần Anh	Tuấn	27/08/98	1614D10B															
3	175D100075	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/04/99	1715D10A															
4	175D100024	Ngô Thị Thu	Hoài	09/12/99	1715D10A															
5	175D100031	Bùi Thị Thanh	Hương	26/11/99	1715D10A															
6	175D100037	Hà Thị	Lan	21/08/99	1715D10A															
7	175D100050	Ngô Thùy	Ngọc	21/11/99	1715D10A															
8	175D100051	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	11/01/99	1715D10A															
9	175D100063	Nguyễn Kiên	Thư	16/09/99	1715D10A															
10	175D100067	Hà Huyền	Trang	01/11/99	1715D10A															
11	175D100068	Hoàng Thị Thu	Trang	10/10/99	1715D10A															
12	185D100078	Nguyễn Thị Minh	Trang	06/12/00	1816D10A															
13	185D100015	Lê Minh	Đức	24/10/00	1816D10B															
14	185D100021	Đỗ Thị Thu	Hà	11/09/00	1816D10B															
15	185D100038	Nguyễn Trung	Kiên	19/08/00	1816D10B															
16	185D100077	Đào Huyền	Trang	11/11/00	1816D10B															
17	14D05D1001	Trần Thị	Minh	15/09/98	1816D10N															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Sinh học đại cương (BIO254) - Nhóm 01
Nguyễn Phương Quý (1526)

Số Tín Chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D120002	Hán Quốc Bảo	13/05/96	1412D12A															
2	145D120003	Nguyễn Văn Đông	01/08/95	1412D12A															
3	145D120004	Hoàng Ngọc Giang	15/08/96	1412D12A															
4	145D300001	Đoàn Hải Bằng	21/03/96	1412D30A															
5	145D300006	Phùng Duy Hoàng	01/08/96	1412D30A															
6	145D300008	Lê Thị Huế	08/11/95	1412D30A															
7	145D300011	Nguyễn Xuân Kiên	26/03/96	1412D30A															
8	145D300022	Trương Vũ Trụ	29/04/96	1412D30A															
9	145D300023	Hà Anh Tuấn	29/10/95	1412D30A															
10	145D300026	Nguyễn Tuấn Vũ	28/08/95	1412D30A															
11	155D130017	Nguyễn Quyết Thắng	25/07/97	1513D13A															
12	185D120001	Hà Quỳnh Anh	26/03/00	1816D12A															
13	185D120002	Lê Trung Hiếu	07/03/00	1816D12A															
14	185D120003	Dương Minh Khoa	22/03/00	1816D12A															
15	185D300002	Đỗ Tuấn Điệp	12/01/00	1816D30A															
16	185D300004	Manilong Inkeo	17/04/97	1816D30A															
17	185D300010	Chitlaphone Xe	15/09/96	1816D30A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Quản trị công tác xã hội (CH2219) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Liên (1515)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D830001	Đặng Hoàng Anh	09/04/96	1412D83A															
2	155D830049	Tô Hoàng Sơn	16/02/97	1513D83A															
3	155D830064	Tô Mạnh Triễn	15/02/97	1513D83A															
4	165D830001	Nguyễn Quý Dương	29/10/98	1614D83A															
5	165D830012	Hoàng Anh Tuấn	26/06/97	1614D83A															
6	175D830001	Nguyễn Mạnh Cường	04/06/99	1715D83A															
7	175D830002	Hà Thị Thu Hà	14/02/99	1715D83A															
8	175D830004	Lê Thu Lan	03/11/99	1715D83A															
9	175D830006	Nguyễn Thành Trung	12/08/99	1715D83A															
10	175D830008	Nguyễn Thị Hải Yến	09/10/99	1715D83A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Công tác xã hội trong trường học (CH2227) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Liên (1515)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D830001	Đặng Hoàng	Anh	09/04/96	1412D83A															
2	175D830001	Nguyễn Mạnh	Cường	04/06/99	1715D83A															
3	175D830002	Hà Thị Thu	Hà	14/02/99	1715D83A															
4	175D830004	Lê Thu	Lan	03/11/99	1715D83A															
5	175D830006	Nguyễn Thành	Trung	12/08/99	1715D83A															
6	175D830008	Nguyễn Thị Hải	Yến	09/10/99	1715D83A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Công tác xã hội các nhóm đối tượng yếu thế (CH2335) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Kim Nga (1535)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D830049	Tô Hoàng Sơn	16/02/97	1513D83A															
2	155D830053	Nguyễn Phương Thảo	18/08/97	1513D83A															
3	155D830064	Tô Mạnh Triền	15/02/97	1513D83A															

In Ngày 16/06/2019Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Phương pháp thí nghiệm chăn nuôi (CN2220) - Nhóm 01
Phan Thị Yến (1128)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D300023	Hà Anh Tuấn	29/10/95	1412D30A															
2	155D130001	Đỗ Thị Hồng Đào	23/03/97	1513D13A															
3	155D130004	Nguyễn Việt Hùng	02/10/97	1513D13A															
4	155D130007	Mai Thanh Liêm	30/07/96	1513D13A															
5	155D130013	Lý Hồng Phúc	22/05/97	1513D13A															
6	155D130016	Phạm Thái Sơn	18/01/97	1513D13A															
7	155D130020	Hoàng Thị Thúy Trinh	01/07/97	1513D13A															
8	155D300003	Nguyễn Phương Chi	06/08/97	1513D30A															
9	155D300010	Vũ Thị Thu Hà	23/10/97	1513D30A															
10	155D300013	Bùi Thị Hoa	14/09/97	1513D30A															
11	155D300021	Phan Ngọc Linh	03/02/97	1513D30A															
12	155D300024	Lương Đức Mẫn	09/05/97	1513D30A															
13	165D130002	Nguyễn Thế Duyên	11/01/98	1614D13A															
14	165D300003	Nguyễn Quốc Đoàn	22/01/98	1614D30A															
15	165D300009	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	16/06/98	1614D30A															
16	165D300011	Nguyễn Thu Hằng	06/09/98	1614D30A															
17	165D300014	Cao Văn Hùng	20/02/98	1614D30A															
18	165D300021	Ngô Đức Mạnh	09/05/97	1614D30A															
19	165D300022	Nguyễn Hữu Mạnh	01/09/98	1614D30A															
20	165D300024	Nguyễn Thị Nga	14/11/98	1614D30A															
21	175D130004	Lê Thị Thanh Nhân	26/05/99	1715D13A															
22	175D300005	Lê Thị Thanh Huyền	25/08/99	1715D30A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Vệ sinh chăn nuôi (CN2250) - Nhóm 01
Phan Thị Phương Thanh (1415)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D130006	Lê Thị Nhật Lệ	15/04/96	1513D13A															
2	155D130014	Phùng Thị Phương	05/10/97	1513D13A															
3	155D130021	Vàng Trứ	11/10/97	1513D13A															
4	155D300003	Nguyễn Phương Chi	06/08/97	1513D30A															
5	155D300009	Nguyễn Trọng Đức	17/12/97	1513D30A															
6	155D300010	Vũ Thị Thu Hà	23/10/97	1513D30A															
7	155D300011	Nguyễn Thị Hào	05/08/97	1513D30A															
8	155D300013	Bùi Thị Hoa	14/09/97	1513D30A															
9	155D300021	Phan Ngọc Linh	03/02/97	1513D30A															
10	155D300025	Nguyễn Trần Nam	17/05/97	1513D30A															
11	165D130002	Nguyễn Thế Duyên	11/01/98	1614D13A															
12	165D130003	Lê Tiến Đạt	26/10/98	1614D13A															
13	165D130018	Đinh Thị Thu Hà	22/09/98	1614D13A															
14	165D130019	Nguyễn Hồng Hạnh	18/03/98	1614D13A															
15	165D130021	Lê Đức Hùng	07/11/97	1614D13A															
16	165D300001	Hán Văn An	09/07/98	1614D30A															
17	165D300003	Nguyễn Quốc Đoàn	22/01/98	1614D30A															
18	165D300004	Lâm Văn Đức	11/09/98	1614D30A															
19	165D300009	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	16/06/98	1614D30A															
20	165D300050	Trần Thị Hạnh	08/06/98	1614D30A															
21	165D300010	Nguyễn Thị Minh Hằng	10/09/98	1614D30A															
22	165D300011	Nguyễn Thu Hằng	06/09/98	1614D30A															
23	165D300015	Nguyễn Thị Thanh Huyền	11/05/98	1614D30A															
24	165D300020	Phạm Thanh Lương	16/11/97	1614D30A															
25	165D300024	Nguyễn Thị Nga	14/11/98	1614D30A															
26	165D300032	Nguyễn Thanh Phương	28/02/98	1614D30A															
27	165D300055	Hà Minh Quang	19/04/98	1614D30A															
28	165D300039	Khuất Thị Thu Thùy	14/07/98	1614D30A															
29	165D300040	Nguyễn Thị Trang	19/11/98	1614D30A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Chọn và nhân giống vật nuôi (CN2256) - Nhóm 01
Đặng Hoàng Lâm (1249)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D300030	Nguyễn Văn	Nam	20/01/95	1311D30A															
2	145D300001	Đoàn Hải	Bằng	21/03/96	1412D30A															
3	145D300008	Lê Thị	Huế	08/11/95	1412D30A															
4	145D300016	Nguyễn Thị Mộng	Ngân	28/05/96	1412D30A															
5	165D300014	Cao Văn	Hùng	20/02/98	1614D30A															
6	165D300015	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	11/05/98	1614D30A															
7	165D300032	Nguyễn Thanh	Phượng	28/02/98	1614D30A															
8	165D300055	Hà Minh	Quang	19/04/98	1614D30A															
9	165D300039	Khuất Thị Thu	Thùy	14/07/98	1614D30A															
10	165D300040	Nguyễn Thị	Trang	19/11/98	1614D30A															
11	175D300002	Nguyễn Tuấn	Anh	03/09/99	1715D30A															
12	175D300005	Lê Thị Thanh	Huyền	25/08/99	1715D30A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Chăn nuôi gia cầm (CN2258) - Nhóm 01
Đỗ Thị Phương Thảo (1250)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D300016	Nguyễn Thị Mộng	Ngân	28/05/96	1412D30A															
2	145D300021	Nguyễn Hữu	Toàn	19/08/95	1412D30A															
3	165D300001	Hán Văn	An	09/07/98	1614D30A															
4	165D300047	Đinh Trọng	Anh	17/08/97	1614D30A															
5	165D300003	Nguyễn Quốc	Đoàn	22/01/98	1614D30A															
6	165D300009	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	16/06/98	1614D30A															
7	165D300010	Nguyễn Thị Minh	Hằng	10/09/98	1614D30A															
8	165D300011	Nguyễn Thu	Hằng	06/09/98	1614D30A															
9	165D300015	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	11/05/98	1614D30A															
10	165D300020	Phạm Thanh	Lương	16/11/97	1614D30A															
11	165D300021	Ngô Đức	Mạnh	09/05/97	1614D30A															
12	165D300024	Nguyễn Thị	Nga	14/11/98	1614D30A															
13	165D300032	Nguyễn Thanh	Phượng	28/02/98	1614D30A															
14	165D300055	Hà Minh	Quang	19/04/98	1614D30A															
15	165D300040	Nguyễn Thị	Trang	19/11/98	1614D30A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Sinh hoá động vật (CN2303) - Nhóm 01
Cao Phi Bằng (1126)

Số Tín Chỉ: 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D300015	Trần Quang Minh	23/02/96	1412D30A															
2	155D130011	Cổ Thị Nguyệt	06/11/97	1513D13A															
3	155D130014	Phùng Thị Phượng	05/10/97	1513D13A															
4	165D130019	Nguyễn Hồng Hạnh	18/03/98	1614D13A															
5	165D300001	Hán Văn An	09/07/98	1614D30A															
6	165D300003	Nguyễn Quốc Đoàn	22/01/98	1614D30A															
7	165D300004	Lâm Văn Đức	11/09/98	1614D30A															
8	165D300010	Nguyễn Thị Minh Hằng	10/09/98	1614D30A															
9	165D300061	Trần Kim Hiếu	24/10/98	1614D30A															
10	165D300014	Cao Văn Hùng	20/02/98	1614D30A															
11	165D300032	Nguyễn Thanh Phượng	28/02/98	1614D30A															
12	165D300033	Lê Văn Quang	03/11/97	1614D30A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Những NLCB của CN Mác - Lênin 1 (DPT201) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Thanh Hương (1124)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100015	Nguyễn Tiến	Đạt	08/06/97	1513D10A															
2	155D150001	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	25/10/97	1513D15A															
3	155D280032	Lê Phan Đức	Kiên	10/12/97	1513D28A															
4	155D280049	Lê Thị Minh	Phương	26/12/97	1513D28A															
5	155D600005	Trần Quang	Huy	05/05/97	1513D60A															
6	155D600010	Pờ Sín	Toàn	15/08/96	1513D60A															
7	165D060009	Lê Thị Lan	Hương	03/04/98	1614D06A															
8	175D020003	Nguyễn Yến	Hoa	13/07/99	1715D02A															
9	175D020005	Dương Thanh	Huyền	25/12/99	1715D02A															
10	175D020006	Hà Thị Thu	Hường	30/10/97	1715D02A															
11	175D180012	Nguyễn Khắc	Hải	17/06/99	1715D18A															
12	175D300012	Nguyễn Văn	Ninh	23/08/99	1715D30A															
13	185D020005	Trần Quang	Ngọc	06/10/00	1816D02A															
14	185D020007	Nguyễn Thị Thu	Thảo	26/01/00	1816D02A															
15	185D040009	Nguyễn Thị Thu	Hoài	10/10/00	1816D04A															
16	185D040022	Lê Thị Hồng	Phương	12/08/00	1816D04A															
17	185D120003	Dương Minh	Khoa	22/03/00	1816D12A															
18	185D150005	Tô Hiến	Anh	21/09/98	1816D15A															
19	185D150009	Hoàng Anh	Duy	27/09/00	1816D15A															
20	185D160013	Lasy	Panatda	08/02/00	1816D16A															
21	185D160017	Nguyễn Tiến	Thìn	28/07/00	1816D16A															
22	185D160020	Nguyễn Anh	Tuấn	24/12/99	1816D16A															
23	185D180031	Lê Thị Thu	Hằng	16/10/00	1816D18A															
24	185D180039	Nguyễn Việt	Hoàng	18/11/00	1816D18A															
25	185D180066	Lê Trần Linh	Ngân	12/02/00	1816D18A															
26	185D180074	Nguyễn Đức	Phương	04/11/00	1816D18A															
27	185D180079	Nguyễn Thị Minh	Tâm	03/12/00	1816D18A															
28	185D180090	Đặng Thị Ngọc	Thúy	31/12/00	1816D18A															
29	185D180092	Lê Thị	Thương	25/08/00	1816D18A															
30	185D180099	Đinh Ngọc	Tú	09/06/00	1816D18A															
31	185D180014	Trương Thùy	Dung	09/10/00	1816D18B															
32	185D180016	Nguyễn Đức	Duy	15/03/00	1816D18B															
33	185D180017	Nguyễn Thị	Duyên	25/06/00	1816D18B															
34	185D180020	Khổng Thị	Hà	17/09/00	1816D18B															
35	185D180038	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/11/00	1816D18B															
36	185D180027	Tạ Đức	Hào	12/09/00	1816D18B															
37	185D180033	Chu Thúy	Hiền	28/11/00	1816D18B															
38	185D180034	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/01/00	1816D18B															
39	185D180040	Kim Đình	Hội	22/06/00	1816D18B															
40	185D180042	Trần Thu	Hương	02/11/00	1816D18B															

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Những NLCB của CN Mác - Lênin 1 (DPT201) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Thanh Hương (1124)

Số Tín Chi: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D180051	Tạ Thị Thùy Linh	02/03/00	1816D18B															
2	185D180054	Đỗ Đức Lương	22/12/00	1816D18B															
3	185D180058	Trần Thị Mai	04/12/00	1816D18B															
4	185D180107	Riêu Thị Phương	20/11/00	1816D18B															
5	185D180077	Dương Văn Sơn	05/05/99	1816D18B															
6	185D180080	Nguyễn Duy Thái	21/05/00	1816D18B															
7	185D180086	Lê Thị Hồng Thắm	10/11/00	1816D18B															
8	185D180089	Nguyễn Bích Thùy	16/07/00	1816D18B															
9	185D180100	Nguyễn Anh Tuấn	04/07/00	1816D18B															
10	185D410001	Lê Kim Cương	27/08/00	1816D41A															
11	185D410013	Hà Anh Điển	01/10/00	1816D41A															
12	185D410002	Vũ Đình Khanh	27/11/97	1816D41A															
13	185D410008	Đào Ngọc Tuấn	28/11/00	1816D41A															
14	185D420002	Trương Việt Hoàng	03/09/00	1816D42A															
15	185D700003	Nguyễn Bích Hào	26/10/00	1816D70A															
16	185D700007	Hà Thị Lộc	21/04/00	1816D70A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Những NLCB của CN Mác - Lênin 1 (DPT201) - Nhóm 02
Nguyễn Thị Luận (1162)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	151C080011	Nguyễn Thị Hạnh	26/03/97	1513C08A															
2	155D050076	Nguyễn Thị Thu Phương	04/12/97	1513D05A															
3	161C080013	Đinh Thị Yến	01/07/98	1614C08A															
4	161C080014	Đinh Thị Hồng	06/02/98	1614C08A															
5	165D030002	Phùng Hải Anh	11/01/98	1614D03A															
6	165D030040	Nguyễn Thị Hoa	13/09/98	1614D03A															
7	165D050067	Lê Thị Phương	23/03/98	1614D05A															
8	165D050084	Khuất Thanh Thảo	16/10/98	1614D05A															
9	165D050092	Phùng Thị Lan	10/01/98	1614D05A															
10	165D050088	Trần Thị Thu Thảo	15/07/98	1614D05B															
11	171C090001	Vũ Đình Hoàng	01/01/96	1715C09A															
12	175D030031	Phan Thu Hương	25/08/99	1715D03A															
13	175D030083	Hứa Thị Kiều	30/12/99	1715D03A															
14	175D030011	Lưu Thị Thu Hằng	29/05/99	1715D03B															
15	175D030025	Lê Thị Thanh Huyền	08/10/99	1715D03B															
16	175D030048	Vongchankeo Nanseng	12/12/84	1715D03B															
17	175D030057	Lý A Phú	05/05/99	1715D03B															
18	175D030068	Bùi Lê Thanh Thảo	05/08/99	1715D03B															
19	175D050001	Đinh Thị Lan Anh	02/11/99	1715D05A															
20	175D050047	Nguyễn Kiều Trang	24/01/99	1715D05A															
21	175D050054	Lương Thu Yên	16/09/97	1715D05A															
22	185D030014	Nguyễn Thúy Hiền	29/03/00	1816D03A															
23	185D030020	Hoàng Ngọc Lan	26/06/00	1816D03A															
24	185D030022	Chữ Khánh Linh	07/10/00	1816D03A															
25	185D030048	Đinh Thị Mừng	12/05/00	1816D03A															
26	185D030037	Lương Lê Mỹ Thành	05/06/00	1816D03A															
27	185D030042	Đào Huyền Trang	17/09/00	1816D03A															
28	185D050002	Nguyễn Thảo Anh	05/06/00	1816D05A															
29	185D050026	Nguyễn Hồng Ngọc	13/12/00	1816D05A															
30	185D050029	Pheng Phonemaly	28/08/99	1816D05A															
31	185D050034	Bùi Phương Thảo	04/07/00	1816D05A															
32	185D050040	Nguyễn Thị Thanh Vân	02/04/00	1816D05A															
33	185D050043	Nguyễn Thị Thanh Xuân	01/05/00	1816D05A															
34	185D050007	Trần Thị Minh Yến	22/09/00	1816D05A															

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Những NLCB của CN Mác - Lênin 1 (DPT201) - Nhóm 03
Lê Thị Thùy (1450)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	165D020026	Nguyễn Hải Sơn	Trà	29/05/98	1614D02A															
2	165D100051	Bùi Thanh	Hương	27/04/98	1614D10A															
3	165D100108	Nguyễn Văn	Trung	22/08/98	1614D10A															
4	165D110024	Đặng Xuân	Hiền	09/11/98	1614D11A															
5	165D110013	Lê Trung	Kiên	28/07/98	1614D11A															
6	165D120002	Nguyễn Đại	Dương	23/01/98	1614D12A															
7	175D100006	Ngô Thanh	Bình	28/08/99	1715D10A															
8	175D100015	Nguyễn Ngọc	Hà	05/04/99	1715D10A															
9	185D100003	Lý Nhật	Anh	11/04/00	1816D10B															
10	185D110004	Kiều Quang	Dương	17/12/00	1816D11A															
11	185D110011	Trần Đức	Long	23/09/00	1816D11A															
12	185D150001	Leuangthongsai	Amphone	14/09/99	1816D15A															
13	185D150002	Douangphachanh	Amue	15/09/98	1816D15A															
14	185D150003	Hoàng Tuấn	Anh	11/04/00	1816D15A															
15	185D150004	Nguyễn Việt	Anh	07/09/00	1816D15A															
16	185D150006	Chanthavy	Ching	07/10/99	1816D15A															
17	185D150007	Vũ Thành	Công	24/11/00	1816D15A															
18	185D150010	Nguyễn Ngọc	Hải	30/12/00	1816D15A															
19	185D150011	Nguyễn Ngọc	Hải	30/04/00	1816D15A															
20	185D150012	Bùi Hưng	Hiếu	15/10/00	1816D15A															
21	185D150014	Vanpichanxay	Houmphanh	04/01/00	1816D15A															
22	185D150017	Kittaphone	Kittisack	03/01/99	1816D15A															
23	185D150019	Huỳnh Đức	Long	27/06/00	1816D15A															
24	185D150035	Nguyễn Thành	Long	29/07/00	1816D15A															
25	185D150022	Đỗ Dương	Nam	28/11/00	1816D15A															
26	185D150015	Đào Minh	Ngọc	15/10/00	1816D15A															
27	185D150024	Nguyễn Đức	Ngọc	15/07/00	1816D15A															
28	185D150026	Manivong	Phoudthasin	24/12/98	1816D15A															
29	185D150028	Lê Việt	Thảo	23/02/00	1816D15A															
30	185D150029	Nguyễn Đức	Thắng	12/10/99	1816D15A															
31	185D150030	Nguyễn Minh	Thắng	04/07/00	1816D15A															
32	185D150031	Vongphachanh	Thitfonh	17/01/99	1816D15A															
33	185D150032	Hà Nam	Tiến	19/09/97	1816D15A															
34	185D150033	Hoàng Thế	Vũ	19/07/00	1816D15A															
35	185D160008	Nuanphachanh	Inkham	16/01/00	1816D16A															
36	185D160014	Xaivongsanh	Sounisa	19/11/95	1816D16A															
37	185D160018	Phonechalern	Thippaphone	29/09/99	1816D16A															
38	185D180007	Tổng Thanh	Bình	31/10/00	1816D18A															
39	185D180010	Nguyễn Ngọc	Dung	17/07/00	1816D18A															
40	185D180001	Nguyễn Thu	An	21/06/00	1816D18B															

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Những NLCB của CN Mác - Lênin 1 (DPT201) - Nhóm 03
Lê Thị Thùy (1450)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D180009	Nguyễn Linh Chi	03/05/00	1816D18B															
2	185D180011	Hoàng Minh Chiến	28/07/00	1816D18B															
3	185D180061	Đào Diệu Hà My	01/08/00	1816D18B															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD
Những NLCB của CN Mác - Lênin 1 (DPT201) - Nhóm 04
Đỗ Thị Thu Hương (1205)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D810009	Đào Minh Phúc	11/10/96	1412D81A															
2	155D020055	Vương Thị Thủy	21/01/96	1513D02A															
3	155D040052	Trần Anh Tuấn	18/02/97	1513D04A															
4	155D050074	Đàm Anh Phương	28/10/97	1513D05A															
5	165D060017	Vũ Thị Và	06/06/98	1614D06A															
6	165D090001	Trần Văn Dân	24/09/98	1614D09A															
7	165D090007	Hoàng Trọng Tú	02/11/98	1614D09A															
8	165D100035	Nguyễn Thị Thúy Hằng	03/07/98	1614D10A															
9	165D100039	Bùi Thị Hiền	26/01/98	1614D10A															
10	165D100092	Nguyễn Thị Phương Thảo	28/02/97	1614D10A															
11	165D110007	Nguyễn Thị Thu Hằng	23/12/98	1614D11A															
12	165D130021	Lê Đức Hùng	07/11/97	1614D13A															
13	165D300021	Ngô Đức Mạnh	09/05/97	1614D30A															
14	175D110001	Phùng Khắc Cương	24/12/99	1715D11A															
15	175D110003	Lê Quang Đại	12/07/99	1715D11A															
16	175D110004	Lê Anh Hoàng	26/05/99	1715D11A															
17	175D110015	Tạ Đức Long	07/01/99	1715D11A															
18	175D150008	Cù Bảo Hưng	06/11/99	1715D15A															
19	175D700001	Khamthavong Phonexay	14/06/97	1715D70A															
20	175D700003	Chitthoulin Sommay	16/12/95	1715D70A															
21	185D040004	Nguyễn Khánh Duy	04/01/00	1816D04A															
22	185D040007	Nguyễn Hoàng Hiệp	16/01/00	1816D04A															
23	185D040008	Trần Thanh Hoa	13/10/00	1816D04A															
24	185D040016	Lục Thị Kim Loan	01/09/00	1816D04A															
25	185D040019	Trần Thị Yến My	17/07/00	1816D04A															
26	185D040036	Nguyễn Thị Nguyệt	20/10/99	1816D04A															
27	185D100048	Nguyễn Thị Linh	05/12/00	1816D10A															
28	185D100099	Tống Khánh Linh	05/01/00	1816D10A															
29	185D100064	Hà Thị Lệ Quyên	23/10/00	1816D10A															
30	185D100072	Tráng Thị Thắm	02/09/00	1816D10B															
31	185D110001	Quan Thị Phương Anh	29/08/00	1816D11A															
32	185D110002	Thân Thị Ngọc ánh	22/07/00	1816D11A															
33	185D110003	Lê Quý Bình	30/12/95	1816D11A															
34	185D110005	Nguyễn Phú Hải	26/12/00	1816D11A															
35	185D110007	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05/04/00	1816D11A															
36	185D110021	Phạm Thị Huyền Trang	22/08/00	1816D11A															
37	185D180008	Nguyễn Thùy Chang	01/08/00	1816D18A															
38	185D180108	Đỗ Thị Kim Dung	19/07/00	1816D18A															
39	185D180064	Vũ Thị Tuyết Nga	03/06/00	1816D18A															
40	185D180068	Nguyễn Thị Ngọc	17/09/00	1816D18A															

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Những NLCB của CN Mác - Lênin 1 (DPT201) - Nhóm 05
Lê Đình Thảo (1053)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D280024	Hà Thị Mai	13/08/96	1412D28A															
2	155D020008	Đặng Minh Chang	25/09/97	1513D02A															
3	155D020023	Phạm Huy Hùng	19/06/97	1513D02A															
4	155D040046	Lê Hồng Thảo	05/01/97	1513D04A															
5	155D090042	Nguyễn Tiến Tài	03/07/97	1513D09A															
6	155D090064	Khuất Văn Minh Tiến	24/12/97	1513D09A															
7	155D090054	Đoàn Đức Anh Tú	15/05/97	1513D09A															
8	155D100060	Nguyễn Thủy Nguyên	28/01/97	1513D10B															
9	155D130017	Nguyễn Quyết Thắng	25/07/97	1513D13A															
10	155D240007	Nguyễn Ngọc Mạnh	05/09/97	1513D24A															
11	155D280041	Bùi Thị Ngọc Mai	04/01/97	1513D28A															
12	155D600012	Đinh Văn Chung	15/07/97	1513D60A															
13	165D020001	Nguyễn Thị Phương Anh	17/08/98	1614D02A															
14	165D020005	Đoàn Thị Chính	27/10/98	1614D02A															
15	165D020014	Đinh Thị Thùy Linh	11/09/97	1614D02A															
16	165D020017	Nguyễn Thị Thanh Nga	19/09/98	1614D02A															
17	165D050031	Đinh Thị Huế	22/01/98	1614D05A															
18	165D100083	Trần Hoàng Anh Phong	07/09/98	1614D10A															
19	165D280015	Hà Kim Phượng	02/08/98	1614D28A															
20	165D300022	Nguyễn Hữu Mạnh	01/09/98	1614D30A															
21	165D600005	Đào Hoa Phượng	12/11/98	1614D60A															
22	165D700006	Lưu Thị Phương Thúy	12/01/98	1614D70A															
23	175D010001	Hà Thị Phương Anh	27/11/99	1715D01A															
24	175D010007	Phạm Thị Thu Hiền	09/03/99	1715D01A															
25	175D010011	Nguyễn Thị Diệu Linh	11/02/99	1715D01A															
26	175D040001	Nguyễn Thị Lan Anh	30/07/99	1715D04A															
27	175D110007	Quyền Thị Mai Hương	12/08/98	1715D11A															
28	175D110013	Phùng Thị Thế	25/08/95	1715D11A															
29	185D050012	Vương Thị Bích Hiền	16/12/00	1816D05A															
30	185D100004	Nguyễn Quỳnh Anh	05/08/00	1816D10A															
31	185D100006	Trần Ngọc ánh	15/01/00	1816D10A															
32	185D100011	Nguyễn Tiến Dũng	12/07/00	1816D10A															
33	185D100016	Đinh Thu Giang	04/11/00	1816D10A															
34	185D100026	Phan Thu Hằng	19/11/00	1816D10A															
35	185D100043	Đào Thị Nhật Linh	28/07/00	1816D10A															
36	185D100044	Đỗ Quang Linh	11/10/00	1816D10A															
37	185D100050	Lê Thị Trà My	24/11/00	1816D10A															
38	185D100095	Nguyễn Thị Ngọc Ngà	27/04/00	1816D10A															
39	185D100052	Nguyễn Bích Ngọc	17/03/00	1816D10A															
40	185D100055	Vũ Thụy Thảo Nhi	20/09/00	1816D10A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD **Những NLCB của CN Mác - Lênin 1 (DPT201) - Nhóm 05** Số Tín Chỉ: 2
Lê Đình Thảo (1053)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D100056	Lê Thị Hồng Nhung	29/08/00	1816D10A															
2	185D100058	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/01/00	1816D10A															
3	185D100092	Đinh Phương Thảo	25/12/00	1816D10A															
4	185D180071	Nguyễn Hồng Nhung	13/03/99	1816D18A															
5	185D410010	Souliphone Xang	05/07/99	1816D41A															
6	185D510003	Laoly Phonethip	22/01/00	1816D51A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDPháp luật đại cương (DPT213) - Nhóm 01
Triệu Lan Hương (1285)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D600005	Đào Minh Hoàng	22/05/95	1311D60A															
2	155D420002	Bùi Đình Công	19/01/97	1513D42A															
3	155D600005	Trần Quang Huy	05/05/97	1513D60A															
4	165D110029	Trần Thị Ninh	19/02/98	1614D11A															
5	165D400006	Nguyễn Tiến Thành	01/11/98	1614D40A															
6	165D510002	Ngô Tuấn Hùng	19/05/98	1614D51A															
7	175D01LT05	Đỗ Thành Luân	01/05/95	1715D01T															
8	175D030080	Phạm Thị Thu Trang	24/08/99	1715D03B															
9	185D040001	Hoàng Thị Lan Anh	12/10/00	1816D04A															
10	185D040009	Nguyễn Thị Thu Hoài	10/10/00	1816D04A															
11	185D040013	Đinh Thị Khánh Linh	06/10/00	1816D04A															
12	185D040015	Vì Thùy Linh	26/01/00	1816D04A															
13	185D040027	Nguyễn Văn Thìn	02/11/00	1816D04A															
14	185D100027	Đặng Thị Thu Hiền	08/05/00	1816D10B															
15	185D100085	Hoàng Hải Yến	06/11/00	1816D10B															
16	185D110006	Hà Thu Huyền	15/05/00	1816D11A															
17	185D110020	Hà Thị Diệu Thúy	02/01/00	1816D11A															
18	185D160010	Sengsuya Khat	29/08/99	1816D16A															
19	185D160013	Lasy Panatda	08/02/00	1816D16A															
20	185D160015	Phengsavath Souphaphone	05/08/98	1816D16A															
21	185D160018	Phonechalern Thippaphone	29/09/99	1816D16A															
22	185D180007	Tống Thanh Bình	31/10/00	1816D18A															
23	185D180024	Lê Thị Hải	18/05/00	1816D18A															
24	185D180048	Nguyễn Thị Bích Liên	10/11/00	1816D18A															
25	185D180055	Dương Thị Khánh Ly	25/12/00	1816D18A															
26	185D180066	Lê Trần Linh Ngân	12/02/00	1816D18A															
27	185D180075	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	25/07/00	1816D18A															
28	185D180083	Nguyễn Thị Thảo	16/03/00	1816D18A															
29	185D180036	Cao Thị Hoa	06/11/00	1816D18B															
30	185D180084	Nguyễn Thị Thanh Thảo	14/01/00	1816D18B															
31	185D180102	Hoàng ánh Tuyết	01/11/00	1816D18B															
32	185D250001	Ienglorth Dettaphone	09/09/85	1816D25A															
33	185D300004	Manilong Inkeo	17/04/97	1816D30A															
34	185D300005	Douangmany Khamhak	21/01/98	1816D30A															
35	185D410001	Lê Kim Cương	27/08/00	1816D41A															
36	185D410013	Hà Anh Điển	01/10/00	1816D41A															
37	185D410002	Vũ Đình Khanh	27/11/97	1816D41A															
38	185D420002	Trương Việt Hoàng	03/09/00	1816D42A															
39	185D420003	Nguyễn Đức Nhật	31/07/00	1816D42A															
40	185D830002	Nguyễn Quang Anh	25/10/00	1816D83A															

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Pháp luật đại cương (DPT213) - Nhóm 01
Triệu Lan Hương (1285)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D830003	Arpor	Arza	15/06/98	1816D83A															
2	185D830004	Cao Kim	Cương	13/02/97	1816D83A															
3	185D830005	Trần Minh	Hiếu	27/12/00	1816D83A															
4	185D830006	Hoàng Xuân	Khải	10/08/00	1816D83A															
5	185D830007	Thongvanh	Linthong	02/03/85	1816D83A															
6	185D830009	Keomaneevong	Vongngern	21/11/97	1816D83A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Pháp luật đại cương (DPT213) - Nhóm 02
Đinh Thị Thu Phương (1190)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D020008	Đặng Minh Chang	25/09/97	1513D02A															
2	155D020060	Lê Thành Trung	06/10/97	1513D02A															
3	155D300011	Nguyễn Thị Hào	05/08/97	1513D30A															
4	161C080014	Đinh Thị Hồng Nhung	06/02/98	1614C08A															
5	161C080027	Nguyễn Thị Phương Tiến	02/07/97	1614C08A															
6	165D030002	Phùng Hải Anh	11/01/98	1614D03A															
7	165D030053	Đỗ Thị Thúy Nga	15/12/98	1614D03A															
8	175D020003	Nguyễn Yến Hoa	13/07/99	1715D02A															
9	175D030003	Trần Quỳnh Anh	29/11/99	1715D03B															
10	175D030004	Trần Thị Ngọc ánh	09/09/99	1715D03B															
11	175D030016	Lưu Thị Thanh Hoa	22/11/99	1715D03B															
12	175D030019	Lê Thị Thúy Hồng	18/11/99	1715D03B															
13	175D030034	Hoàng Thị Thùy Linh	27/08/99	1715D03B															
14	175D030035	Lê Thị Thùy Linh	24/06/99	1715D03B															
15	175D030042	Trần Thanh Loan	10/09/99	1715D03B															
16	175D030043	Trần Thị Lượng	19/07/99	1715D03B															
17	175D030052	Lê Thị Tuyết Nhung	14/02/99	1715D03B															
18	175D030067	Trần Thị Như Quỳnh	01/06/99	1715D03B															
19	175D050017	Phan Thị Thúy Hồng	06/09/99	1715D05A															
20	175D050018	Trần Thị Hồng	15/01/99	1715D05A															
21	175D050042	Nguyễn Thị Thu	04/05/99	1715D05A															
22	185D030005	Hà Thị Ngọc Bích	13/11/00	1816D03A															
23	185D030013	Trịnh Thị Thúy Hạnh	22/06/00	1816D03A															
24	185D030048	Đinh Thị Mừng	12/05/00	1816D03A															
25	185D050024	Nguyễn Thị Trà My	18/01/00	1816D05A															
26	185D050029	Pheng Phonemaly	28/08/99	1816D05A															
27	185D150003	Hoàng Tuấn Anh	11/04/00	1816D15A															
28	185D150009	Hoàng Anh Duy	27/09/00	1816D15A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Pháp luật đại cương (DPT213) - Nhóm 03
Nguyễn Mạnh Thắng (1260)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D010008	Hà Thị Thanh Dung	10/09/97	1513D01A															
2	155D020019	Nguyễn Thị Ngọc Hân	28/03/97	1513D02A															
3	155D080022	Lê Tất Thành	13/08/97	1513D08A															
4	155D080023	Lê Hồ Phương Thảo	16/07/97	1513D08A															
5	165D010015	Nhâm Ngọc Huy	05/03/98	1614D01A															
6	175D020002	Nguyễn Thị Bích Hằng	30/11/99	1715D02A															
7	175D110015	Tạ Đức Long	07/01/99	1715D11A															
8	185D040010	Nguyễn Thị Khánh Huyền	27/04/00	1816D04A															
9	185D040028	Nguyễn Thị Thúy	20/09/00	1816D04A															
10	185D100099	Tống Khánh Linh	05/01/00	1816D10A															
11	185D100064	Hà Thị Lệ Quyên	23/10/00	1816D10A															
12	185D150019	Huỳnh Đức Long	27/06/00	1816D15A															
13	185D150020	Nguyễn Đức Long	25/07/00	1816D15A															
14	185D150035	Nguyễn Thành Long	29/07/00	1816D15A															
15	185D150015	Đào Minh Ngọc	15/10/00	1816D15A															
16	185D150023	Nguyễn Bá Ngọc	19/11/00	1816D15A															
17	185D150028	Lê Việt Thảo	23/02/00	1816D15A															
18	185D150029	Nguyễn Đức Thắng	12/10/99	1816D15A															
19	185D150031	Vongphachanh Thitfonh	17/01/99	1816D15A															
20	185D150032	Hà Nam Tiến	19/09/97	1816D15A															
21	185D150033	Hoàng Thế Vũ	19/07/00	1816D15A															
22	185D160011	Luengthachanh Khuanxai	20/06/98	1816D16A															
23	185D180108	Đỗ Thị Kim Dung	19/07/00	1816D18A															
24	185D180026	Tạ Thanh Hạnh	04/06/00	1816D18A															
25	185D180030	Lê Minh Hằng	06/04/00	1816D18A															
26	185D180031	Lê Thị Thu Hằng	16/10/00	1816D18A															
27	185D180035	Tạ Thị Thanh Hiền	07/08/00	1816D18A															
28	185D180046	Nguyễn Thị Lâm	01/11/00	1816D18A															
29	185D180057	Hoàng Thị Thanh Mai	23/11/00	1816D18A															
30	185D180064	Vũ Thị Tuyết Nga	03/06/00	1816D18A															
31	185D180070	Đỗ Thị Nhung	12/10/00	1816D18A															
32	185D180079	Nguyễn Thị Minh Tâm	03/12/00	1816D18A															
33	185D180087	Trần Văn Thìn	05/04/00	1816D18A															
34	185D180092	Lê Thị Thương	25/08/00	1816D18A															
35	185D180096	Khổng Huyền Trang	30/08/00	1816D18A															
36	185D180097	Nguyễn Thị Thu Trang	14/07/00	1816D18A															
37	185D180018	Hà Thị Hương Giang	17/10/00	1816D18B															
38	185D180025	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	18/09/00	1816D18B															
39	185D180044	Nguyễn Thị Hoàng Lan	10/10/00	1816D18B															
40	185D180065	Đặng Thị Hồng Ngát	04/02/00	1816D18B															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Pháp luật đại cương (DPT213) - Nhóm 03
Nguyễn Mạnh Thắng (1260)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D180086	Lê Thị Hồng Thăm	10/11/00	1816D18B															
2	185D410010	Souliphone Xang	05/07/99	1816D41A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDPháp luật đại cương (DPT213) - Nhóm 04
Triệu Lan Hương (1285)

Số Tín Chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D040014	Nguyễn Hữu	Hoàng	07/04/96	1412D04A															
2	145D810009	Đào Minh	Phúc	11/10/96	1412D81A															
3	155D100065	Hà Kiều	Oanh	10/04/97	1513D10B															
4	155D150008	Trương Mạnh	Hùng	11/08/96	1513D15A															
5	155D160018	Vũ Thu	Trang	17/07/97	1513D16A															
6	155D280013	Lê Thị Thanh	Hà	16/05/97	1513D28A															
7	165D020001	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/08/98	1614D02A															
8	165D020008	Đào Thu	Hà	09/03/98	1614D02A															
9	165D020010	Thiên Thị	Hoa	28/07/98	1614D02A															
10	165D020022	Nguyễn Phương	Thảo	31/12/98	1614D02A															
11	165D030010	Nguyễn Thị Thùy	Dương	23/12/98	1614D03A															
12	165D050031	Đinh Thị	Huế	22/01/98	1614D05A															
13	165D300039	Khuất Thị Thu	Thùy	14/07/98	1614D30A															
14	175D020006	Hà Thị Thu	Hường	30/10/97	1715D02A															
15	175D020009	Hoàng Quang	Minh	15/03/99	1715D02A															
16	175D100056	Lê Hồng	Phong	24/02/99	1715D10A															
17	175D110001	Phùng Khắc	Cương	24/12/99	1715D11A															
18	175D110003	Lê Quang	Đại	12/07/99	1715D11A															
19	175D110007	Quyền Thị Mai	Hương	12/08/98	1715D11A															
20	175D110014	Xaiyasın	Touy	10/07/97	1715D11A															
21	175D180010	Ly Tong	Er	12/12/96	1715D18A															
22	175D180018	Nguyễn Thu	Hiền	19/03/99	1715D18A															
23	175D180022	Trần Thị Thu	Huyền	28/08/99	1715D18A															
24	175D180034	Đinh Thị Như	Quỳnh	11/09/99	1715D18A															
25	175D180041	Cao Thị Thanh	Thúy	09/08/99	1715D18A															
26	175D180043	Nguyễn Thùy	Trang	24/08/99	1715D18A															
27	175D240003	Thammasone	Keth	05/05/95	1715D24A															
28	175D300009	Nguyễn Hoài	Nam	14/10/99	1715D30A															
29	175D700001	Khamthavong	Phonexay	14/06/97	1715D70A															
30	175D700004	Siphasouk	Thongsı	23/08/97	1715D70A															
31	185D010002	Suliphone	Kham	25/05/84	1816D01A															
32	185D010004	Onmanychan	Mai	04/12/00	1816D01A															
33	185D010005	Phoudkhamxai	Sengyod	15/03/98	1816D01A															
34	185D010006	Laoly	Sounaly	17/10/99	1816D01A															
35	185D020006	Inthavone	Phasouk	20/12/84	1816D02A															
36	185D040002	Hoàng Trung	Cường	24/06/00	1816D04A															
37	185D040004	Nguyễn Khánh	Duy	04/01/00	1816D04A															
38	185D040006	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	18/10/00	1816D04A															
39	185D040007	Nguyễn Hoàng	Hiệp	16/01/00	1816D04A															
40	185D040008	Trần Thanh	Hoa	13/10/00	1816D04A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Pháp luật đại cương (DPT213) - Nhóm 04
Triệu Lan Hương (1285)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D040011	Tổng Thị Thu	Hương	24/11/00	1816D04A														
2	185D040014	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	07/06/99	1816D04A														
3	185D040016	Lục Thị Kim	Loan	01/09/00	1816D04A														
4	185D040018	Nguyễn Anh	Long	01/07/00	1816D04A														
5	185D040019	Trần Thị Yến	My	17/07/00	1816D04A														
6	185D040036	Nguyễn Thị	Nguyệt	20/10/99	1816D04A														
7	185D040021	Phạm Hồng	Phú	15/09/00	1816D04A														
8	185D040029	Khổng Thị Lệ	Thương	06/02/00	1816D04A														
9	185D040033	Tạ Thanh	Tùng	26/07/00	1816D04A														
10	185D100011	Nguyễn Tiến	Dũng	12/07/00	1816D10A														
11	185D100016	Đinh Thu	Giang	04/11/00	1816D10A														
12	185D100032	Bùi Huy	Hoàng	19/05/00	1816D10A														
13	185D100043	Đào Thị Nhật	Linh	28/07/00	1816D10A														
14	185D100044	Đỗ Quang	Linh	11/10/00	1816D10A														
15	185D100095	Nguyễn Thị Ngọc	Ngà	27/04/00	1816D10A														
16	185D100052	Nguyễn Bích	Ngọc	17/03/00	1816D10A														
17	185D100056	Lê Thị Hồng	Nhung	29/08/00	1816D10A														
18	185D100068	Cao Tiến	Thành	14/01/00	1816D10A														
19	185D100092	Đinh Phương	Thảo	25/12/00	1816D10A														
20	185D100010	Đào Mỹ	Dung	16/06/00	1816D10B														
21	185D100023	Nguyễn Hồng	Hạnh	07/05/00	1816D10B														
22	185D100033	Đỗ Huy	Hoàng	06/01/00	1816D10B														
23	185D100051	Nguyễn Thị Thúy	Nga	17/06/00	1816D10B														
24	185D110001	Quan Thị Phương	Anh	29/08/00	1816D11A														
25	185D110003	Lê Quý	Bình	30/12/95	1816D11A														
26	185D110009	Chongmairly	Kengly	20/03/97	1816D11A														
27	185D110010	Bùi Quang	Linh	17/06/00	1816D11A														
28	185D110013	Chanthavisouk	Phitsana	14/12/99	1816D11A														
29	185D150005	Tô Hiến	Anh	21/09/98	1816D15A														
30	185D150027	Airlak	Saithavy	16/07/99	1816D15A														
31	185D410006	Lorvankhor	Linla	30/04/99	1816D41A														

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD
Những NLCB của CN Mác - Lênin 2 (DPT302) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Thanh Hương (1124)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D020057	Khuất Thị Cẩm	Thư	16/11/97	1513D02A															
2	155D020060	Lê Thành	Trung	06/10/97	1513D02A															
3	155D100028	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	29/10/97	1513D10A															
4	155D160007	Nguyễn Trung	Hiếu	31/05/97	1513D16A															
5	155D160010	Lê Mỹ	Linh	03/06/97	1513D16A															
6	155D160016	Nguyễn Thu	Thảo	10/08/97	1513D16A															
7	155D280042	Hà Thu	Mai	14/02/97	1513D28A															
8	155D280044	Trịnh Phương	Mai	20/03/97	1513D28A															
9	155D300011	Nguyễn Thị	Hào	05/08/97	1513D30A															
10	155D410010	Trịnh Bảo	Linh	11/11/97	1513D41A															
11	155D600012	Đình Văn	Chung	15/07/97	1513D60A															
12	155D600001	Nguyễn Thị Kim	Dung	20/08/97	1513D60A															
13	155D600008	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/11/97	1513D60A															
14	155D610001	Đỗ Văn	Lộc	11/10/95	1513D61A															
15	155D810002	Nguyễn Trung	Đức	04/02/97	1513D81A															
16	165D030010	Nguyễn Thị Thùy	Dương	23/12/98	1614D03A															
17	165D040004	Trần Thị	ánh	17/10/98	1614D04A															
18	165D040038	Nguyễn Quốc	Cường	15/02/98	1614D04A															
19	165D040019	Nguyễn Thị Hằng	Nga	26/08/98	1614D04A															
20	165D230003	Đình Thị Hồng	Trang	23/09/98	1614D23A															
21	165D830008	Lý A	Phình	03/01/96	1614D83A															
22	165D830010	Mùng Thị	Tâm	20/08/98	1614D83A															
23	175D040024	Nguyễn Linh	Chi	20/08/99	1715D04A															
24	175D040007	Nguyễn Thị	Lan	21/04/99	1715D04A															
25	175D040012	Mai Hồng	Nhung	02/03/99	1715D04A															
26	175D180002	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	26/01/99	1715D18A															
27	175D180004	Nguyễn Thị Phương	Châm	10/02/99	1715D18A															
28	175D180021	Nguyễn Thị	Huyền	12/09/99	1715D18A															
29	175D280002	Vũ Minh	ánh	05/09/99	1715D28A															
30	175D280007	Nguyễn Thu	Hiền	05/06/99	1715D28A															
31	175D280009	Nguyễn Đức	Long	14/07/98	1715D28A															
32	175D410004	Đào Tiến	Mạnh	16/07/99	1715D41A															
33	185D300004	Manilong	Inkeo	17/04/97	1816D30A															
34	185D300010	Chitlaphone	Xe	15/09/96	1816D30A															
35	185D700003	Nguyễn Bích	Hào	26/10/00	1816D70A															
36	185D700007	Hà Thị	Lộc	21/04/00	1816D70A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD
Những NLCB của CN Mác - Lênin 2 (DPT302) - Nhóm 02
Nguyễn Thị Luận (1162)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100022	Bùi Thị Thúy Hằng	20/12/97	1513D10A															
2	155D100075	Cao Thị Bích Thủy	24/04/97	1513D10A															
3	165D030038	Vũ Thị Hồng Lan	20/04/98	1614D03B															
4	165D030043	Nguyễn Thị Thùy Linh	17/06/98	1614D03B															
5	165D030056	Mai Như Ngọc	18/01/98	1614D03B															
6	165D030079	Nguyễn Thị Thu Trang	17/09/98	1614D03B															
7	165D110029	Trần Thị Ninh	19/02/98	1614D11A															
8	175D030018	Hà Thị Lạc Hồng	25/11/99	1715D03A															
9	175D030023	Hoàng Thị Thu Huyền	10/09/99	1715D03A															
10	175D030030	Nguyễn Thị Hương	09/05/99	1715D03A															
11	175D030051	Trần Thị Thúy Nhiệm	10/02/99	1715D03A															
12	175D030069	Lâm Thị Thu Thảo	26/08/99	1715D03A															
13	175D030070	Nguyễn Phương Thảo	11/08/99	1715D03A															
14	185D030002	Phùng Thị An	29/06/00	1816D03A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm Kinh tế vi mô 1 (ECO309) - Nhóm 01 Số Tín Chỉ: 3
CBGD Đỗ Hải Nam (1281)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D100052	Hà Như Quỳnh	17/04/96	1412D10A															
2	155D160014	Nguyễn Mai Phương	20/02/97	1513D16A															
3	155D160018	Vũ Thu Trang	17/07/97	1513D16A															
4	165D100004	Nguyễn Thị Loan	12/07/98	1614D10A															
5	165D100087	Nguyễn Thị Thái	19/01/98	1614D10A															
6	165D100005	Nguyễn Thị Vân	09/03/98	1614D10B															
7	165D110008	Đỗ Thị Hiền	19/02/98	1614D11A															
8	165D160008	Tengbiachue	13/09/96	1614D16A															
9	165D510002	Ngô Tuấn Hùng	19/05/98	1614D51A															
10	175D100001	Đặng Vân Anh	23/10/99	1715D10A															
11	175D100031	Bùi Thị Thanh	26/11/99	1715D10A															
12	175D100035	Lê Minh Khoa	19/10/99	1715D10A															
13	175D100047	Bùi Thanh Ngân	06/07/99	1715D10A															
14	175D110014	Xaiyasin	10/07/97	1715D11A															
15	175D160003	Nguyễn Thị Lan	07/06/99	1715D16A															
16	175D160019	Nguyễn Mạnh Cường	15/05/97	1715D16A															
17	175D160005	Vì Thị Thùy Dung	16/01/99	1715D16A															
18	175D160007	Nguyễn Minh Hoàng	06/09/99	1715D16A															
19	175D160010	Nghiêm Quốc Huy	03/10/98	1715D16A															
20	175D160011	Phạm Việt Hưng	14/10/99	1715D16A															
21	175D160015	Trần Hồng Sơn	24/10/99	1715D16A															
22	175D510004	Saynamhang	10/05/86	1715D51A															
23	185D100009	Ngô Thị Thùy Chung	02/08/00	1816D10A															
24	185D100037	Đặng Thúy Hường	21/08/00	1816D10A															
25	185D100086	Hoàng Thị Hải Yến	12/12/00	1816D10A															
26	185D100038	Nguyễn Trung Kiên	19/08/00	1816D10B															
27	185D100051	Nguyễn Thị Thúy Nga	17/06/00	1816D10B															
28	185D100098	Nguyễn Thị Hải Ngân	08/06/00	1816D10B															
29	185D100059	Nguyễn Đức Phong	07/07/00	1816D10B															
30	185D100081	Đặng Quang Tú	07/09/00	1816D10B															
31	185D100085	Hoàng Hải Yến	06/11/00	1816D10B															
32	185D110005	Nguyễn Phú Hải	26/12/00	1816D11A															
33	185D110006	Hà Thu Huyền	15/05/00	1816D11A															
34	185D110009	Chongmairly	20/03/97	1816D11A															
35	185D110011	Trần Đức Long	23/09/00	1816D11A															
36	185D110013	Chanthavisouk	14/12/99	1816D11A															
37	185D110015	Sivilay	14/09/97	1816D11A															
38	185D110016	Xaiyaseng	30/03/00	1816D11A															
39	185D110017	Lê Anh Sơn	04/01/00	1816D11A															
40	185D110020	Hà Thị Diệu Thúy	02/01/00	1816D11A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Kinh tế vi mô 1 (ECO309) - Nhóm 01
Đỗ Hải Nam (1281)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D110028	Lê Minh Vương	30/03/00	1816D11A															
2	185D160008	Nuanphachanh Inkham	16/01/00	1816D16A															
3	185D160009	Khamvanmanivong Khaek	18/08/99	1816D16A															
4	185D160010	Sengsuya Khat	29/08/99	1816D16A															
5	185D160013	Lasy Panatda	08/02/00	1816D16A															
6	185D160014	Xaivongsanh Sounisa	19/11/95	1816D16A															
7	185D160015	Phengsavath Souphaphone	05/08/98	1816D16A															
8	185D160016	Douangpaseuth Tamon	03/05/00	1816D16A															
9	185D160018	Phonechalern Thippaphone	29/09/99	1816D16A															
10	185D510001	Senvong Chomseng	03/04/98	1816D51A															
11	185D510002	Onsavat Panekeo	06/03/99	1816D51A															
12	185D510005	Lormeyeng Shouaxay	08/12/96	1816D51A															
13	185D510006	Sangiemvongsack Thanousin	03/10/99	1816D51A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tài chính tiền tệ (FIB301) - Nhóm 01
Lê Văn Cường (1431)

Số Tín Chi: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	165D100058	Phạm Ngọc Khuyên	14/09/98	1614D10B															
2	165D100109	Trần Anh Tuấn	27/08/98	1614D10B															
3	175D110008	Yopene Khevinh	18/01/96	1715D11A															
4	175D110012	Keomakhoun Soudjai	12/02/95	1715D11A															
5	185D100043	Đào Thị Nhật Linh	28/07/00	1816D10A															
6	185D100056	Lê Thị Hồng Nhung	29/08/00	1816D10A															
7	185D100058	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/01/00	1816D10A															
8	185D100031	Phùng Hạnh Hoa	26/04/00	1816D10B															
9	185D110008	Đỗ Mạnh Hưng	17/12/00	1816D11A															
10	185D110026	Đỗ Quốc Sơn	01/04/00	1816D11A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Địa lý kinh tế Việt Nam (GEO250) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Thịnh (1081)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D040010	Đào Thị Hằng	26/03/96	1412D04A															
2	155D040060	Phạm Thị Thanh Nhân	03/11/97	1513D04A															
3	155D040057	Đinh Văn Thành	20/03/97	1513D04A															
4	155D040052	Trần Anh Tuấn	18/02/97	1513D04A															
5	165D040013	Vũ Hoàng Hưng	02/06/98	1614D04A															
6	165D040024	Lê Thị Hồng Nhung	15/07/93	1614D04A															
7	175D040011	Dương Thị Mai	30/01/99	1715D04A															
8	175D040016	Mâu Thị Thu Thủy	25/12/99	1715D04A															
9	175D040019	Mai Lê Quỳnh Trang	07/08/99	1715D04A															
10	175D180010	Ly Tong Er	12/12/96	1715D18A															
11	175D180048	Nguyễn Thị Thúy Hằng	30/06/99	1715D18A															
12	175D180023	Nguyễn Ngọc Lan	13/01/99	1715D18A															
13	175D180028	Nguyễn Văn Nam	08/09/99	1715D18A															
14	175D180031	Nguyễn Thị Hồng Nhung	13/08/99	1715D18A															
15	175D180049	Cao Thị Phương Thảo	01/12/99	1715D18A															
16	175D180043	Nguyễn Thùy Trang	24/08/99	1715D18A															
17	175D180044	Trần Kiều Trang	25/07/98	1715D18A															
18	175D180047	Nguyễn Thị Yến	13/06/99	1715D18A															
19	185D040001	Hoàng Thị Lan Anh	12/10/00	1816D04A															
20	185D040002	Hoàng Trung Cường	24/06/00	1816D04A															
21	185D040004	Nguyễn Khánh Duy	04/01/00	1816D04A															
22	185D040006	Nguyễn Thị Thúy Hiền	18/10/00	1816D04A															
23	185D040007	Nguyễn Hoàng Hiệp	16/01/00	1816D04A															
24	185D040008	Trần Thanh Hoa	13/10/00	1816D04A															
25	185D040011	Tống Thị Thu Hương	24/11/00	1816D04A															
26	185D040014	Nguyễn Thị Mỹ Linh	07/06/99	1816D04A															
27	185D040018	Nguyễn Anh Long	01/07/00	1816D04A															
28	185D040021	Phạm Hồng Phú	15/09/00	1816D04A															
29	185D040027	Nguyễn Văn Thìn	02/11/00	1816D04A															
30	185D040029	Khổng Thị Lệ Thương	06/02/00	1816D04A															
31	185D040033	Tạ Thanh Tùng	26/07/00	1816D04A															
32	185D180024	Lê Thị Hải	18/05/00	1816D18A															
33	185D180075	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	25/07/00	1816D18A															

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Hoá học phân tích 1 (HH2325) - Nhóm 01

Phùng Thị Lan Hương (1292)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D240001	Nguyễn Tuấn Anh	29/10/97	1513D24A															
2	165D240001	Đỗ Ngọc ánh	01/04/98	1614D24A															
3	165D240003	Phounsavanh Keunmany	05/07/80	1614D24A															
4	175D240003	Thammasone Keth	05/05/95	1715D24A															
5	175D240004	Vannaphom Khambang	13/02/97	1715D24A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Lịch sử văn minh thế giới (HIS202) - Nhóm 01
Triệu Thị Hương Liên (1083)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	175D180018	Nguyễn Thu	Hiền	19/03/99	1715D18A															
2	175D180030	Cao Thị Thanh	Nhàn	01/01/99	1715D18A															
3	185D040013	Đinh Thị Khánh	Linh	06/10/00	1816D04A															
4	185D040015	Vì Thùy	Linh	26/01/00	1816D04A															
5	185D100069	Đinh Phương	Thảo	25/04/00	1816D10B															
6	185D180007	Tổng Thanh	Bình	31/10/00	1816D18A															
7	185D180108	Đỗ Thị Kim	Dung	19/07/00	1816D18A															
8	185D180024	Lê Thị	Hải	18/05/00	1816D18A															
9	185D180026	Tạ Thanh	Hạnh	04/06/00	1816D18A															
10	185D180030	Lê Minh	Hằng	06/04/00	1816D18A															
11	185D180031	Lê Thị Thu	Hằng	16/10/00	1816D18A															
12	185D180035	Tạ Thị Thanh	Hiền	07/08/00	1816D18A															
13	185D180046	Nguyễn Thị	Lâm	01/11/00	1816D18A															
14	185D180048	Nguyễn Thị Bích	Liên	10/11/00	1816D18A															
15	185D180055	Dương Thị Khánh	Ly	25/12/00	1816D18A															
16	185D180057	Hoàng Thị Thanh	Mai	23/11/00	1816D18A															
17	185D180064	Vũ Thị Tuyết	Nga	03/06/00	1816D18A															
18	185D180066	Lê Trần Linh	Ngân	12/02/00	1816D18A															
19	185D180070	Đỗ Thị	Nhung	12/10/00	1816D18A															
20	185D180075	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	25/07/00	1816D18A															
21	185D180083	Nguyễn Thị	Thảo	16/03/00	1816D18A															
22	185D180087	Trần Văn	Thìn	05/04/00	1816D18A															
23	185D180096	Khổng Huyền	Trang	30/08/00	1816D18A															
24	185D180097	Nguyễn Thị Thu	Trang	14/07/00	1816D18A															
25	185D180001	Nguyễn Thu	An	21/06/00	1816D18B															
26	185D180018	Hà Thị Hương	Giang	17/10/00	1816D18B															
27	185D180020	Khổng Thị	Hà	17/09/00	1816D18B															
28	185D180025	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	18/09/00	1816D18B															
29	185D180034	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/01/00	1816D18B															
30	185D180036	Cao Thị	Hoa	06/11/00	1816D18B															
31	185D180044	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	10/10/00	1816D18B															
32	185D180047	Phạm Thị	Liêm	07/01/00	1816D18B															
33	185D180051	Tạ Thị Thùy	Linh	02/03/00	1816D18B															
34	185D180058	Trần Thị	Mai	04/12/00	1816D18B															
35	185D180107	Riêu Thị	Phương	20/11/00	1816D18B															
36	185D180086	Lê Thị Hồng	Thắm	10/11/00	1816D18B															
37	185D180102	Hoàng ánh	Tuyết	01/11/00	1816D18B															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Toán rời rạc (INT208) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Hào (1212)

Số Tín Chi: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D150012	Phạm Mạnh	Tiến	08/04/95	1412D15A															
2	185D100003	Lý Nhật	Anh	11/04/00	1816D10B															
3	185D150001	Leuangthongsai	Amphone	14/09/99	1816D15A															
4	185D150002	Douangphachanh	Amue	15/09/98	1816D15A															
5	185D150003	Hoàng Tuấn	Anh	11/04/00	1816D15A															
6	185D150004	Nguyễn Việt	Anh	07/09/00	1816D15A															
7	185D150005	Tô Hiến	Anh	21/09/98	1816D15A															
8	185D150006	Chanthavy	Ching	07/10/99	1816D15A															
9	185D150009	Hoàng Anh	Duy	27/09/00	1816D15A															
10	185D150010	Nguyễn Ngọc	Hải	30/12/00	1816D15A															
11	185D150011	Nguyễn Ngọc	Hải	30/04/00	1816D15A															
12	185D150012	Bùi Hưng	Hiếu	15/10/00	1816D15A															
13	185D150013	Lại Minh	Hiếu	20/07/00	1816D15A															
14	185D150014	Vanpichanxay	Houmphanh	04/01/00	1816D15A															
15	185D150016	Trần Mạnh	Hùng	08/12/00	1816D15A															
16	185D150017	Kittaphone	Kittisack	03/01/99	1816D15A															
17	185D150018	Xaybounsouk	Latda	23/06/99	1816D15A															
18	185D150019	Huỳnh Đức	Long	27/06/00	1816D15A															
19	185D150020	Nguyễn Đức	Long	25/07/00	1816D15A															
20	185D150035	Nguyễn Thành	Long	29/07/00	1816D15A															
21	185D150022	Đỗ Dương	Nam	28/11/00	1816D15A															
22	185D150015	Đào Minh	Ngọc	15/10/00	1816D15A															
23	185D150023	Nguyễn Bá	Ngọc	19/11/00	1816D15A															
24	185D150024	Nguyễn Đức	Ngọc	15/07/00	1816D15A															
25	185D150025	Vonglokham	Phonemany	18/02/99	1816D15A															
26	185D150026	Manivong	Phoudthasin	24/12/98	1816D15A															
27	185D150027	Airlak	Saithavy	16/07/99	1816D15A															
28	185D150028	Lê Việt	Thào	23/02/00	1816D15A															
29	185D150029	Nguyễn Đức	Thắng	12/10/99	1816D15A															
30	185D150030	Nguyễn Minh	Thắng	04/07/00	1816D15A															
31	185D150031	Vongphachanh	Thitfonh	17/01/99	1816D15A															
32	185D150032	Hà Nam	Tiến	19/09/97	1816D15A															
33	185D150033	Hoàng Thế	Vũ	19/07/00	1816D15A															
34	185D150034	Sần Khánh	Vui	23/10/00	1816D15A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Tin học đại cương (INT302) - Nhóm 01
Nguyễn Kiên Trung (1435)

Số Tín Chỉ:

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D010031	Hoàng Xuân Thiều	13/05/95	1311D01A															
2	155D600011	Hoàng Hoàng Anh	10/07/95	1513D60A															
3	155D600005	Trần Quang Huy	05/05/97	1513D60A															
4	155D600007	Phạm Ngọc Mai	01/05/97	1513D60A															
5	185D030029	Đinh Thị Hương Ngọc	02/04/00	1816D03A															
6	185D160009	Khamvanmanivong Khaek	18/08/99	1816D16A															
7	185D160010	Sengsuya Khat	29/08/99	1816D16A															
8	185D160011	Luengthachanh Khuantai	20/06/98	1816D16A															
9	185D160015	Phengsavath Souphaphone	05/08/98	1816D16A															
10	185D510001	Senvong Chomseng	03/04/98	1816D51A															
11	185D510002	Onsavat Panekeo	06/03/99	1816D51A															
12	185D510003	Laoly Phonethip	22/01/00	1816D51A															
13	185D510005	Lormeyeng Shouaxay	08/12/96	1816D51A															
14	185D510006	Sangiemvongsack Thanousin	03/10/99	1816D51A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tin học đại cương (INT302) - Nhóm 02
Thiêu Thị Tài (1209)

Số Tín Chỉ:

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D090023	Khổng Gia Huy	Hoàng	24/08/96	1513D09A														
2	155D600012	Đình Văn	Chung	15/07/97	1513D60A														
3	155D600010	Pờ Sín	Toàn	15/08/96	1513D60A														
4	165D020012	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/11/98	1614D02A														
5	165D020016	Nguyễn Thị Họa	My	21/01/98	1614D02A														
6	165D030017	Phùng Thị Thúy	Hà	14/01/97	1614D03B														
7	165D600003	Hà Đỗ	Đức	05/01/98	1614D60A														
8	175D500001	Hà Quang	Hiếu	02/12/99	1715D50A														
9	175D500002	Kiều Trung	Hiếu	22/08/98	1715D50A														
10	175D500003	Lý A	Từ	15/07/99	1715D50A														
11	175D510002	Vongseng	Khamchan	01/01/86	1715D51A														
12	175D510005	Xaiyavong	Thun	23/04/98	1715D51A														
13	185D110015	Sivilay	Sakeo	14/09/97	1816D11A														
14	185D160007	Phạm Thu	Hương	03/08/00	1816D16A														
15	185D300005	Douangmany	Khamhak	21/01/98	1816D30A														
16	185D410001	Lê Kim	Cương	27/08/00	1816D41A														
17	185D410013	Hà Anh	Điển	01/10/00	1816D41A														
18	185D410006	Lorvankhor	Linla	30/04/99	1816D41A														
19	185D410007	Sengraphon	Singsai	13/04/98	1816D41A														
20	185D410010	Souliphone	Xang	05/07/99	1816D41A														

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Lập trình cơ bản (INT303) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Hào (1212)

Số Tín Chi: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D150005	Đỗ Hải	Đăng	01/04/95	1412D15A														
2	145D150007	Nguyễn Trung	Hiếu	21/09/96	1412D15A														
3	175D150015	Inthaphone	Manivanh	29/01/97	1715D15A														
4	175D150029	Hoàng Thúc	Quý	10/02/97	1715D15A														
5	175D150019	Nguyễn Thị Bích	Thủy	04/07/99	1715D15A														
6	175D150028	Phommasing	Yeng	15/01/97	1715D15A														
7	185D150001	Leuangthongsai	Amphone	14/09/99	1816D15A														
8	185D150002	Douangphachanh	Amue	15/09/98	1816D15A														
9	185D150003	Hoàng Tuấn	Anh	11/04/00	1816D15A														
10	185D150005	Tô Hiến	Anh	21/09/98	1816D15A														
11	185D150006	Chanthavy	Ching	07/10/99	1816D15A														
12	185D150007	Vũ Thành	Công	24/11/00	1816D15A														
13	185D150014	Vanpichanxay	Houmphanh	04/01/00	1816D15A														
14	185D150016	Trần Mạnh	Hùng	08/12/00	1816D15A														
15	185D150017	Kittaphone	Kittisack	03/01/99	1816D15A														
16	185D150018	Xaybounsouk	Latda	23/06/99	1816D15A														
17	185D150019	Huỳnh Đức	Long	27/06/00	1816D15A														
18	185D150035	Nguyễn Thành	Long	29/07/00	1816D15A														
19	185D150024	Nguyễn Đức	Ngọc	15/07/00	1816D15A														
20	185D150029	Nguyễn Đức	Thắng	12/10/99	1816D15A														

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Phân tích hoạt động kinh doanh (KE2224) - Nhóm 01
Lê Văn Bắc (1237)

Số Tín Chi: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	165D100033	Hoàng Thị Hằng	03/01/98	1614D10A															
2	165D100035	Nguyễn Thị Thúy Hằng	03/07/98	1614D10A															
3	165D100059	Hà Thị Hồng Lan	13/06/98	1614D10A															
4	165D100063	Bùi Mỹ Linh	22/10/98	1614D10A															
5	165D100125	Lý Thành Luân	09/04/97	1614D10A															
6	165D100069	Nguyễn Phương Ly	17/04/98	1614D10A															
7	165D100073	Vương Đức Mạnh	11/09/98	1614D10A															
8	165D100083	Trần Hoàng Anh Phong	07/09/98	1614D10A															
9	165D100089	Nguyễn Thị Như Quỳnh	17/02/98	1614D10A															
10	165D100106	Phan Thị Thu Trang	27/07/98	1614D10A															
11	165D100028	Nguyễn Ngọc Hải	18/02/98	1614D10B															
12	165D100090	Lê Trung Thành	29/07/98	1614D10B															
13	165D100091	Lý Thị Phương Thảo	11/08/98	1614D10B															
14	165D100094	Nguyễn Cao Thắng	10/09/98	1614D10B															
15	165D100104	Nguyễn Thị Thu Trang	15/03/98	1614D10B															
16	165D100114	Nguyễn Tuấn Vũ	06/03/98	1614D10B															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Kế toán tài chính 1 (KE2302) - Nhóm 01
Trần Thị Bích Nhân (1100)

Số Tín Chi: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D100052	Hà Như Quỳnh	17/04/96	1412D10A															
2	155D100056	Nguyễn Thị Nga	10/07/95	1513D10A															
3	155D100038	Nguyễn Thị Phương Lan	18/07/97	1513D10B															
4	165D100009	Ngô Ngọc ánh	13/07/98	1614D10A															
5	165D100121	Hoàng Kiều Loan	23/02/98	1614D10A															
6	165D100089	Nguyễn Thị Như Quỳnh	17/02/98	1614D10A															
7	165D100097	Trương Thị Lan Thư	18/07/98	1614D10A															
8	165D100001	Đinh Công An	04/10/98	1614D10B															
9	165D100129	Trần Thị Ngọc ánh	08/01/98	1614D10B															
10	165D100104	Nguyễn Thị Thu Trang	15/03/98	1614D10B															
11	175D100001	Đặng Văn Anh	23/10/99	1715D10A															
12	175D100002	Lê Tiến Anh	24/08/99	1715D10A															
13	175D100011	Hoàng Hải Dương	17/10/99	1715D10A															
14	175D100012	Phan Huy Dương	20/04/95	1715D10A															
15	175D100021	Hoàng Quỳnh Hoa	10/05/99	1715D10A															
16	175D100024	Ngô Thị Thu Hoài	09/12/99	1715D10A															
17	175D100025	Nguyễn Thị Thu Hồng	10/11/99	1715D10A															
18	175D100027	Nguyễn Đức Huy	07/09/99	1715D10A															
19	175D100031	Bùi Thị Thanh Hương	26/11/99	1715D10A															
20	175D100032	Đàm Thị Hương	24/06/99	1715D10A															
21	175D100035	Lê Minh Khoa	19/10/99	1715D10A															
22	175D100038	Đặng Việt Lâm	19/04/99	1715D10A															
23	175D100040	Lê Thị Diệu Linh	18/04/99	1715D10A															
24	175D100043	Trần Thị Thủy Linh	06/09/99	1715D10A															
25	175D100048	Nguyễn Thị Thúy Ngân	12/07/99	1715D10A															
26	175D100054	Phạm Thị ánh Nguyệt	18/06/99	1715D10A															
27	175D100062	Nguyễn Thị Hoài Thu	10/09/99	1715D10A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Kế toán tài chính 2 (KE2303) - Nhóm 01
Phùng Thị Khang Ninh (1104)

Số Tín Chi: 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	165D100009	Ngô Ngọc	ánh	13/07/98	1614D10A															
2	165D100079	Hồ Thị Hồng	Nhung	15/05/98	1614D10A															
3	165D100097	Trương Thị Lan	Thư	18/07/98	1614D10A															
4	165D100100	Đỗ Thị Thanh	Tiền	05/11/98	1614D10A															
5	165D100129	Trần Thị Ngọc	ánh	08/01/98	1614D10B															
6	175D100005	Tạ Phương	Anh	28/09/99	1715D10A															
7	175D100035	Lê Minh	Khoa	19/10/99	1715D10A															
8	175D100036	Lê Khắc	Kiên	24/09/99	1715D10A															
9	175D100047	Bùi Thanh	Ngân	06/07/99	1715D10A															
10	175D100054	Phạm Thị ánh	Nguyệt	18/06/99	1715D10A															
11	175D100061	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/10/99	1715D10A															
12	175D100062	Nguyễn Thị Hoài	Thu	10/09/99	1715D10A															
13	175D100077	Lại Thu	Thương	28/09/99	1715D10A															
14	175D100064	Nguyễn Thị Thu	Thương	24/09/99	1715D10A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Lịch sử các học thuyết kinh tế (KT1201) - Nhóm 01
Phạm Lan Hương (1248)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100028	Nguyễn Thị Hồng Hoa	29/10/97	1513D10A															
2	155D100056	Nguyễn Thị Nga	10/07/95	1513D10A															
3	155D100065	Hà Kiều Oanh	10/04/97	1513D10B															
4	165D110029	Trần Thị Ninh	19/02/98	1614D11A															
5	165D160014	Phùng Trọng Tiến	09/09/98	1614D16A															
6	175D100014	Đỗ Thị Thu Hà	20/10/99	1715D10A															
7	175D100040	Lê Thị Diệu Linh	18/04/99	1715D10A															
8	185D100091	Nguyễn Anh Thái	02/06/00	1816D10A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Kinh tế phát triển (KT1207) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Thúy Loan (1452)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D160017	Vương Hà Lệ	Thủy	22/02/97	1513D16A														
2	165D100059	Hà Thị Hồng	Lan	13/06/98	1614D10A														
3	165D100028	Nguyễn Ngọc	Hải	18/02/98	1614D10B														
4	165D100058	Phạm Ngọc	Khuyên	14/09/98	1614D10B														
5	165D100082	Lương Thái	Phong	18/08/98	1614D10B														
6	165D100091	Lý Thị Phương	Thào	11/08/98	1614D10B														
7	165D100094	Nguyễn Cao	Thắng	10/09/98	1614D10B														
8	165D100099	Phạm Thị Thu	Thương	03/06/98	1614D10B														
9	165D110009	Lưu Quốc	Hoàn	22/01/98	1614D11A														
10	165D160012	Trần Văn	Ngọc	26/05/98	1614D16A														
11	175D110007	Quyền Thị Mai	Hương	12/08/98	1715D11A														
12	175D110013	Phùng Thị	Thế	25/08/95	1715D11A														
13	175D160005	Vi Thị Thùy	Dung	16/01/99	1715D16A														
14	175D160007	Nguyễn Minh	Hoàng	06/09/99	1715D16A														
15	175D160010	Nghiêm Quốc	Huy	03/10/98	1715D16A														
16	175D160011	Phạm Việt	Hưng	14/10/99	1715D16A														
17	185D100002	Hoàng Thị Tú	Anh	03/02/00	1816D10A														
18	185D100004	Nguyễn Quỳnh	Anh	05/08/00	1816D10A														
19	185D100006	Trần Ngọc	ánh	15/01/00	1816D10A														
20	185D100008	Nguyễn Ngọc	Châm	21/10/00	1816D10A														
21	185D100011	Nguyễn Tiến	Dũng	12/07/00	1816D10A														
22	185D100012	Đỗ Thùy	Dương	13/12/00	1816D10A														
23	185D100013	Lưu Tuấn	Đài	07/09/00	1816D10A														
24	185D100014	Vũ Hoàng	Đăng	26/09/00	1816D10A														
25	185D100022	Nguyễn Thu	Hà	15/12/00	1816D10A														
26	185D100026	Phan Thu	Hằng	19/11/00	1816D10A														
27	185D100042	Cao Phương	Linh	25/01/00	1816D10A														
28	185D100048	Nguyễn Thị	Linh	05/12/00	1816D10A														
29	185D100099	Tống Khánh	Linh	05/01/00	1816D10A														
30	185D100050	Lê Thị Trà	My	24/11/00	1816D10A														
31	185D100055	Vũ Thụy Thảo	Nhi	20/09/00	1816D10A														
32	185D100060	Lê Thu	Phương	16/12/00	1816D10A														
33	185D100091	Nguyễn Anh	Thái	02/06/00	1816D10A														
34	185D100068	Cao Tiến	Thành	14/01/00	1816D10A														
35	185D100092	Đinh Phương	Thào	25/12/00	1816D10A														
36	185D100078	Nguyễn Thị Minh	Trang	06/12/00	1816D10A														
37	185D100001	Hoàng Thị Thu	Anh	26/02/00	1816D10B														
38	185D100005	Hà Ngọc	ánh	14/12/00	1816D10B														
39	185D100007	Nguyễn Hằng	Châm	02/01/00	1816D10B														
40	185D100023	Nguyễn Hồng	Hạnh	07/05/00	1816D10B														

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Kinh tế phát triển (KT1207) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Thúy Loan (1452)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D100025	Nguyễn Thu Hằng	23/11/00	1816D10B															
2	185D100027	Đặng Thị Thu Hiền	08/05/00	1816D10B															
3	185D100029	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/08/00	1816D10B															
4	185D100035	Vũ Thị Ngọc Huyền	10/11/00	1816D10B															
5	185D100045	Hán Hoài Linh	08/07/00	1816D10B															
6	185D100046	Nguyễn Diệu Linh	26/09/00	1816D10B															
7	185D100047	Nguyễn Khánh Linh	12/04/00	1816D10B															
8	185D100049	Vi Thị Mỹ Linh	17/08/00	1816D10B															
9	185D100053	Nguyễn Hồng Ngọc	02/03/00	1816D10B															
10	185D100057	Nguyễn Thị Hồng Nhung	14/09/00	1816D10B															
11	185D100061	Nguyễn Thị Thu Phương	27/05/00	1816D10B															
12	185D100063	Trần Thị Ngọc Quý	26/11/00	1816D10B															
13	185D100065	Hoàng Thúy Quỳnh	28/06/00	1816D10B															
14	185D100073	Đặng Hoài Thu	03/10/98	1816D10B															
15	185D100077	Đào Huyền Trang	11/11/00	1816D10B															
16	185D100079	Phạm Thị Thu Trang	18/11/00	1816D10B															
17	185D100082	Nguyễn Thị Vân	30/04/00	1816D10B															
18	185D100083	Phạm Thị Cẩm Vân	27/12/00	1816D10B															
19	185D110008	Đỗ Mạnh Hưng	17/12/00	1816D11A															
20	185D160003	Lê Đại Dương	29/04/99	1816D16A															
21	185D160016	Douangpaseuth Tamon	03/05/00	1816D16A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD Kinh tế học đại cương (KT1221) - Nhóm 01
Đỗ Thu Hương (1470)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D810017	Nguyễn Hồng	Phương	25/06/97	1513D81A															
2	165D180015	Tạ Hồng	Nhung	17/04/98	1614D18A															
3	175D180001	Hoàng Thị Hải	Anh	15/09/99	1715D18A															
4	175D180002	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	26/01/99	1715D18A															
5	175D180003	Xingvongxay	Bounthong	06/06/96	1715D18A															
6	175D180004	Nguyễn Thị Phương	Châm	10/02/99	1715D18A															
7	175D180005	Nguyễn Việt	Cường	30/12/98	1715D18A															
8	175D180006	Nguyễn Tiến	Dũng	13/09/99	1715D18A															
9	175D180010	Ly Tong	Er	12/12/96	1715D18A															
10	175D180011	Lê Thu	Hà	13/08/99	1715D18A															
11	175D180013	Nguyễn Mỹ	Hạnh	10/04/99	1715D18A															
12	175D180015	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	22/12/99	1715D18A															
13	175D180048	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	30/06/99	1715D18A															
14	175D180016	Dương Thị	Hiền	02/01/98	1715D18A															
15	175D180017	Nguyễn Thị Thu	Hiền	08/08/99	1715D18A															
16	175D180018	Nguyễn Thu	Hiền	19/03/99	1715D18A															
17	175D180019	Tống Thị Thu	Hiền	02/02/99	1715D18A															
18	175D180022	Trần Thị Thu	Huyền	28/08/99	1715D18A															
19	175D180023	Nguyễn Ngọc	Lan	13/01/99	1715D18A															
20	175D180027	Nguyễn Trà	My	14/02/99	1715D18A															
21	175D180028	Nguyễn Văn	Nam	08/09/99	1715D18A															
22	175D180029	Trần Phương	Nam	07/01/99	1715D18A															
23	175D180053	Phạm Thị	Ngân	09/10/99	1715D18A															
24	175D180030	Cao Thị Thanh	Nhân	01/01/99	1715D18A															
25	175D180031	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13/08/99	1715D18A															
26	175D180032	Trần Thị	Nhung	18/11/98	1715D18A															
27	175D180033	Lê Thị Hương	Quân	02/09/99	1715D18A															
28	175D180034	Đinh Thị Như	Quỳnh	11/09/99	1715D18A															
29	175D180049	Cao Thị Phương	Thảo	01/12/99	1715D18A															
30	175D180038	Nguyễn Phương	Thảo	08/08/98	1715D18A															
31	175D180039	Lương Thị	Tho	06/11/98	1715D18A															
32	175D180040	Lê Lệ	Thơm	16/08/99	1715D18A															
33	175D180041	Cao Thị Thanh	Thúy	09/08/99	1715D18A															
34	175D180050	Lê Thị Minh	Trang	21/10/99	1715D18A															
35	175D180051	Nguyễn Thu	Trang	22/10/99	1715D18A															
36	175D180043	Nguyễn Thùy	Trang	24/08/99	1715D18A															
37	175D180044	Trần Kiều	Trang	25/07/98	1715D18A															
38	175D180047	Nguyễn Thị	Yến	13/06/99	1715D18A															
39	175D800001	Nghiêm Thị Ngọc	ánh	27/08/98	1715D80A															
40	175D800005	Nguyễn Thị Thúy	Hường	04/10/99	1715D80A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Kinh tế học đại cương (KT1221) - Nhóm 01
Đỗ Thu Hương (1470)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	175D800006	Nguyễn Thị Huyền	My	24/08/99	1715D80A															
2	175D810001	Lê Đức	Anh	03/09/99	1715D81A															
3	175D810002	Lỗ Văn	Dần	04/12/98	1715D81A															
4	175D810004	Phùng Thị	Hậu	01/01/99	1715D81A															
5	175D810012	Cù Minh	Tiến	09/10/98	1715D81A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Toán kinh tế (KT1302) - Nhóm 01
Trần Hoàng Thành Vinh (1451)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	165D100126	Đỗ Thị Ngọc	Anh	16/06/98	1614D10A															
2	165D100118	Vũ Bích	Hồng	08/06/98	1614D10A															
3	165D100127	Đỗ Thị Thanh	Huyền	01/03/98	1614D10A															
4	165D100081	Nguyễn Lâm	Oanh	07/12/98	1614D10A															
5	165D100106	Phan Thị Thu	Trang	27/07/98	1614D10A															
6	165D100111	Đình Thu	Ứng	29/03/98	1614D10B															
7	165D100114	Nguyễn Tuấn	Vũ	06/03/98	1614D10B															
8	165D110002	Lê Xuân	Bách	02/05/98	1614D11A															
9	165D110004	Nguyễn Khắc	Duy	22/08/98	1614D11A															
10	165D110024	Đặng Xuân	Hiền	09/11/98	1614D11A															
11	165D110009	Lưu Quốc	Hoàn	22/01/98	1614D11A															
12	165D110012	Trần Công	Khánh	03/10/98	1614D11A															
13	165D110013	Lê Trung	Kiên	28/07/98	1614D11A															
14	165D110027	Triệu Hữu	Phú	25/05/98	1614D11A															
15	165D110017	Đặng Văn	Sơn	27/03/97	1614D11A															
16	165D110021	Đỗ Mạnh	Tuấn	05/08/98	1614D11A															
17	175D100002	Lê Tiến	Anh	24/08/99	1715D10A															
18	175D100005	Tạ Phương	Anh	28/09/99	1715D10A															
19	175D100006	Ngô Thanh	Bình	28/08/99	1715D10A															
20	175D100066	Cao Thùy	Chang	28/08/99	1715D10A															
21	175D100009	Đỗ Thùy	Duyên	26/02/99	1715D10A															
22	175D100012	Phan Huy	Dương	20/04/95	1715D10A															
23	175D100015	Nguyễn Ngọc	Hà	05/04/99	1715D10A															
24	175D100021	Hoàng Quỳnh	Hoa	10/05/99	1715D10A															
25	175D100027	Nguyễn Đức	Huy	07/09/99	1715D10A															
26	175D100030	Vũ Thu	Huyền	03/10/99	1715D10A															
27	175D100042	Nguyễn Thị Phương	Linh	28/03/99	1715D10A															
28	175D100043	Trần Thị Thùy	Linh	06/09/99	1715D10A															
29	175D100048	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	12/07/99	1715D10A															
30	175D100049	Đình Thị Hải	Nghĩa	06/06/99	1715D10A															
31	175D100053	Khuất Trung	Nguyên	29/08/98	1715D10A															
32	175D100060	Nguyễn Thanh	Thảo	09/06/99	1715D10A															
33	175D100070	Trần Thị Lan	Trinh	02/09/99	1715D10A															
34	175D100071	Bùi Thị Thúy	Vân	06/05/99	1715D10A															

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm **Toán kinh tế (KT1302) - Nhóm 02**
CBGD **Nguyễn Mạnh Tuấn (1294)**

Số Tín Chi: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100008	Bùi Minh Châu	25/12/97	1513D10A															
2	155D100028	Nguyễn Thị Hồng	29/10/97	1513D10A															
3	155D100050	Nguyễn Khánh Ly	15/11/97	1513D10A															
4	155D100062	Đỗ Thị Hồng	11/12/97	1513D10A															
5	155D100100	Nguyễn Hữu Quý	22/11/96	1513D10A															
6	155D100075	Cao Thị Bích Thủy	24/04/97	1513D10A															
7	155D100077	Bùi Thị Thanh Thúy	20/07/97	1513D10A															
8	155D100092	Trần Hải Yến	24/01/97	1513D10A															
9	155D100095	Phạm Thu Hà	08/11/97	1513D10B															
10	155D100027	Đỗ Phương Hoa	31/08/97	1513D10B															
11	155D100046	Nguyễn Thị Bích Loan	19/04/97	1513D10B															
12	155D100052	Phan Thị Khánh Ly	19/06/97	1513D10B															
13	155D100070	Lê Trường Quân	22/06/97	1513D10B															
14	155D100076	Bùi Thị Diệu Thúy	20/10/97	1513D10B															
15	155D100078	Nguyễn Thị Thanh Thúy	16/11/97	1513D10B															
16	155D100086	Nguyễn Mạnh Tuấn	26/02/97	1513D10B															
17	165D100013	Nguyễn Thị Thu Cúc	08/04/98	1614D10A															
18	165D100018	Nguyễn Thùy Dương	08/10/98	1614D10A															
19	165D100033	Hoàng Thị Hằng	03/01/98	1614D10A															
20	165D100035	Nguyễn Thị Thúy Hằng	03/07/98	1614D10A															
21	165D100046	Lê Quang Huy	01/03/98	1614D10A															
22	165D100052	Nguyễn Lan Hương	18/05/98	1614D10A															
23	165D100069	Nguyễn Phương Ly	17/04/98	1614D10A															
24	165D100073	Vương Đức Mạnh	11/09/98	1614D10A															
25	165D100103	Ngô Gia Trang	07/11/98	1614D10A															
26	165D100001	Đinh Công An	04/10/98	1614D10B															
27	165D100028	Nguyễn Ngọc Hải	18/02/98	1614D10B															
28	165D100044	Bùi Minh Hoàng	25/09/98	1614D10B															
29	165D100088	Lê Như Quỳnh	04/04/98	1614D10B															
30	165D100090	Lê Trung Thành	29/07/98	1614D10B															
31	165D100094	Nguyễn Cao Thắng	10/09/98	1614D10B															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Phương pháp nghiên cứu kinh tế (KT2211) - Nhóm 01
Phạm Lan Hương (1248)

Số Tín Chi: 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D100018	Nguyễn Bá Hải	21/09/95	1412D10A															
2	155D100008	Bùi Minh Châu	25/12/97	1513D10A															
3	155D100015	Nguyễn Tiến Đạt	08/06/97	1513D10A															
4	155D100022	Bùi Thị Thúy Hằng	20/12/97	1513D10A															
5	155D100028	Nguyễn Thị Hồng Hoa	29/10/97	1513D10A															
6	155D100098	Dương Công Lượng	23/09/96	1513D10A															
7	155D100050	Nguyễn Khánh Ly	15/11/97	1513D10A															
8	155D100057	Vũ Thị Kim Ngân	08/07/97	1513D10A															
9	155D100062	Đỗ Thị Hồng Nhung	11/12/97	1513D10A															
10	155D100100	Nguyễn Hữu Quý	22/11/96	1513D10A															
11	155D100075	Cao Thị Bích Thủy	24/04/97	1513D10A															
12	155D100081	Nguyễn Thị Kiều Trang	04/06/97	1513D10A															
13	155D100088	Trần Thị Viễn	24/07/97	1513D10A															
14	155D100011	Nguyễn Thành Công	22/12/97	1513D10B															
15	155D100012	Đinh Bích Diệp	06/05/97	1513D10B															
16	155D100095	Phạm Thu Hà	08/11/97	1513D10B															
17	155D100027	Đỗ Phương Hoa	31/08/97	1513D10B															
18	155D100029	Đỗ Hồng Huế	30/03/97	1513D10B															
19	155D100042	Nguyễn Ngọc Linh	26/05/97	1513D10B															
20	155D100046	Nguyễn Thị Bích Loan	19/04/97	1513D10B															
21	155D100052	Phan Thị Khánh Ly	19/06/97	1513D10B															
22	155D100064	Bùi Thị Oanh	02/05/97	1513D10B															
23	155D100065	Hà Kiều Oanh	10/04/97	1513D10B															
24	155D100069	Nguyễn Văn Quang	20/07/97	1513D10B															
25	155D100070	Lê Trường Quân	22/06/97	1513D10B															
26	155D100076	Bùi Thị Diệu Thúy	20/10/97	1513D10B															
27	155D100078	Nguyễn Thị Thanh Thúy	16/11/97	1513D10B															
28	155D100079	Đào Thiên Trang	09/08/96	1513D10B															
29	155D100085	Nguyễn Anh Tuấn	18/09/97	1513D10B															
30	155D100086	Nguyễn Mạnh Tuấn	26/02/97	1513D10B															
31	165D100115	Ngô Thị Lệ Giang	26/01/98	1614D10A															
32	165D100056	Hà Thị Thu Hường	27/07/98	1614D10A															
33	165D100063	Bùi Mỹ Linh	22/10/98	1614D10A															
34	165D100070	Đào Tuyết Mai	14/06/98	1614D10A															
35	165D100096	Trần Diệu Thúy	04/06/97	1614D10A															
36	165D100103	Ngô Gia Trang	07/11/98	1614D10A															
37	165D100110	Cù Thị Minh Tuyết	10/06/98	1614D10A															
38	165D100020	Nguyễn Doãn Đăng	16/07/98	1614D10B															
39	165D100091	Lý Thị Phương Thảo	11/08/98	1614D10B															
40	165D110018	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/08/98	1614D11A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Thông kê doanh nghiệp (KT2214) - Nhóm 01
Dương Thị Dung (1409)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100062	Đỗ Thị Hồng Nhung	11/12/97	1513D10A															
2	155D110002	Vũ Thúy Hằng	27/10/97	1513D11A															
3	155D110004	Vũ Thị Minh Hiếu	26/01/97	1513D11A															
4	155D110007	Lưu Thị Thùy Hương	15/12/97	1513D11A															
5	155D110015	Nguyễn Anh Tú	03/04/96	1513D11A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Kinh tế môi trường (KT2252) - Nhóm 01
Đỗ Hải Nam (1281)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100022	Bùi Thị Thúy Hằng	20/12/97	1513D10A															
2	155D100031	Nguyễn Hữu Hưng	10/10/97	1513D10A															
3	155D100056	Nguyễn Thị Nga	10/07/95	1513D10A															
4	155D100006	Phùng Minh Anh	22/09/97	1513D10B															
5	155D500004	Nguyễn Văn Tứ	02/06/93	1513D50A															
6	165D100129	Trần Thị Ngọc ánh	08/01/98	1614D10B															
7	165D160011	Đỗ Hùng Mạnh	13/10/98	1614D16A															
8	165D500004	Hà Văn Tiến	15/05/98	1614D50A															
9	175D100040	Lê Thị Diệu Linh	18/04/99	1715D10A															
10	175D100070	Trần Thị Lan Trinh	02/09/99	1715D10A															
11	175D160004	Heuangmany Bouangern	11/07/98	1715D16A															
12	175D500001	Hà Quang Hiếu	02/12/99	1715D50A															
13	185D100002	Hoàng Thị Tú Anh	03/02/00	1816D10A															
14	185D100004	Nguyễn Quỳnh Anh	05/08/00	1816D10A															
15	185D100006	Trần Ngọc ánh	15/01/00	1816D10A															
16	185D100008	Nguyễn Ngọc Châm	21/10/00	1816D10A															
17	185D100012	Đỗ Thùy Dương	13/12/00	1816D10A															
18	185D100013	Lưu Tuấn Đài	07/09/00	1816D10A															
19	185D100014	Vũ Hoàng Đăng	26/09/00	1816D10A															
20	185D100022	Nguyễn Thu Hà	15/12/00	1816D10A															
21	185D100026	Phan Thu Hằng	19/11/00	1816D10A															
22	185D100034	Nguyễn Thị Thúy Huyền	18/08/00	1816D10A															
23	185D100037	Đặng Thúy Hường	21/08/00	1816D10A															
24	185D100042	Cao Phương Linh	25/01/00	1816D10A															
25	185D100044	Đỗ Quang Linh	11/10/00	1816D10A															
26	185D100048	Nguyễn Thị Linh	05/12/00	1816D10A															
27	185D100099	Tổng Khánh Linh	05/01/00	1816D10A															
28	185D100095	Nguyễn Thị Ngọc Ngà	27/04/00	1816D10A															
29	185D100052	Nguyễn Bích Ngọc	17/03/00	1816D10A															
30	185D100060	Lê Thu Phương	16/12/00	1816D10A															
31	185D100068	Cao Tiến Thành	14/01/00	1816D10A															
32	185D100076	Nguyễn Thị Thương	14/03/00	1816D10A															
33	185D100078	Nguyễn Thị Minh Trang	06/12/00	1816D10A															
34	185D100001	Hoàng Thị Thu Anh	26/02/00	1816D10B															
35	185D100005	Hà Ngọc ánh	14/12/00	1816D10B															
36	185D100007	Nguyễn Hằng Châm	02/01/00	1816D10B															
37	185D100023	Nguyễn Hồng Hạnh	07/05/00	1816D10B															
38	185D100025	Nguyễn Thu Hằng	23/11/00	1816D10B															
39	185D100027	Đặng Thị Thu Hiền	08/05/00	1816D10B															
40	185D100029	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/08/00	1816D10B															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Kinh tế môi trường (KT2252) - Nhóm 01
Đỗ Hải Nam (1281)

Số Tín Chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D100035	Vũ Thị Ngọc	Huyền	10/11/00	1816D10B														
2	185D100045	Hán Hoài	Linh	08/07/00	1816D10B														
3	185D100046	Nguyễn Diệu	Linh	26/09/00	1816D10B														
4	185D100047	Nguyễn Khánh	Linh	12/04/00	1816D10B														
5	185D100049	Vi Thị Mĩ	Linh	17/08/00	1816D10B														
6	185D100053	Nguyễn Hồng	Ngọc	02/03/00	1816D10B														
7	185D100057	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	14/09/00	1816D10B														
8	185D100061	Nguyễn Thị Thu	Phương	27/05/00	1816D10B														
9	185D100063	Trần Thị Ngọc	Quý	26/11/00	1816D10B														
10	185D100065	Hoàng Thúy	Quỳnh	28/06/00	1816D10B														
11	185D100073	Đặng Hoài	Thu	03/10/98	1816D10B														
12	185D100079	Phạm Thị Thu	Trang	18/11/00	1816D10B														
13	185D100082	Nguyễn Thị	Vân	30/04/00	1816D10B														
14	185D100083	Phạm Thị Cẩm	Vân	27/12/00	1816D10B														

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Kinh tế lượng (KT2312) - Nhóm 01
Phạm Thái Thủy (1255)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100035	Vũ Thị Lan	Hường	01/02/97	1513D10B															
2	155D100038	Nguyễn Thị Phương	Lan	18/07/97	1513D10B															
3	155D100060	Nguyễn Thủy	Nguyên	28/01/97	1513D10B															
4	155D100063	Mai Thị	Nhung	15/03/97	1513D10B															
5	155D100064	Bùi Thị	Oanh	02/05/97	1513D10B															
6	155D100079	Đào Thiên	Trang	09/08/96	1513D10B															
7	155D500004	Nguyễn Văn	Tứ	02/06/93	1513D50A															
8	165D100043	Hà Thị	Hoa	08/12/98	1614D10A															
9	165D110001	Hoàng Thị Lan	Anh	21/06/98	1614D11A															
10	165D110011	Nguyễn Thị Lan	Hương	15/12/98	1614D11A															
11	165D160012	Trần Văn	Ngọc	26/05/98	1614D16A															
12	165D160013	Cao Hạnh	Nguyên	08/04/98	1614D16A															
13	165D160016	Đinh Thanh	Tùng	25/02/98	1614D16A															
14	165D160017	Khổng Xuân	Việt	19/01/98	1614D16A															
15	165D500004	Hà Văn	Tiến	15/05/98	1614D50A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD Tư tưởng Hồ Chí Minh (LC1202) - Nhóm 01
Lê Đình Thảo (1053)

Số Tín Chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D300015	Trần Quang Minh	23/02/96	1412D30A															
2	145D300022	Trương Vũ Trụ	29/04/96	1412D30A															
3	151C080052	Nguyễn Thu Phương	19/01/97	1513C08A															
4	155D010014	Đặng Thị Thu Hà	27/10/97	1513D01A															
5	155D010018	Nguyễn Ngọc Hậu	15/09/97	1513D01A															
6	155D010026	Hoàng Công Huy	08/06/97	1513D01A															
7	155D010063	Nguyễn Thị Như	09/09/97	1513D01A															
8	155D010052	Hà Hồng Sơn	16/11/97	1513D01A															
9	155D010053	Lê Thị Linh Tâm	03/09/97	1513D01A															
10	155D130001	Đỗ Thị Hồng Đào	23/03/97	1513D13A															
11	155D130004	Nguyễn Việt Hùng	02/10/97	1513D13A															
12	155D130013	Lý Hồng Phúc	22/05/97	1513D13A															
13	155D130016	Phạm Thái Sơn	18/01/97	1513D13A															
14	155D130020	Hoàng Thị Thúy Trinh	01/07/97	1513D13A															
15	155D160007	Nguyễn Trung Hiếu	31/05/97	1513D16A															
16	155D410013	Nguyễn Hữu Ngọc	04/11/97	1513D41A															
17	155D810011	Đào Thị Diệu Linh	11/10/97	1513D81A															
18	165D020019	Triệu Lan Oanh	19/12/98	1614D02A															
19	165D060003	Hà Thị Diệp	18/05/98	1614D06A															
20	165D100128	Ngô Thanh Huệ	08/04/98	1614D10A															
21	165D100046	Lê Quang Huy	01/03/98	1614D10A															
22	165D100059	Hà Thị Hồng Lan	13/06/98	1614D10A															
23	165D110011	Nguyễn Thị Lan Hương	15/12/98	1614D11A															
24	165D110017	Đặng Văn Sơn	27/03/97	1614D11A															
25	165D130018	Đinh Thị Thu Hà	22/09/98	1614D13A															
26	165D130019	Nguyễn Hồng Hạnh	18/03/98	1614D13A															
27	165D300061	Trần Kim Hiếu	24/10/98	1614D30A															
28	165D300022	Nguyễn Hữu Mạnh	01/09/98	1614D30A															
29	165D420001	Nguyễn Đức Cường	31/07/98	1614D42A															
30	165D830004	Nguyễn Đức Linh	11/01/95	1614D83A															
31	165D830009	Nguyễn Thị Sinh	10/02/98	1614D83A															
32	165D830010	Mùng Thị Tâm	20/08/98	1614D83A															
33	175D100075	Nguyễn Thị Thu Hà	26/04/99	1715D10A															
34	175D100026	Trần Thị Phương Hồng	08/08/99	1715D10A															
35	175D110014	Xaiyasın Touy	10/07/97	1715D11A															
36	175D300010	Nguyễn Thị Ngọc Nga	28/12/99	1715D30A															
37	175D410008	Trần Quang Trường	09/01/99	1715D41A															
38	175D510005	Xaiyavong Thun	23/04/98	1715D51A															
39	175D700001	Khamthavong Phonexay	14/06/97	1715D70A															
40	175D700003	Chitthoulin Sommay	16/12/95	1715D70A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tư tưởng Hồ Chí Minh (LC1202) - Nhóm 01
Lê Đình Thảo (1053)

Số Tín Chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	175D700005	Nguyễn Phạm Đăng	Tuấn	21/02/99	1715D70A															
2	175D830001	Nguyễn Mạnh	Cường	04/06/99	1715D83A															
3	185D040002	Hoàng Trung	Cường	24/06/00	1816D04A															
4	185D110008	Đỗ Mạnh	Hưng	17/12/00	1816D11A															
5	185D120001	Hà Quỳnh	Anh	26/03/00	1816D12A															
6	185D130005	Tạ Quốc	Bảo	04/03/00	1816D13A															
7	185D130002	Lê Xuân	Huy	02/04/00	1816D13A															
8	185D130003	Nguyễn Trọng	Tiến	12/05/95	1816D13A															
9	185D180030	Lê Minh	Hằng	06/04/00	1816D18A															
10	185D180035	Tạ Thị Thanh	Hiền	07/08/00	1816D18A															
11	185D180065	Đặng Thị Hồng	Ngát	04/02/00	1816D18B															
12	185D300007	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	20/09/00	1816D30A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tư tưởng Hồ Chí Minh (LC1202) - Nhóm 02
Đinh Thị Thu Phương (1190)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D040014	Nguyễn Hữu Hoàng	07/04/96	1412D04A															
2	151C080042	Phạm Hà Ngân	13/11/97	1513C08A															
3	155D030126	Nguyễn Thị Thu Trang	10/09/97	1513D03A															
4	155D040057	Đinh Văn Thành	20/03/97	1513D04A															
5	155D130021	Vàng Trứ	11/10/97	1513D13A															
6	161C080001	Trần Thị Ngọc Anh	15/06/97	1614C08A															
7	161C080002	Nguyễn Thị Ngọc ánh	16/07/98	1614C08A															
8	161C080012	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	13/02/97	1614C08A															
9	161C080014	Đinh Thị Hồng Nhung	06/02/98	1614C08A															
10	161C080016	Hà Thị Hoa Quyên	07/04/96	1614C08A															
11	161C080027	Nguyễn Thị Phương Tiến	02/07/97	1614C08A															
12	165D030043	Nguyễn Thị Thùy Linh	17/06/98	1614D03B															
13	165D030054	Hoàng Thị Minh Ngọc	30/07/98	1614D03B															
14	165D030056	Mai Như Ngọc	18/01/98	1614D03B															
15	165D030079	Nguyễn Thị Thu Trang	17/09/98	1614D03B															
16	165D050029	Nguyễn Thị Hồng	10/12/98	1614D05A															
17	165D050067	Lê Thị Phương Nga	23/03/98	1614D05A															
18	165D050069	Nguyễn Thị Hồng Ngân	13/11/98	1614D05A															
19	165D050115	Phạm Thị Thu Thanh	20/01/98	1614D05A															
20	165D050088	Trần Thị Thu Thảo	15/07/98	1614D05B															
21	171C090001	Vũ Đình Hoàng	01/01/96	1715C09A															
22	175D030023	Hoàng Thị Thu Huyền	10/09/99	1715D03A															
23	175D030039	Phạm Khánh Linh	05/10/99	1715D03B															
24	175D030044	Giàng Thị Phương Mai	21/04/98	1715D03B															
25	175D030048	Vongchankeo Nanseng	12/12/84	1715D03B															
26	175D030057	Lý A Phúa	05/05/99	1715D03B															
27	175D030078	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	24/12/99	1715D03B															
28	175D030086	Trần Tố Uyên	05/12/99	1715D03B															
29	175D050032	Vũ Thị Hồng Ngọc	19/01/99	1715D05A															
30	175D050033	Nguyễn Thị Nguyên	20/12/99	1715D05A															
31	175D050040	Nguyễn Thị Thu Thảo	06/01/98	1715D05A															
32	175D050041	Tạ Thị Thảo	10/06/99	1715D05A															
33	175D050047	Nguyễn Kiều Trang	24/01/99	1715D05A															
34	175D050052	Nguyễn Ngọc Trâm	08/03/99	1715D05A															
35	175D230002	Phommachit Chanpasook	04/04/99	1715D23A															
36	185D110026	Đỗ Quốc Sơn	01/04/00	1816D11A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tư tưởng Hồ Chí Minh (LC1202) - Nhóm 03
Đoàn Anh Phượng (1163)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D400010	Nguyễn Thị Kiều Vân	10/01/97	1513D40A															
2	155D600006	Ngô Văn Linh	05/03/96	1513D60A															
3	155D800001	Trần Ngọc Anh	30/11/97	1513D80A															
4	155D800005	Nguyễn Thị Linh	22/05/97	1513D80A															
5	155D810002	Nguyễn Trung Đức	04/02/97	1513D81A															
6	155D810012	Nguyễn Đức Mạnh	19/08/97	1513D81A															
7	155D810017	Nguyễn Hồng Phương	25/06/97	1513D81A															
8	165D010006	Phùng Thị Minh Chi	16/11/98	1614D01A															
9	165D040023	Hoàng Thị Hồng Nhung	13/04/98	1614D04A															
10	165D090007	Hoàng Trọng Tú	02/11/98	1614D09A															
11	165D100028	Nguyễn Ngọc Hải	18/02/98	1614D10B															
12	165D100094	Nguyễn Cao Thắng	10/09/98	1614D10B															
13	165D130003	Lê Tiến Đạt	26/10/98	1614D13A															
14	165D180023	Nguyễn Thu Trang	21/01/98	1614D18A															
15	165D300024	Nguyễn Thị Nga	14/11/98	1614D30A															
16	165D300040	Nguyễn Thị Trang	19/11/98	1614D30A															
17	165D400005	Keomany Southep	10/05/96	1614D40A															
18	165D510002	Ngô Tuấn Hùng	19/05/98	1614D51A															
19	165D510003	Nguyễn Đức Huy	02/01/98	1614D51A															
20	165D830012	Hoàng Anh Tuấn	26/06/97	1614D83A															
21	175D020009	Hoàng Quang Minh	15/03/99	1715D02A															
22	175D060008	Hà Thu Trang	21/10/99	1715D06A															
23	175D090005	Atphasouk Pouy	02/02/87	1715D09A															
24	175D110004	Lê Anh Hoàng	26/05/99	1715D11A															
25	175D150003	Đỗ Chí Dũng	26/09/99	1715D15A															
26	175D150027	Saenluangrath Phaivanh	13/01/98	1715D15A															
27	175D150018	Nguyễn Văn Quý	16/02/99	1715D15A															
28	175D150021	Nguyễn Xuân Trí	23/07/99	1715D15A															
29	175D150024	Hoàng Đình Tú	09/06/99	1715D15A															
30	175D180009	Nguyễn Thành Đạt	20/11/99	1715D18A															
31	175D180036	Nguyễn Hồng Sơn	30/07/99	1715D18A															
32	175D230001	Maepouny Apae	22/11/97	1715D23A															
33	175D300007	Nguyễn Thị Tuyết Lan	21/07/99	1715D30A															
34	175D510001	Kongkhamdeng Chansamone	12/01/90	1715D51A															
35	175D510004	Saynamhang Phonesavanh	10/05/86	1715D51A															
36	175D510006	Sonesaikeo Vy	05/06/89	1715D51A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tư tưởng Hồ Chí Minh (LC1202) - Nhóm 04
Đoàn Anh Phượng (1163)

Số Tín Chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D300030	Nguyễn Văn	Nam	20/01/95	1311D30A															
2	145D010006	Từ Xuân	Hải	13/12/96	1412D01A															
3	145D300026	Nguyễn Tuấn	Vũ	28/08/95	1412D30A															
4	155D010007	Bùi Đình	Công	04/03/96	1513D01A															
5	155D040044	Nguyễn Tiến	Tâm	26/07/97	1513D04A															
6	155D150014	Nguyễn Văn	Mạnh	17/08/97	1513D15A															
7	155D150018	Phạm Đăng	Quân	23/03/96	1513D15A															
8	155D150024	Nguyễn Đức	Tùng	08/06/97	1513D15A															
9	155D240004	Lê Thị	Huyền	12/01/96	1513D24A															
10	155D410008	Ngô Tiến	Đạt	13/01/97	1513D41A															
11	155D700002	Đình Công	Hoàng	18/05/97	1513D70A															
12	155D830022	Lê Quang	Hoàng	15/08/97	1513D83A															
13	155D830066	Nguyễn Thành	Trung	16/09/96	1513D83A															
14	165D020026	Nguyễn Hải Sơn	Trà	29/05/98	1614D02A															
15	165D060009	Lê Thị Lan	Hương	03/04/98	1614D06A															
16	165D060010	Vũ Thị Thu	Hương	12/02/98	1614D06A															
17	165D060011	Nguyễn Thị Khánh	Linh	02/08/98	1614D06A															
18	165D060014	Tấn Hoàng Thanh	Thanh	11/05/98	1614D06A															
19	165D090002	Chitvongdeuan	Nouanchanh	07/07/94	1614D09A															
20	165D100098	Lê Thương	Thương	23/08/98	1614D10B															
21	165D100111	Đình Thu	Ứng	29/03/98	1614D10B															
22	165D120002	Nguyễn Đại	Dương	23/01/98	1614D12A															
23	165D810003	Mai Khánh	Linh	10/04/98	1614D81A															
24	175D050054	Lương Thu	Yên	16/09/97	1715D05A															
25	175D090001	Senelouangkhone	Bounsuep	02/05/86	1715D09A															
26	175D090006	Satavalath	Ephone	22/05/85	1715D09A															
27	175D100006	Ngô Thanh	Bình	28/08/99	1715D10A															
28	175D100066	Cao Thùy	Chang	28/08/99	1715D10A															
29	175D100009	Đỗ Thùy	Duyên	26/02/99	1715D10A															
30	175D100011	Hoàng Hải	Dương	17/10/99	1715D10A															
31	175D100015	Nguyễn Ngọc	Hà	05/04/99	1715D10A															
32	175D100038	Đặng Việt	Lâm	19/04/99	1715D10A															
33	175D100071	Bùi Thị Thúy	Vân	06/05/99	1715D10A															
34	175D130004	Lê Thị Thanh	Nhàn	26/05/99	1715D13A															
35	175D230004	Keochansy	Kanya	01/06/94	1715D23A															
36	175D230007	Douangpaseuth	Sida	19/08/96	1715D23A															
37	175D230006	Onmachanh	Vanhmano	20/05/95	1715D23A															
38	175D300009	Nguyễn Hoài	Nam	14/10/99	1715D30A															
39	175D510002	Vongseng	Khamchan	01/01/86	1715D51A															
40	185D040001	Hoàng Thị Lan	Anh	12/10/00	1816D04A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tư tưởng Hồ Chí Minh (LC1202) - Nhóm 04
Đoàn Anh Phương (1163)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D040010	Nguyễn Thị Khánh Huyền	27/04/00	1816D04A															
2	185D040014	Nguyễn Thị Mỹ Linh	07/06/99	1816D04A															
3	185D040033	Tạ Thanh Tùng	26/07/00	1816D04A															
4	185D120002	Lê Trung Hiếu	07/03/00	1816D12A															
5	185D120003	Dương Minh Khoa	22/03/00	1816D12A															
6	185D180046	Nguyễn Thị Lâm	01/11/00	1816D18A															
7	185D410012	Lê Hữu Phúc	10/01/98	1816D41A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Logic học đại cương (LC1204) - Nhóm 01
Lê Đình Thảo (1053)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D030023	Hà Thị Thanh	Hường	16/12/95	1311D03A															
2	155D830076	Mùa Thị	Hoa	29/04/96	1513D83A															
3	155D830040	Lò Văn	Mạnh	17/11/95	1513D83A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Xã hội học đại cương (LC1205) - Nhóm 01
Hoàng Thị Thúy Hà (1131)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100006	Phùng Minh Anh	22/09/97	1513D10B															
2	155D100060	Nguyễn Thủy Nguyên	28/01/97	1513D10B															
3	155D170005	Nguyễn Thị Thu Thảo	08/04/97	1513D17A															
4	165D090004	Intavong Sybounkham	01/01/81	1614D09A															
5	165D100069	Nguyễn Phương Ly	17/04/98	1614D10A															
6	165D100073	Vương Đức Mạnh	11/09/98	1614D10A															
7	165D100108	Nguyễn Văn Trung	22/08/98	1614D10A															
8	175D110014	Xaiyasın Touy	10/07/97	1715D11A															
9	175D500002	Kiểu Trung Hiếu	22/08/98	1715D50A															
10	175D510001	Kongkhamdeng Chansamone	12/01/90	1715D51A															
11	175D510002	Vongseng Khamchan	01/01/86	1715D51A															
12	175D510004	Saynamhang Phonesavanh	10/05/86	1715D51A															
13	175D510005	Xaiyavong Thun	23/04/98	1715D51A															
14	175D510006	Sonesaikeo Vy	05/06/89	1715D51A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDĐường lối CM của Đảng CSVN (LC1303) - Nhóm 01Bùi Thị Lý (1034)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D090011	Nguyễn Mỹ	Duyên	28/12/97	1513D09A															
2	155D090012	Nghiêm Thành	Đạt	26/04/97	1513D09A															
3	155D090013	Trần Hoàng Anh	Đức	09/02/97	1513D09A															
4	155D090024	Nguyễn Thu	Hồng	20/11/97	1513D09A															
5	155D090046	Trần Thị Phương	Thảo	08/10/97	1513D09A															
6	155D090048	Hoàng Thị	Thùy	18/07/97	1513D09A															
7	155D090063	Ngô Lê	Thương	21/11/96	1513D09A															
8	155D090055	Nguyễn Cẩm	Tú	06/09/97	1513D09A															
9	155D100015	Nguyễn Tiến	Đạt	08/06/97	1513D10A															
10	155D100035	Vũ Thị Lan	Hường	01/02/97	1513D10B															
11	155D100060	Nguyễn Thủy	Nguyên	28/01/97	1513D10B															
12	155D130002	Đặng Văn	Giang	17/11/97	1513D13A															
13	155D130004	Nguyễn Việt	Hùng	02/10/97	1513D13A															
14	155D130011	Cổ Thị	Nguyệt	06/11/97	1513D13A															
15	155D130013	Lý Hồng	Phúc	22/05/97	1513D13A															
16	155D130016	Phạm Thái	Sơn	18/01/97	1513D13A															
17	155D830066	Nguyễn Thành	Trung	16/09/96	1513D83A															
18	165D060001	Ngô Tuấn	Anh	09/09/98	1614D06A															
19	165D090006	Đào Xuân	Trường	05/11/98	1614D09A															
20	165D100052	Nguyễn Lan	Hương	18/05/98	1614D10A															
21	165D130002	Nguyễn Thế	Duyên	11/01/98	1614D13A															
22	165D130003	Lê Tiến	Đạt	26/10/98	1614D13A															
23	165D130004	Bùi Ngọc	Đặng	25/02/97	1614D13A															
24	165D180018	Đỗ Thị Thu	Phương	22/10/98	1614D18A															
25	165D300061	Trần Kim	Hiếu	24/10/98	1614D30A															
26	175D150008	Cù Bảo	Hưng	06/11/99	1715D15A															
27	175D150009	Nguyễn Việt	Hưng	03/08/99	1715D15A															
28	175D150019	Nguyễn Thị Bích	Thủy	04/07/99	1715D15A															
29	175D150023	Phạm Tiến	Trường	22/02/99	1715D15A															
30	175D150025	Nguyễn Thanh	Tuấn	14/04/98	1715D15A															
31	175D150028	Phommasing	Yeng	15/01/97	1715D15A															
32	175D300007	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	21/07/99	1715D30A															
33	175D300010	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	28/12/99	1715D30A															
34	175D410008	Trần Quang	Trường	09/01/99	1715D41A															
35	175D410009	Lê Diên	Văn	22/06/99	1715D41A															
36	175D800003	Nguyễn Quang	Hà	18/07/99	1715D80A															
37	175D800007	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	07/03/99	1715D80A															
38	175D810001	Lê Đức	Anh	03/09/99	1715D81A															
39	175D810004	Phùng Thị	Hậu	01/01/99	1715D81A															
40	175D810006	Nguyễn Diệu	Linh	26/09/99	1715D81A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDĐường lối CM của Đảng CSVN (LC1303) - Nhóm 01Bùi Thị Lý (1034)

Số Tín Chi: 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	175D810007	Trần Thị Kim Loan	10/02/99	1715D81A															
2	175D810008	Bùi Thị Nhung	08/06/99	1715D81A															
3	175D810010	Đỗ Thị Phương Thảo	31/08/99	1715D81A															
4	175D830001	Nguyễn Mạnh Cường	04/06/99	1715D83A															
5	185D130005	Tạ Quốc Bảo	04/03/00	1816D13A															
6	185D130002	Lê Xuân Huy	02/04/00	1816D13A															
7	185D130003	Nguyễn Trọng Tiến	12/05/95	1816D13A															
8	185D180030	Lê Minh Hăng	06/04/00	1816D18A															
9	185D180031	Lê Thị Thu Hăng	16/10/00	1816D18A															
10	185D180035	Tạ Thị Thanh Hiền	07/08/00	1816D18A															
11	185D180046	Nguyễn Thị Lâm	01/11/00	1816D18A															
12	185D180047	Phạm Thị Liêm	07/01/00	1816D18B															
13	185D180065	Đặng Thị Hồng Ngát	04/02/00	1816D18B															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDĐường lối CM của Đảng CSVN (LC1303) - Nhóm 02Nguyễn Mạnh Thắng (1260)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D050095	Lương Thị Thùy	05/05/96	1513D05A															
2	155D090044	Nguyễn Thị Thảo	22/06/95	1513D09A															
3	155D300019	Nguyễn Hoàng Kỳ	11/08/97	1513D30A															
4	161C080002	Nguyễn Thị Ngọc ánh	16/07/98	1614C08A															
5	165D030004	Nguyễn Thị Ngọc ánh	18/08/98	1614D03B															
6	165D050047	Nguyễn Thị Ngọc Lan	06/09/98	1614D05A															
7	165D050049	Hoàng Thị Kim Liên	28/10/97	1614D05A															
8	165D050067	Lê Thị Phương Nga	23/03/98	1614D05A															
9	165D050069	Nguyễn Thị Hồng Ngân	13/11/98	1614D05A															
10	165D050115	Phạm Thị Thu Thanh	20/01/98	1614D05A															
11	165D050084	Khuất Thanh Thảo	16/10/98	1614D05A															
12	165D050090	Hà Thị Thoa	17/05/98	1614D05A															
13	165D050109	Trình Thanh Tuyền	02/06/98	1614D05A															
14	165D050082	Nguyễn Thị Quỳnh	10/12/98	1614D05B															
15	165D100066	Phạm Thị Thùy Linh	25/01/98	1614D10A															
16	165D100097	Trương Thị Lan Thư	18/07/98	1614D10A															
17	165D110002	Lê Xuân Bách	02/05/98	1614D11A															
18	175D030003	Trần Quỳnh Anh	29/11/99	1715D03B															
19	175D030004	Trần Thị Ngọc ánh	09/09/99	1715D03B															
20	175D030016	Lưu Thị Thanh Hoa	22/11/99	1715D03B															
21	175D030017	Trần Thị Thanh Hoa	03/10/98	1715D03B															
22	175D030024	Lê Thị Khánh Huyền	18/08/99	1715D03B															
23	175D030039	Phạm Khánh Linh	05/10/99	1715D03B															
24	175D030042	Trần Thanh Loan	10/09/99	1715D03B															
25	175D030050	Phan Thị Thanh Ngọc	28/07/99	1715D03B															
26	175D030052	Lê Thị Tuyết Nhung	14/02/99	1715D03B															
27	175D030054	Trần Thị Hồng Nhung	21/10/99	1715D03B															
28	175D030061	Lê Minh Phương	17/06/99	1715D03B															
29	175D030064	Hoàng Thúy Quỳnh	24/05/99	1715D03B															
30	175D030066	Tạ Thị Như Quỳnh	19/03/99	1715D03B															
31	175D030079	Nguyễn Thị Thùy Trang	09/03/99	1715D03B															
32	175D030084	Hoàng Thanh Tú	29/08/99	1715D03B															
33	175D030085	Nguyễn Anh Tuấn	24/03/99	1715D03B															
34	175D030086	Trần Tổ Uyên	05/12/99	1715D03B															
35	175D050007	Tạ Thị Thanh Bình	29/03/99	1715D05A															
36	175D050010	Hoàng Thị Ngọc Diệp	20/10/99	1715D05A															
37	175D050011	Trần Thị Mỹ Hạnh	07/04/99	1715D05A															
38	175D050015	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/06/99	1715D05A															
39	175D050016	Vũ Thị Mai Hoa	18/12/99	1715D05A															
40	175D050018	Trần Thị Hồng	15/01/99	1715D05A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Đường lối CM của Đảng CSVN (LC1303) - Nhóm 02
Nguyễn Mạnh Thắng (1260)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	175D050024	Bùi Hoàng Khánh Linh	03/02/99	1715D05A															
2	175D050036	Nguyễn Thị Quỳnh	16/05/99	1715D05A															
3	175D050044	Trần Thị Thuận	04/04/98	1715D05A															
4	175D050053	Nguyễn Thanh Tứ	19/01/99	1715D05A															
5	175D810012	Cù Minh Tiến	09/10/98	1715D81A															
6	185D030009	Lê Thị Trà Giang	09/03/00	1816D03A															
7	185D030017	Nguyễn Thị Thu Huyền	13/08/00	1816D03A															
8	185D030039	Hà Phương Thảo	24/08/99	1816D03A															
9	185D050038	Nguyễn Thị Trang	12/02/00	1816D05A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Đường lối CM của Đảng CSVN (LC1303) - Nhóm 03
Nguyễn Thị Ngọc (1262)

Số Tín Chỉ: 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D150003	Trần Văn	Đam	09/07/96	1412D15A															
2	145D300015	Trần Quang	Minh	23/02/96	1412D30A															
3	145D300022	Trương Vũ	Trụ	29/04/96	1412D30A															
4	155D090062	Chào Láo	Tả	15/08/97	1513D09A															
5	155D150022	Vũ Anh	Tuấn	21/12/97	1513D15A															
6	155D410008	Ngô Tiến	Đạt	13/01/97	1513D41A															
7	165D060014	Tấn Hoàng Thanh	Thanh	11/05/98	1614D06A															
8	165D100039	Bùi Thị	Hiền	26/01/98	1614D10A															
9	165D110001	Hoàng Thị Lan	Anh	21/06/98	1614D11A															
10	165D110004	Nguyễn Khắc	Duy	22/08/98	1614D11A															
11	165D110007	Nguyễn Thị Thu	Hằng	23/12/98	1614D11A															
12	165D110024	Đặng Xuân	Hiền	09/11/98	1614D11A															
13	165D110011	Nguyễn Thị Lan	Hương	15/12/98	1614D11A															
14	165D110012	Trần Công	Khánh	03/10/98	1614D11A															
15	165D110027	Triệu Hữu	Phú	25/05/98	1614D11A															
16	165D110017	Đặng Văn	Sơn	27/03/97	1614D11A															
17	165D110018	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/08/98	1614D11A															
18	165D110021	Đỗ Mạnh	Tuấn	05/08/98	1614D11A															
19	165D180010	Lê Thị Bích	Liên	27/02/97	1614D18A															
20	175D030080	Phạm Thị Thu	Trang	24/08/99	1715D03B															
21	175D040006	Nguyễn Thị	Huyền	24/08/99	1715D04A															
22	175D040015	Nguyễn Thị Phương	Thùy	12/06/99	1715D04A															
23	175D050003	Đào Phương	ánh	29/11/99	1715D05A															
24	175D050004	Ngô Thị Ngọc	ánh	27/01/98	1715D05A															
25	175D100021	Hoàng Quỳnh	Hoa	10/05/99	1715D10A															
26	175D100024	Ngô Thị Thu	Hoài	09/12/99	1715D10A															
27	175D100030	Vũ Thu	Huyền	03/10/99	1715D10A															
28	175D110001	Phùng Khắc	Cương	24/12/99	1715D11A															
29	175D110003	Lê Quang	Đại	12/07/99	1715D11A															
30	175D110004	Lê Anh	Hoàng	26/05/99	1715D11A															
31	175D110015	Tạ Đức	Long	07/01/99	1715D11A															
32	175D150002	Sayavandee	Bounkhong	26/03/80	1715D15A															
33	175D150004	Nguyễn Tiến	Đạt	24/01/99	1715D15A															
34	175D150011	Lê Huy	Kiên	04/11/99	1715D15A															
35	175D150012	Nguyễn Bằng	Linh	20/01/96	1715D15A															
36	175D150013	Võ Quang	Linh	01/09/99	1715D15A															
37	175D150016	Sysavad	Mek	09/12/97	1715D15A															
38	175D150018	Nguyễn Văn	Quý	16/02/99	1715D15A															
39	175D300003	Lê Thị	Duyên	07/03/99	1715D30A															
40	175D300009	Nguyễn Hoài	Nam	14/10/99	1715D30A															

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDĐường lối CM của Đảng CSVN (LC1303) - Nhóm 03Số Tín Chỉ: 3

Nguyễn Thị Ngọc (1262)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	175D700001	Khamthavong	Phonexay	14/06/97	1715D70A															
2	175D700003	Chitthoulin	Sommay	16/12/95	1715D70A															
3	175D700004	Siphasouk	Thongsì	23/08/97	1715D70A															
4	175D800004	Hoàng Thị Thu	Hường	29/12/99	1715D80A															
5	175D800005	Nguyễn Thị Thúy	Hường	04/10/99	1715D80A															
6	175D800006	Nguyễn Thị Huyền	My	24/08/99	1715D80A															
7	175D830002	Hà Thị Thu	Hà	14/02/99	1715D83A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Đường lối CM của Đảng CSVN (LC1303) - Nhóm 04
Đinh Thị Thu Phương (1190)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D020008	Đặng Minh Chang	25/09/97	1513D02A															
2	155D020032	Trần Thị Hương Lan	02/09/97	1513D02A															
3	155D090054	Đoàn Đức Anh Tú	15/05/97	1513D09A															
4	155D100077	Bùi Thị Thanh Thúy	20/07/97	1513D10A															
5	155D160010	Lê Mỹ Linh	03/06/97	1513D16A															
6	155D160017	Vương Hà Lệ Thủy	22/02/97	1513D16A															
7	165D020002	Phùng Thị Vân Anh	02/09/97	1614D02A															
8	165D020006	Nguyễn Thị Kim Dung	19/11/98	1614D02A															
9	165D020010	Thiên Thị Hoa	28/07/98	1614D02A															
10	165D020011	Đàm Ngọc Huyền	08/11/98	1614D02A															
11	165D020012	Nguyễn Thị Thu Huyền	18/11/98	1614D02A															
12	165D020014	Đinh Thị Thùy Linh	11/09/97	1614D02A															
13	165D020019	Triệu Lan Oanh	19/12/98	1614D02A															
14	165D020022	Nguyễn Phương Thảo	31/12/98	1614D02A															
15	165D020033	Nguyễn Thị Thảo	04/11/98	1614D02A															
16	165D020024	Đỗ Thị Xuân Thu	03/04/98	1614D02A															
17	165D050076	Đỗ Thị Thu Phương	27/04/98	1614D05B															
18	165D100100	Đỗ Thị Thanh Tiễn	05/11/98	1614D10A															
19	165D100082	Lương Thái Phong	18/08/98	1614D10B															
20	165D180015	Tạ Hồng Nhung	17/04/98	1614D18A															
21	165D180025	Vũ Thị Quỳnh Xuân	17/02/97	1614D18A															
22	165D240001	Đỗ Ngọc ánh	01/04/98	1614D24A															
23	165D240003	Phounsavanh Keunmany	05/07/80	1614D24A															
24	165D500006	Đinh Văn Đông	07/08/98	1614D50A															
25	175D040005	Hà Thanh Huyền	12/03/99	1715D04A															
26	175D040010	Nguyễn Thùy Linh	15/03/99	1715D04A															
27	175D040013	Đỗ Kim Oanh	09/03/99	1715D04A															
28	175D040017	Đỗ Thị Kiều Trang	02/09/99	1715D04A															
29	175D040018	Hà Quỳnh Trang	12/03/99	1715D04A															
30	175D040021	Đỗ Thị Hải Yến	14/11/99	1715D04A															
31	175D040022	Vũ Hải Yến	22/11/99	1715D04A															
32	175D100007	Đặng Thị Hà Chang	24/03/99	1715D10A															
33	175D100013	Đào Thu Hà	06/01/99	1715D10A															
34	175D110007	Quyền Thị Mai Hương	12/08/98	1715D11A															
35	175D110013	Phùng Thị Thế	25/08/95	1715D11A															
36	185D100014	Vũ Hoàng Đăng	26/09/00	1816D10A															
37	185D180075	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	25/07/00	1816D18A															
38	185D180051	Tạ Thị Thùy Linh	02/03/00	1816D18B															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Đường lối CM của Đảng CSVN (LC1303) - Nhóm 05
Nguyễn Thị Ngọc (1262)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D700008	Đặng Đình Dũng	10/06/95	1311D70A															
2	145D040010	Đào Thị Hằng	26/03/96	1412D04A															
3	145D090042	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	02/01/96	1412D09A															
4	145D120002	Hán Quốc Bảo	13/05/96	1412D12A															
5	145D120004	Hoàng Ngọc Giang	15/08/96	1412D12A															
6	145D300026	Nguyễn Tuấn Vũ	28/08/95	1412D30A															
7	145D810009	Đào Minh Phúc	11/10/96	1412D81A															
8	155D020023	Phạm Huy Hùng	19/06/97	1513D02A															
9	155D020060	Lê Thành Trung	06/10/97	1513D02A															
10	155D300003	Nguyễn Phương Chi	06/08/97	1513D30A															
11	155D300008	Đỗ Hoàng Duy Đông	17/02/97	1513D30A															
12	155D830022	Lê Quang Hoàng	15/08/97	1513D83A															
13	155D830040	Lò Văn Mạnh	17/11/95	1513D83A															
14	165D020001	Nguyễn Thị Phương Anh	17/08/98	1614D02A															
15	165D020005	Đoàn Thị Chính	27/10/98	1614D02A															
16	165D050031	Đinh Thị Huế	22/01/98	1614D05A															
17	165D060010	Vũ Thị Thu Hương	12/02/98	1614D06A															
18	165D060016	Nguyễn Đức Tuấn	28/10/98	1614D06A															
19	165D100099	Phạm Thị Thu Thương	03/06/98	1614D10B															
20	165D130021	Lê Đức Hùng	07/11/97	1614D13A															
21	165D400006	Nguyễn Tiến Thành	01/11/98	1614D40A															
22	175D100036	Lê Khắc Kiên	24/09/99	1715D10A															
23	175D100055	Trần Thị Hồng Nhung	21/12/99	1715D10A															
24	175D100056	Lê Hồng Phong	24/02/99	1715D10A															
25	175D100057	Trần Minh Phương	18/09/99	1715D10A															
26	175D100059	Tạ Thúy Quỳnh	11/10/99	1715D10A															
27	175D280009	Nguyễn Đức Long	14/07/98	1715D28A															
28	175D420001	Nguyễn Ngọc Hiến	15/09/99	1715D42A															
29	175D420002	Đặng Sỹ Hoàng	30/04/99	1715D42A															
30	185D410012	Lê Hữu Phúc	10/01/98	1816D41A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Hành chính nhà nước (LC2311) - Nhóm 01
Bùi Thị Lý (1034)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D090007	Phạm Đức Cảnh	15/02/97	1513D09A															
2	155D090010	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	26/06/96	1513D09A															
3	155D090011	Nguyễn Mỹ Duyên	28/12/97	1513D09A															
4	155D090012	Nghiêm Thành Đạt	26/04/97	1513D09A															
5	155D090013	Trần Hoàng Anh Đức	09/02/97	1513D09A															
6	155D090019	Trần Thị Thúy Hằng	08/03/97	1513D09A															
7	155D090033	Chu Thị Hằng Nga	28/08/97	1513D09A															
8	155D090035	Vũ Kiều Ngân	26/06/97	1513D09A															
9	155D090037	Phạm Hồng Quân	09/12/97	1513D09A															
10	155D090045	Nguyễn Thị Phương Thảo	17/05/97	1513D09A															
11	155D090046	Trần Thị Phương Thảo	08/10/97	1513D09A															
12	155D090048	Hoàng Thị Thùy	18/07/97	1513D09A															
13	155D090064	Khuất Văn Minh Tiến	24/12/97	1513D09A															
14	155D090056	Hà Lê Anh Tuấn	28/09/97	1513D09A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Viết 1 (LCC311) - Nhóm 01
Đào Thị Thùy Dương (1150)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D180064	Vũ Thị Tuyết Nga	03/06/00	1816D18A															
2	185D180071	Nguyễn Hồng Nhung	13/03/99	1816D18A															
3	185D180090	Đặng Thị Ngọc Thúy	31/12/00	1816D18A															
4	185D180095	Dương Thị Thu Trang	29/08/00	1816D18A															
5	185D180001	Nguyễn Thu An	21/06/00	1816D18B															
6	185D180014	Trương Thùy Dung	09/10/00	1816D18B															
7	185D180017	Nguyễn Thị Duyên	25/06/00	1816D18B															
8	185D180025	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	18/09/00	1816D18B															
9	185D180036	Cao Thị Hoa	06/11/00	1816D18B															
10	185D180037	Vì Thanh Hoa	19/11/00	1816D18B															
11	185D180040	Kim Đình Hội	22/06/00	1816D18B															
12	185D180049	Chu Thị Thùy Linh	14/03/00	1816D18B															
13	185D180063	Nguyễn Phương Nam	02/10/00	1816D18B															
14	185D180082	Lê Phương Thảo	16/04/00	1816D18B															
15	185D180089	Nguyễn Bích Thùy	16/07/00	1816D18B															
16	185D180098	Phạm Thị Thu Trang	20/08/00	1816D18B															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Mẫu In D1050

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Lịch sử văn minh thế giới 1 (LS1203) - Nhóm 01
Triệu Thị Hương Liên (1083)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D040010	Đào Thị Hằng	26/03/96	1412D04A															
2	145D090042	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	02/01/96	1412D09A															
3	155D090007	Phạm Đức Cảnh	15/02/97	1513D09A															
4	155D090033	Chu Thị Hằng	28/08/97	1513D09A															
5	155D090062	Chào Láo	15/08/97	1513D09A															
6	155D090042	Nguyễn Tiến Tài	03/07/97	1513D09A															
7	155D280032	Lê Phan Đức Kiên	10/12/97	1513D28A															
8	165D040019	Nguyễn Thị Hằng	26/08/98	1614D04A															
9	165D830001	Nguyễn Quý Dương	29/10/98	1614D83A															
10	175D020003	Nguyễn Yến Hoa	13/07/99	1715D02A															
11	175D020006	Hà Thị Thu Hường	30/10/97	1715D02A															
12	175D040031	Lê Thúy Nga	19/10/98	1715D04A															
13	175D090005	Atphasouk Pouy	02/02/87	1715D09A															
14	175D180011	Lê Thu Hà	13/08/99	1715D18A															
15	175D180053	Phạm Thị Ngân	09/10/99	1715D18A															
16	175D830004	Lê Thu Lan	03/11/99	1715D83A															
17	175D830006	Nguyễn Thành Trung	12/08/99	1715D83A															
18	175D830008	Nguyễn Thị Hải Yến	09/10/99	1715D83A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Lịch sử quan hệ quốc tế (LS1334) - Nhóm 01
Nguyễn Phương Mai (1425)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	165D180010	Lê Thị Bích	Liên	27/02/97	1614D18A														
2	165D180023	Nguyễn Thu	Trang	21/01/98	1614D18A														
3	165D180025	Vũ Thị Quỳnh	Xuân	17/02/97	1614D18A														
4	175D180001	Hoàng Thị Hải	Anh	15/09/99	1715D18A														
5	175D180003	Xingvongxay	Bounthong	06/06/96	1715D18A														
6	175D180005	Nguyễn Việt	Cường	30/12/98	1715D18A														
7	175D180010	Ly Tong	Er	12/12/96	1715D18A														
8	175D180011	Lê Thu	Hà	13/08/99	1715D18A														
9	175D180048	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	30/06/99	1715D18A														
10	175D180016	Dương Thị	Hiền	02/01/98	1715D18A														
11	175D180018	Nguyễn Thu	Hiền	19/03/99	1715D18A														
12	175D180019	Tổng Thị Thu	Hiền	02/02/99	1715D18A														
13	175D180022	Trần Thị Thu	Huyền	28/08/99	1715D18A														
14	175D180023	Nguyễn Ngọc	Lan	13/01/99	1715D18A														
15	175D180055	Cao Phương	Ly	23/09/99	1715D18A														
16	175D180027	Nguyễn Trà	My	14/02/99	1715D18A														
17	175D180028	Nguyễn Văn	Nam	08/09/99	1715D18A														
18	175D180053	Phạm Thị	Ngân	09/10/99	1715D18A														
19	175D180031	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13/08/99	1715D18A														
20	175D180032	Trần Thị	Nhung	18/11/98	1715D18A														
21	175D180033	Lê Thị Hương	Quân	02/09/99	1715D18A														
22	175D180034	Đinh Thị Như	Quỳnh	11/09/99	1715D18A														
23	175D180036	Nguyễn Hồng	Sơn	30/07/99	1715D18A														
24	175D180049	Cao Thị Phương	Thảo	01/12/99	1715D18A														
25	175D180038	Nguyễn Phương	Thảo	08/08/98	1715D18A														
26	175D180039	Lương Thị	Tho	06/11/98	1715D18A														
27	175D180040	Lê Lệ	Thơm	16/08/99	1715D18A														
28	175D180041	Cao Thị Thanh	Thúy	09/08/99	1715D18A														
29	175D180050	Lê Thị Minh	Trang	21/10/99	1715D18A														
30	175D180042	Lê Thị Quỳnh	Trang	17/08/99	1715D18A														
31	175D180051	Nguyễn Thu	Trang	22/10/99	1715D18A														
32	175D180043	Nguyễn Thùy	Trang	24/08/99	1715D18A														
33	175D180044	Trần Kiều	Trang	25/07/98	1715D18A														
34	175D180047	Nguyễn Thị	Yến	13/06/99	1715D18A														

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Lịch sử ngoại giao và LS quân sự Việt Nam (LS2210) - Nhóm 01
Trần Văn Hùng (1139)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D040006	Phạm An Giang	26/10/96	1412D04A															
2	145D040033	Nguyễn Thị Bích Ngân	25/09/96	1412D04A															
3	155D090010	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	26/06/96	1513D09A															
4	155D090012	Nghiêm Thành Đạt	26/04/97	1513D09A															
5	155D090013	Trần Hoàng Anh Đức	09/02/97	1513D09A															
6	155D090017	Nguyễn Thị Thu Hà	02/06/97	1513D09A															
7	155D090019	Trần Thị Thúy Hằng	08/03/97	1513D09A															
8	155D090024	Nguyễn Thu Hồng	20/11/97	1513D09A															
9	155D090033	Chu Thị Hằng Nga	28/08/97	1513D09A															
10	155D090037	Phạm Hồng Quân	09/12/97	1513D09A															
11	155D090044	Nguyễn Thị Thảo	22/06/95	1513D09A															
12	155D090045	Nguyễn Thị Phương Thảo	17/05/97	1513D09A															
13	155D090048	Hoàng Thị Thùy	18/07/97	1513D09A															
14	155D090063	Ngô Lệ Thương	21/11/96	1513D09A															
15	155D090051	Lương Thị Trang	01/10/97	1513D09A															
16	155D090054	Đoàn Đức Anh Tú	15/05/97	1513D09A															
17	155D090055	Nguyễn Cẩm Tú	06/09/97	1513D09A															
18	155D090057	Nguyễn Thị Tuyến	13/10/97	1513D09A															
19	155D090058	Ly A Vàng	17/10/97	1513D09A															
20	165D090002	Chitvongdeuan	Nouanchanh	07/07/94	1614D09A														
21	165D090004	Intavong	Sybounkham	01/01/81	1614D09A														
22	165D090006	Đào Xuân Trường	05/11/98	1614D09A															

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam (LS2221) - Nhóm 01
Đỗ Thị Bích Liên (1152)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D090048	Đỗ Văn Thức	03/08/96	1412D09A															
2	155D090011	Nguyễn Mỹ Duyên	28/12/97	1513D09A															
3	155D090017	Nguyễn Thị Thu Hà	02/06/97	1513D09A															
4	155D090020	Trần Thị Hiền	25/10/97	1513D09A															
5	155D090023	Khổng Gia Huy	24/08/96	1513D09A															
6	155D090024	Nguyễn Thu Hồng	20/11/97	1513D09A															
7	155D090042	Nguyễn Tiến Tài	03/07/97	1513D09A															
8	155D090045	Nguyễn Thị Phương Thảo	17/05/97	1513D09A															
9	155D090064	Khuất Văn Minh	24/12/97	1513D09A															
10	155D090051	Lương Thị Trang	01/10/97	1513D09A															
11	155D090054	Đoàn Đức Anh	15/05/97	1513D09A															
12	155D090055	Nguyễn Cẩm Tú	06/09/97	1513D09A															
13	155D090056	Hà Lê Anh Tuấn	28/09/97	1513D09A															
14	155D090057	Nguyễn Thị Tuyến	13/10/97	1513D09A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Xác suất thống kê (MAT251) - Nhóm 01
Nguyễn Huyền Trang (1201)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	175D110012	Keomakhoun Soudjai	12/02/95	1715D11A															
2	185D100008	Nguyễn Ngọc Châm	21/10/00	1816D10A															
3	185D100016	Đinh Thu Giang	04/11/00	1816D10A															
4	185D100020	Đoàn Thị Thu Hà	28/07/00	1816D10A															
5	185D100062	Phùng Thị Minh Phượng	04/03/00	1816D10A															
6	185D100091	Nguyễn Anh Thái	02/06/00	1816D10A															
7	185D100086	Hoàng Thị Hải Yến	12/12/00	1816D10A															
8	185D100098	Nguyễn Thị Hải Ngân	08/06/00	1816D10B															
9	185D100072	Tráng Thị Thắm	02/09/00	1816D10B															
10	185D110003	Lê Quý Bình	30/12/95	1816D11A															
11	185D110004	Kiều Quang Dương	17/12/00	1816D11A															
12	185D110005	Nguyễn Phú Hải	26/12/00	1816D11A															
13	185D110010	Bùi Quang Linh	17/06/00	1816D11A															
14	185D110011	Trần Đức Long	23/09/00	1816D11A															
15	185D110013	Chanthavisouk Phitsana	14/12/99	1816D11A															
16	185D110016	Xaiyaseng Somsakoun	30/03/00	1816D11A															
17	185D110017	Lê Anh Sơn	04/01/00	1816D11A															
18	185D110021	Phạm Thị Huyền Trang	22/08/00	1816D11A															
19	185D110028	Lê Minh Vương	30/03/00	1816D11A															
20	185D160003	Lê Đại Dương	29/04/99	1816D16A															
21	185D160009	Khamvanmanivong Khaek	18/08/99	1816D16A															
22	185D160011	Luengthachanh Khuaxai	20/06/98	1816D16A															
23	185D160016	Douangpaseuth Tamon	03/05/00	1816D16A															
24	185D160020	Nguyễn Anh Tuấn	24/12/99	1816D16A															
25	185D250001	Ienglorth Dettaphone	09/09/85	1816D25A															
26	185D300005	Douangmany Khamhak	21/01/98	1816D30A															
27	185D300010	Chitlaphone Xe	15/09/96	1816D30A															
28	185D510001	Senvong Chomseng	03/04/98	1816D51A															
29	185D510002	Onsavat Panekeo	06/03/99	1816D51A															
30	185D510005	Lormeyeng Shouaxay	08/12/96	1816D51A															
31	185D510006	Sangiemvongsack Thanousin	03/10/99	1816D51A															
32	185D830002	Nguyễn Quang Anh	25/10/00	1816D83A															
33	185D830003	Arpor Arza	15/06/98	1816D83A															
34	185D830004	Cao Kim Cương	13/02/97	1816D83A															
35	185D830005	Trần Minh Hiếu	27/12/00	1816D83A															
36	185D830006	Hoàng Xuân Khải	10/08/00	1816D83A															
37	185D830007	Thongvanh Linthong	02/03/85	1816D83A															
38	185D830009	Keomaneevong Vongngern	21/11/97	1816D83A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Xác suất thống kê (MAT251) - Nhóm 02
Lê Thị Yến (1438)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	165D060014	Tấn Hoàng Thanh Thanh	11/05/98	1614D06A															
2	185D100004	Nguyễn Quỳnh Anh	05/08/00	1816D10A															
3	185D100011	Nguyễn Tiến Dũng	12/07/00	1816D10A															
4	185D100018	Nguyễn Trung Giang	15/08/00	1816D10A															
5	185D100044	Đỗ Quang Linh	11/10/00	1816D10A															
6	185D100048	Nguyễn Thị Linh	05/12/00	1816D10A															
7	185D100050	Lê Thị Trà My	24/11/00	1816D10A															
8	185D100095	Nguyễn Thị Ngọc Ngà	27/04/00	1816D10A															
9	185D100052	Nguyễn Bích Ngọc	17/03/00	1816D10A															
10	185D100055	Vũ Thụy Thảo Nhi	20/09/00	1816D10A															
11	185D100056	Lê Thị Hồng Nhung	29/08/00	1816D10A															
12	185D100058	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/01/00	1816D10A															
13	185D100092	Đinh Phương Thảo	25/12/00	1816D10A															
14	185D100093	Phạm Thị Phương Thảo	12/12/00	1816D10A															
15	185D100076	Nguyễn Thị Thương	14/03/00	1816D10A															
16	185D100078	Nguyễn Thị Minh Trang	06/12/00	1816D10A															
17	185D100005	Hà Ngọc ánh	14/12/00	1816D10B															
18	185D100007	Nguyễn Hằng Châm	02/01/00	1816D10B															
19	185D100010	Đào Mỹ Dung	16/06/00	1816D10B															
20	185D100015	Lê Minh Đức	24/10/00	1816D10B															
21	185D100021	Đỗ Thị Thu Hà	11/09/00	1816D10B															
22	185D100023	Nguyễn Hồng Hạnh	07/05/00	1816D10B															
23	185D100029	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/08/00	1816D10B															
24	185D100031	Phùng Hạnh Hoa	26/04/00	1816D10B															
25	185D100033	Đỗ Huy Hoàng	06/01/00	1816D10B															
26	185D100038	Nguyễn Trung Kiên	19/08/00	1816D10B															
27	185D100046	Nguyễn Diệu Linh	26/09/00	1816D10B															
28	185D100059	Nguyễn Đức Phong	07/07/00	1816D10B															
29	185D100063	Trần Thị Ngọc Quý	26/11/00	1816D10B															
30	185D100065	Hoàng Thúy Quỳnh	28/06/00	1816D10B															
31	185D100073	Đặng Hoài Thu	03/10/98	1816D10B															
32	185D100077	Đào Huyền Trang	11/11/00	1816D10B															
33	185D100096	Nguyễn Xuân Trường	30/09/99	1816D10B															
34	185D100082	Nguyễn Thị Vân	30/04/00	1816D10B															
35	14D05D1001	Trần Thị Minh	15/09/98	1816D10N															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Toán cơ sở (MN2304) - Nhóm 01
Hà Thị Huyền Diệp (1273)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D050021	Lục Thị Thu	Hiền	08/07/97	1513D05A														
2	165D050018	Inthavong	Euay	12/11/96	1614D05A														
3	165D050044	La Luanglath	Khone	15/04/96	1614D05A														
4	165D050074	Dương Thị Thanh	Phượng	23/07/97	1614D05A														
5	165D050092	Phùng Thị Lan	Thơm	10/01/98	1614D05A														
6	165D050032	Chu Thị Thu	Huyền	15/10/98	1614D05B														
7	165D050034	Đỗ Thị Thanh	Huyền	26/06/98	1614D05B														
8	165D050064	Đỗ Trà	My	08/02/98	1614D05B														
9	165D050076	Đỗ Thị Thu	Phượng	27/04/98	1614D05B														
10	165D050102	Kiều Thị	Tĩnh	14/07/98	1614D05B														
11	175D050021	Lê Thị Thu	Hương	07/10/99	1715D05A														
12	175D050028	Nguyễn Thị	Lương	26/06/99	1715D05A														
13	175D050037	Nguyễn Thúy	Quỳnh	25/05/99	1715D05A														
14	175D050039	Lương Thị Phượng	Thảo	30/09/99	1715D05A														
15	175D050040	Nguyễn Thị Thu	Thảo	06/01/98	1715D05A														
16	175D050052	Nguyễn Ngọc	Trâm	08/03/99	1715D05A														
17	185D050038	Nguyễn Thị	Trang	12/02/00	1816D05A														

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDLL và PP hướng dẫn trẻ làm quen với MTXQ (MN2348) - Nhóm 01
Hoàng Thanh Phương (1145)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	165D050018	Inthavong Euay	12/11/96	1614D05A															
2	165D050042	Nguyễn Thị Lan Hường	24/06/98	1614D05A															
3	165D050044	La Luanglath Khone	15/04/96	1614D05A															
4	165D050054	Nguyễn Thị Mỹ Linh	16/06/97	1614D05A															
5	165D050056	Trần Thị Phương Linh	11/07/98	1614D05A															
6	165D050061	Nguyễn Phương Mai	08/02/97	1614D05A															
7	165D050068	Hà Thị Ngân	02/01/98	1614D05A															
8	165D050072	Đỗ Thị Hồng Nhung	30/05/98	1614D05A															
9	165D050073	Hà Tú Oanh	27/09/97	1614D05A															
10	165D050074	Dương Thị Thanh Phương	23/07/97	1614D05A															
11	165D050075	Đỗ Thị Bích Phương	12/08/98	1614D05A															
12	165D050084	Khuất Thanh Thảo	16/10/98	1614D05A															
13	165D050087	Trần Lâm Thảo	20/09/98	1614D05A															
14	165D050090	Hà Thị Thoa	17/05/98	1614D05A															
15	165D050111	Vũ Thị Vân	11/05/98	1614D05A															
16	165D050082	Nguyễn Thị Quỳnh	10/12/98	1614D05B															
17	165D050083	Vũ Thị Thanh	06/02/98	1614D05B															
18	165D050086	Nguyễn Thị Phương Thảo	21/01/98	1614D05B															
19	185D050038	Nguyễn Thị Trang	12/02/00	1816D05A															
20	15D03D0501	Hoàng Thị Thùy Linh	27/08/99	1816D05N															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tài chính doanh nghiệp (NH2203) - Nhóm 01
Phạm T Minh Phương (1095)

Số Tín Chi: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100031	Nguyễn Hữu Hưng	10/10/97	1513D10A															
2	155D100075	Cao Thị Bích Thủy	24/04/97	1513D10A															
3	155D100029	Đỗ Hồng Huế	30/03/97	1513D10B															
4	155D100040	Hoàng Diệu Linh	01/05/97	1513D10B															
5	155D100069	Nguyễn Văn Quang	20/07/97	1513D10B															
6	155D100076	Bùi Thị Diệu Thúy	20/10/97	1513D10B															
7	155D100085	Nguyễn Anh Tuấn	18/09/97	1513D10B															
8	155D100086	Nguyễn Mạnh Tuấn	26/02/97	1513D10B															
9	165D100025	Nguyễn Thu Hà	26/05/98	1614D10A															
10	165D100043	Hà Thị Hoa	08/12/98	1614D10A															
11	165D100118	Vũ Bích Hồng	08/06/98	1614D10A															
12	165D100127	Đỗ Thị Thanh Huyền	01/03/98	1614D10A															
13	165D100066	Phạm Thị Thùy Linh	25/01/98	1614D10A															
14	165D100121	Hoàng Kiều Loan	23/02/98	1614D10A															
15	165D100069	Nguyễn Phương Ly	17/04/98	1614D10A															
16	165D100070	Đào Tuyết Mai	14/06/98	1614D10A															
17	165D100073	Vương Đức Mạnh	11/09/98	1614D10A															
18	165D100084	Nguyễn Thị Lan Phương	21/07/98	1614D10A															
19	165D100089	Nguyễn Thị Như Quỳnh	17/02/98	1614D10A															
20	165D100092	Nguyễn Thị Phương Thảo	28/02/97	1614D10A															
21	165D100095	Nguyễn Thị Thu Thủy	18/11/98	1614D10A															
22	165D100107	Trần Thị Trang	21/07/98	1614D10A															
23	165D100108	Nguyễn Văn Trung	22/08/98	1614D10A															
24	165D100001	Đinh Công An	04/10/98	1614D10B															
25	165D100111	Đinh Thu Ứng	29/03/98	1614D10B															
26	175D100011	Hoàng Hải Dương	17/10/99	1715D10A															
27	175D100026	Trần Thị Phương Hồng	08/08/99	1715D10A															
28	175D100071	Bùi Thị Thúy Vân	06/05/99	1715D10A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Bảo hiểm (NH2225) - Nhóm 01
Phạm Phương Thảo (1436)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D160003	Lê Thị Minh	Châu	13/02/97	1513D16A															
2	155D160007	Nguyễn Trung	Hiếu	31/05/97	1513D16A															
3	155D160014	Nguyễn Mai	Phương	20/02/97	1513D16A															
4	155D160017	Vương Hà Lệ	Thủy	22/02/97	1513D16A															
5	165D160016	Đình Thanh	Tùng	25/02/98	1614D16A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tiếng Anh (2) (NN1202) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Ngọc Thủy (1157)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D410013	Nguyễn Hữu Ngọc	04/11/97	1513D41A															
2	165D230003	Đinh Thị Hồng Trang	23/09/98	1614D23A															
3	175D050007	Tạ Thị Thanh Bình	29/03/99	1715D05A															
4	175D060008	Hà Thu Trang	21/10/99	1715D06A															
5	175D160004	Heuangmany Bouangern	11/07/98	1715D16A															
6	175D160009	Mingbouppha Hountha	16/12/99	1715D16A															
7	175D180042	Lê Thị Quỳnh Trang	17/08/99	1715D18A															
8	175D410001	Vũ Đức Chung	25/06/99	1715D41A															
9	175D410008	Trần Quang Trường	09/01/99	1715D41A															
10	175D420001	Nguyễn Ngọc Hiển	15/09/99	1715D42A															
11	175D700007	Hà Thị Mai	22/10/99	1715D70A															
12	175D800001	Nghiêm Thị Ngọc ánh	27/08/98	1715D80A															
13	175D800003	Nguyễn Quang Hà	18/07/99	1715D80A															
14	175D800004	Hoàng Thị Thu Hường	29/12/99	1715D80A															
15	175D800005	Nguyễn Thị Thúy Hường	04/10/99	1715D80A															
16	175D810003	Hán Mạnh Dũng	05/07/99	1715D81A															
17	175D810014	Hà Văn Thiêm	15/04/99	1715D81A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tiếng Anh (2) (NN1202) - Nhóm 02
Đinh Thị Thúy Hiền (1075)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	141C010001	Phạm Thị Mai Anh	23/05/95	1412C01A															
2	145D160012	Phùng Đức Tài	25/09/96	1412D16A															
3	145D800006	Lương Hồng Ngọc	01/06/95	1412D80A															
4	155D090024	Nguyễn Thu Hồng	20/11/97	1513D09A															
5	155D090037	Phạm Hồng Quân	09/12/97	1513D09A															
6	155D090046	Trần Thị Phương Thảo	08/10/97	1513D09A															
7	155D130001	Đỗ Thị Hồng Đào	23/03/97	1513D13A															
8	155D130013	Lý Hồng Phúc	22/05/97	1513D13A															
9	155D130016	Phạm Thái Sơn	18/01/97	1513D13A															
10	155D130020	Hoàng Thị Thúy Trinh	01/07/97	1513D13A															
11	155D150008	Trương Mạnh Hùng	11/08/96	1513D15A															
12	155D150021	Bùi Anh Tuấn	17/07/96	1513D15A															
13	155D150023	Lê Sơn Tùng	07/02/97	1513D15A															
14	155D160016	Nguyễn Thu Thảo	10/08/97	1513D16A															
15	155D170003	Ngô Thị Thanh Lịch	02/11/97	1513D17A															
16	155D170006	Lê Tuấn Long Vũ	01/11/97	1513D17A															
17	155D700012	Trần Thị Vân	06/08/97	1513D70A															
18	155D810019	Nguyễn Thị Thơm	24/03/97	1513D81A															
19	155D830040	Lò Văn Mạnh	17/11/95	1513D83A															
20	165D030067	Đào Thị Như Quỳnh	25/10/98	1614D03B															
21	165D060001	Ngô Tuấn Anh	09/09/98	1614D06A															
22	165D060016	Nguyễn Đức Tuấn	28/10/98	1614D06A															
23	165D100033	Hoàng Thị Hằng	03/01/98	1614D10A															
24	165D100106	Phan Thị Thu Trang	27/07/98	1614D10A															
25	165D110013	Lê Trung Kiên	28/07/98	1614D11A															
26	165D160011	Đỗ Hùng Mạnh	13/10/98	1614D16A															
27	165D160013	Cao Hạnh Nguyên	08/04/98	1614D16A															
28	165D300047	Đinh Trọng Anh	17/08/97	1614D30A															
29	175D300002	Nguyễn Tuấn Anh	03/09/99	1715D30A															
30	175D300012	Nguyễn Văn Ninh	23/08/99	1715D30A															

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tiếng Anh (2) (NN1202) - Nhóm 03
Đào Văn Yên (1443)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D400026	Nguyễn Văn	Hưng	14/03/96	1412D40A															
2	155D100029	Đỗ Hồng	Huế	30/03/97	1513D10B															
3	155D100064	Bùi Thị	Oanh	02/05/97	1513D10B															
4	155D130021	Vàng	Trứ	11/10/97	1513D13A															
5	155D300003	Nguyễn Phương	Chi	06/08/97	1513D30A															
6	155D300013	Bùi Thị	Hoa	14/09/97	1513D30A															
7	155D410008	Ngô Tiến	Đạt	13/01/97	1513D41A															
8	165D010010	Nguyễn Việt	Đức	15/07/98	1614D01A															
9	165D090001	Trần Văn	Dần	24/09/98	1614D09A															
10	165D160016	Đinh Thanh	Tùng	25/02/98	1614D16A															
11	165D500006	Đinh Văn	Đông	07/08/98	1614D50A															
12	165D810003	Mai Khánh	Linh	10/04/98	1614D81A															
13	165D830012	Hoàng Anh	Tuấn	26/06/97	1614D83A															
14	175D130004	Lê Thị Thanh	Nhàn	26/05/99	1715D13A															
15	175D180028	Nguyễn Văn	Nam	08/09/99	1715D18A															
16	175D300005	Lê Thị Thanh	Huyền	25/08/99	1715D30A															
17	175D410002	Đặng Tùng	Lâm	07/06/99	1715D41A															
18	175D410003	Nguyễn Đình	Lộc	26/02/99	1715D41A															
19	175D410005	Lâm Văn	Nam	19/05/98	1715D41A															
20	175D810001	Lê Đức	Anh	03/09/99	1715D81A															
21	175D810002	Lỗ Văn	Dần	04/12/98	1715D81A															
22	175D810004	Phùng Thị	Hậu	01/01/99	1715D81A															
23	175D810009	Vivanhnguang	Sonemixay	15/10/82	1715D81A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tiếng Anh (3) (NN1203) - Nhóm 01
Đỗ Tự Trị (1437)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D700008	Đặng Đình Dũng	10/06/95	1311D70A															
2	151C010003	Nguyễn Duy Quang	01/02/97	1513C01A															
3	155D090019	Trần Thị Thúy Hằng	08/03/97	1513D09A															
4	155D090046	Trần Thị Phương Thảo	08/10/97	1513D09A															
5	155D300019	Nguyễn Hoàng Kỳ	11/08/97	1513D30A															
6	155D410013	Nguyễn Hữu Ngọc	04/11/97	1513D41A															
7	155D830040	Lò Văn Mạnh	17/11/95	1513D83A															
8	165D020005	Đoàn Thị Chính	27/10/98	1614D02A															
9	165D090006	Đào Xuân Trường	05/11/98	1614D09A															
10	165D100125	Lý Thành Luân	09/04/97	1614D10A															
11	165D110012	Trần Công Khánh	03/10/98	1614D11A															
12	165D110027	Triệu Hữu Phú	25/05/98	1614D11A															
13	165D160011	Đỗ Hùng Mạnh	13/10/98	1614D16A															
14	165D160017	Khổng Xuân Việt	19/01/98	1614D16A															
15	165D180018	Đỗ Thị Thu Phương	22/10/98	1614D18A															
16	165D180025	Vũ Thị Quỳnh Xuân	17/02/97	1614D18A															
17	165D230001	Supilayket Pheua	05/07/95	1614D23A															
18	165D300047	Đinh Trọng Anh	17/08/97	1614D30A															
19	165D300055	Hà Minh Quang	19/04/98	1614D30A															
20	165D830008	Lý A Phình	03/01/96	1614D83A															
21	175D010010	Nguyễn Trọng Khánh	09/08/99	1715D01A															
22	175D060008	Hà Thu Trang	21/10/99	1715D06A															
23	175D150009	Nguyễn Việt Hưng	03/08/99	1715D15A															
24	175D300002	Nguyễn Tuấn Anh	03/09/99	1715D30A															
25	175D800001	Nghiêm Thị Ngọc ánh	27/08/98	1715D80A															
26	175D800003	Nguyễn Quang Hà	18/07/99	1715D80A															
27	175D800004	Hoàng Thị Thu Hường	29/12/99	1715D80A															
28	175D800005	Nguyễn Thị Thúy Hường	04/10/99	1715D80A															
29	175D830002	Hà Thị Thu Hà	14/02/99	1715D83A															
30	175D830004	Lê Thu Lan	03/11/99	1715D83A															
31	175D830006	Nguyễn Thành Trung	12/08/99	1715D83A															
32	175D830008	Nguyễn Thị Hải Yến	09/10/99	1715D83A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tiếng Anh (3) (NN1203) - Nhóm 02
Đặng Lưu Ngọc Hoa (1276)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D010006	Từ Xuân Hải	13/12/96	1412D01A															
2	145D090048	Đỗ Văn Thúc	03/08/96	1412D09A															
3	145D120003	Nguyễn Văn Đông	01/08/95	1412D12A															
4	155D010063	Nguyễn Thị Như	09/09/97	1513D01A															
5	155D050076	Nguyễn Thị Thu Phương	04/12/97	1513D05A															
6	155D080009	Bùi Văn Hoàng	14/12/97	1513D08A															
7	155D080017	Nguyễn Hoàng Duy Minh	27/04/97	1513D08A															
8	155D090012	Nghiêm Thành Đạt	26/04/97	1513D09A															
9	155D090013	Trần Hoàng Anh Đức	09/02/97	1513D09A															
10	155D090024	Nguyễn Thu Hồng	20/11/97	1513D09A															
11	155D090033	Chu Thị Hằng Nga	28/08/97	1513D09A															
12	155D090037	Phạm Hồng Quân	09/12/97	1513D09A															
13	155D090045	Nguyễn Thị Phương Thảo	17/05/97	1513D09A															
14	155D090051	Lương Thị Trang	01/10/97	1513D09A															
15	155D090053	Sùng A Trầu	27/02/97	1513D09A															
16	155D090055	Nguyễn Cẩm Tú	06/09/97	1513D09A															
17	155D090057	Nguyễn Thị Tuyến	13/10/97	1513D09A															
18	155D240001	Nguyễn Tuấn Anh	29/10/97	1513D24A															
19	155D240004	Lê Thị Huyền	12/01/96	1513D24A															
20	155D410008	Ngô Tiến Đạt	13/01/97	1513D41A															
21	155D420002	Bùi Đình Công	19/01/97	1513D42A															
22	155D610001	Đỗ Văn Lộc	11/10/95	1513D61A															
23	155D700012	Trần Thị Vân	06/08/97	1513D70A															
24	155D810002	Nguyễn Trung Đức	04/02/97	1513D81A															
25	155D810017	Nguyễn Hồng Phương	25/06/97	1513D81A															
26	161C080014	Đinh Thị Hồng Nhung	06/02/98	1614C08A															
27	165D060001	Ngô Tuấn Anh	09/09/98	1614D06A															
28	165D160016	Đinh Thanh Tùng	25/02/98	1614D16A															
29	175D030077	Nguyễn Thị Linh Trang	12/12/99	1715D03A															
30	175D030050	Phan Thị Thanh Ngọc	28/07/99	1715D03B															
31	175D050020	Đỗ Mai Hương	26/12/99	1715D05A															
32	175D050032	Vũ Thị Hồng Ngọc	19/01/99	1715D05A															
33	175D050039	Lương Thị Phương Thảo	30/09/99	1715D05A															
34	175D300003	Lê Thị Duyên	07/03/99	1715D30A															
35	175D300005	Lê Thị Thanh Huyền	25/08/99	1715D30A															
36	175D300007	Nguyễn Thị Tuyết Lan	21/07/99	1715D30A															
37	175D300009	Nguyễn Hoài Nam	14/10/99	1715D30A															
38	175D300010	Nguyễn Thị Ngọc Nga	28/12/99	1715D30A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tiếng Anh (1) (NN1301) - Nhóm 01
Mai Thị Thu Thảo (1519)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D010031	Hoàng Xuân Thiều	13/05/95	1311D01A															
2	135D170002	Nguyễn Thế Anh	11/05/94	1311D17A															
3	145D400036	Hà Văn Mạnh	29/01/96	1412D40A															
4	155D090010	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	26/06/96	1513D09A															
5	155D090019	Trần Thị Thúy Hằng	08/03/97	1513D09A															
6	155D090054	Đoàn Đức Anh Tú	15/05/97	1513D09A															
7	155D090056	Hà Lê Anh Tuấn	28/09/97	1513D09A															
8	155D090058	Lý A Vàng	17/10/97	1513D09A															
9	155D100031	Nguyễn Hữu Hưng	10/10/97	1513D10A															
10	155D400003	Trần Duy Bình	22/02/97	1513D40A															
11	155D600010	Pờ Sín Toàn	15/08/96	1513D60A															
12	155D700012	Trần Thị Vân	06/08/97	1513D70A															
13	155D810019	Nguyễn Thị Thơm	24/03/97	1513D81A															
14	155D830076	Mùa Thị Hoa	29/04/96	1513D83A															
15	155D830066	Nguyễn Thành Trung	16/09/96	1513D83A															
16	155D830068	Hà Anh Tuấn	08/10/97	1513D83A															
17	165D020026	Nguyễn Hải Sơn Trà	29/05/98	1614D02A															
18	165D060016	Nguyễn Đức Tuấn	28/10/98	1614D06A															
19	165D110001	Hoàng Thị Lan Anh	21/06/98	1614D11A															
20	165D110009	Lưu Quốc Hoàn	22/01/98	1614D11A															
21	165D300022	Nguyễn Hữu Mạnh	01/09/98	1614D30A															
22	165D500004	Hà Văn Tiến	15/05/98	1614D50A															
23	175D150027	Saenluangrath Phaivanh	13/01/98	1715D15A															
24	175D150029	Hoàng Thúc Quý	10/02/97	1715D15A															
25	175D160009	Mingbouppha Hountha	16/12/99	1715D16A															
26	175D180003	Xingvongxay Bounthong	06/06/96	1715D18A															
27	175D180012	Nguyễn Khắc Hải	17/06/99	1715D18A															
28	175D180029	Trần Phương Nam	07/01/99	1715D18A															
29	175D180042	Lê Thị Quỳnh Trang	17/08/99	1715D18A															
30	175D410004	Đào Tiến Mạnh	16/07/99	1715D41A															
31	175D510001	Kongkhamdeng Chansamone	12/01/90	1715D51A															
32	175D810002	Lỗ Văn Dân	04/12/98	1715D81A															
33	175D810009	Vivanhnguang Sonemixay	15/10/82	1715D81A															
34	175D810010	Đỗ Thị Phương Thảo	31/08/99	1715D81A															
35	175D810012	Cù Minh Tiến	09/10/98	1715D81A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tiếng Anh chuyên ngành (NN2310) - Nhóm 01
Đỗ Tự Trị (1437)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D100018	Nguyễn Bá Hải	21/09/95	1412D10A															
2	155D100040	Hoàng Diệu Linh	01/05/97	1513D10B															
3	155D100042	Nguyễn Ngọc Linh	26/05/97	1513D10B															
4	155D100063	Mai Thị Nhung	15/03/97	1513D10B															
5	165D100118	Vũ Bích Hồng	08/06/98	1614D10A															
6	165D100127	Đỗ Thị Thanh Huyền	01/03/98	1614D10A															
7	165D100051	Bùi Thanh Hương	27/04/98	1614D10A															
8	165D100052	Nguyễn Lan Hương	18/05/98	1614D10A															
9	165D100056	Hà Thị Thu Hường	27/07/98	1614D10A															
10	165D100065	Nguyễn Thùy Linh	11/02/98	1614D10A															
11	165D100125	Lý Thành Luân	09/04/97	1614D10A															
12	165D100096	Trần Diệu Thúy	04/06/97	1614D10A															
13	165D100108	Nguyễn Văn Trung	22/08/98	1614D10A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Tiếng Việt thực hành (NV1201) - Nhóm 01
Nguyễn Quang Chung (1505)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D090007	Phạm Đức Cảnh	15/02/97	1513D09A															
2	155D090023	Khổng Gia Huy	24/08/96	1513D09A															
3	155D090042	Nguyễn Tiến Tài	03/07/97	1513D09A															
4	155D090044	Nguyễn Thị Thảo	22/06/95	1513D09A															
5	155D090045	Nguyễn Thị Phương Thảo	17/05/97	1513D09A															
6	155D090064	Khuất Văn Minh	24/12/97	1513D09A															
7	155D090051	Lương Thị Trang	01/10/97	1513D09A															
8	155D300019	Nguyễn Hoàng Kỳ	11/08/97	1513D30A															
9	165D300047	Đinh Trọng Anh	17/08/97	1614D30A															
10	165D300010	Nguyễn Thị Minh Hằng	10/09/98	1614D30A															
11	165D300021	Ngô Đức Mạnh	09/05/97	1614D30A															
12	165D300039	Khuất Thị Thu Thủy	14/07/98	1614D30A															
13	165D830004	Nguyễn Đức Linh	11/01/95	1614D83A															
14	175D060008	Hà Thu Trang	21/10/99	1715D06A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tiếng Việt (NV1351) - Nhóm 01
Quách Thị Bình Thọ (1174)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D280024	Hà Thị Mai	13/08/96	1412D28A															
2	165D180010	Lê Thị Bích Liên	27/02/97	1614D18A															
3	165D180023	Nguyễn Thu Trang	21/01/98	1614D18A															
4	175D180001	Hoàng Thị Hải Anh	15/09/99	1715D18A															
5	175D180002	Nguyễn Thị Ngọc Anh	26/01/99	1715D18A															
6	175D180004	Nguyễn Thị Phương Châm	10/02/99	1715D18A															
7	175D180006	Nguyễn Tiến Dũng	13/09/99	1715D18A															
8	175D180009	Nguyễn Thành Đạt	20/11/99	1715D18A															
9	175D180013	Nguyễn Mỹ Hạnh	10/04/99	1715D18A															
10	175D180015	Nguyễn Thị Thúy Hằng	22/12/99	1715D18A															
11	175D180016	Dương Thị Hiền	02/01/98	1715D18A															
12	175D180017	Nguyễn Thị Thu Hiền	08/08/99	1715D18A															
13	175D180021	Nguyễn Thị Huyền	12/09/99	1715D18A															
14	175D180055	Cao Phương Ly	23/09/99	1715D18A															
15	175D180029	Trần Phương Nam	07/01/99	1715D18A															
16	175D180030	Cao Thị Thanh Nhân	01/01/99	1715D18A															
17	185D040018	Nguyễn Anh Long	01/07/00	1816D04A															
18	185D040019	Trần Thị Yến My	17/07/00	1816D04A															
19	185D040036	Nguyễn Thị Nguyệt	20/10/99	1816D04A															
20	185D040021	Phạm Hồng Phú	15/09/00	1816D04A															
21	185D040022	Lê Thị Hồng Phương	12/08/00	1816D04A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Tâm lý học giáo dục (PSY314) - Nhóm 01
Thiều Thị Hồng Hạnh (1480)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D010005	Phoudkhamxai	Sengyod	15/03/98	1816D01A															
2	185D020005	Trần Quang	Ngọc	06/10/00	1816D02A															
3	185D020006	Inthavone	Phasouk	20/12/84	1816D02A															
4	185D020007	Nguyễn Thị Thu	Thảo	26/01/00	1816D02A															
5	185D060003	Yang	Noy	03/06/98	1816D06A															
6	185D700003	Nguyễn Bích	Hào	26/10/00	1816D70A															
7	185D700007	Hà Thị	Lộc	21/04/00	1816D70A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Văn hóa kinh doanh (QT1221) - Nhóm 01
Nguyễn Việt Liên Hương (1474)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100098	Dương Công Lượng	23/09/96	1513D10A															
2	155D100056	Nguyễn Thị Nga	10/07/95	1513D10A															
3	155D100100	Nguyễn Hữu Quý	22/11/96	1513D10A															
4	155D100077	Bùi Thị Thanh Thúy	20/07/97	1513D10A															
5	155D100081	Nguyễn Thị Kiều Trang	04/06/97	1513D10A															
6	155D100088	Trần Thị Viễn	24/07/97	1513D10A															
7	155D100095	Phạm Thu Hà	08/11/97	1513D10B															
8	155D100046	Nguyễn Thị Bích Loan	19/04/97	1513D10B															
9	155D100052	Phan Thị Khánh Ly	19/06/97	1513D10B															
10	155D100060	Nguyễn Thủy Nguyên	28/01/97	1513D10B															
11	155D100079	Đào Thiên Trang	09/08/96	1513D10B															
12	155D160016	Nguyễn Thu Thảo	10/08/97	1513D16A															
13	165D100033	Hoàng Thị Hằng	03/01/98	1614D10A															
14	165D100059	Hà Thị Hồng Lan	13/06/98	1614D10A															
15	165D100125	Lý Thành Luân	09/04/97	1614D10A															
16	165D100103	Ngô Gia Trang	07/11/98	1614D10A															
17	165D500006	Đinh Văn Đông	07/08/98	1614D50A															
18	175D100002	Lê Tiến Anh	24/08/99	1715D10A															
19	175D100006	Ngô Thanh Bình	28/08/99	1715D10A															
20	175D100066	Cao Thùy Chang	28/08/99	1715D10A															
21	175D100075	Nguyễn Thị Thu Hà	26/04/99	1715D10A															
22	175D100038	Đặng Việt Lâm	19/04/99	1715D10A															
23	175D100042	Nguyễn Thị Phương Linh	28/03/99	1715D10A															
24	175D100043	Trần Thị Thùy Linh	06/09/99	1715D10A															
25	175D100050	Ngô Thùy Ngọc	21/11/99	1715D10A															
26	175D100051	Nguyễn Thị ánh Ngọc	11/01/99	1715D10A															
27	175D100056	Lê Hồng Phong	24/02/99	1715D10A															
28	175D100060	Nguyễn Thanh Thảo	09/06/99	1715D10A															
29	175D100063	Nguyễn Kiên Thư	16/09/99	1715D10A															
30	175D100070	Trần Thị Lan Trinh	02/09/99	1715D10A															
31	175D510001	Kongkhamdeng Chansamone	12/01/90	1715D51A															
32	175D510004	Saynamhang Phonesavanh	10/05/86	1715D51A															
33	175D510006	Sonesaikeo Vy	05/06/89	1715D51A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Giáo dục môi trường (SH1204) - Nhóm 01
Trần Thị Mai Lan (1170)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	165D030012	Đinh Thị Anh Đào	02/08/98	1614D03A															
2	165D030014	Lê Thị Thu Hà	27/07/98	1614D03A															
3	165D030075	Trương Thị Phương Thảo	14/09/96	1614D03A															
4	165D030078	Nguyễn Diệu Thúy	02/09/98	1614D03A															
5	165D030017	Phùng Thị Thúy Hà	14/01/97	1614D03B															
6	175D030001	Nguyễn Thị Phương Anh	13/11/99	1715D03A															
7	175D030036	Nguyễn Thị Khánh Linh	10/01/99	1715D03A															
8	175D030049	Phạm Thị Quỳnh Nga	16/01/99	1715D03A															
9	175D030058	Hà Thị Minh Phương	09/08/99	1715D03A															
10	175D030069	Lâm Thị Thu Thảo	26/08/99	1715D03A															
11	175D030070	Nguyễn Phương Thảo	11/08/99	1715D03A															
12	175D030072	Đàm Thị Hồng Thúy	24/12/99	1715D03A															
13	175D030076	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/05/99	1715D03A															
14	175D030017	Trần Thị Thanh Hoa	03/10/98	1715D03B															
15	175D030024	Lê Thị Khánh Huyền	18/08/99	1715D03B															
16	175D030025	Lê Thị Thanh Huyền	08/10/99	1715D03B															
17	175D030027	Tô Phương Huyền	18/11/99	1715D03B															
18	175D030035	Lê Thị Thùy Linh	24/06/99	1715D03B															
19	175D030053	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11/06/99	1715D03B															
20	175D030085	Nguyễn Anh Tuấn	24/03/99	1715D03B															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Sinh lý học trẻ em (tiểu học) (SH2206) - Nhóm 01
Chu Thị Bích Ngọc (1465)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D030095	Nguyễn Thị Kiều Oanh	25/10/97	1513D03B															
2	165D030032	Cù Thị Thu Huyền	13/07/98	1614D03A															
3	165D030044	Nguyễn Thị Thùy Linh	26/02/98	1614D03A															
4	165D030054	Hoàng Thị Minh Ngọc	30/07/98	1614D03B															
5	171C090001	Vũ Đình Hoàng	01/01/96	1715C09A															
6	175D030006	Ma Seo Đình	10/06/99	1715D03A															
7	175D030018	Hà Thị Lạc Hồng	25/11/99	1715D03A															
8	175D030023	Hoàng Thị Thu Huyền	10/09/99	1715D03A															
9	175D030026	Nguyễn Thu Huyền	12/01/99	1715D03A															
10	175D030028	Vũ Thị Ngọc Huyền	12/09/99	1715D03A															
11	175D030031	Phan Thu Hương	25/08/99	1715D03A															
12	175D030033	Nguyễn Thị Thu Hường	08/08/99	1715D03A															
13	175D030038	Nguyễn Thị Thùy Linh	04/04/99	1715D03A															
14	175D030047	Nguyễn Thị Mơ	28/03/99	1715D03A															
15	175D030051	Trần Thị Thúy Nhiệm	10/02/99	1715D03A															
16	175D030058	Hà Thị Minh Phương	09/08/99	1715D03A															
17	175D030071	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/11/99	1715D03A															
18	175D030077	Nguyễn Thị Linh Trang	12/12/99	1715D03A															
19	175D030025	Lê Thị Thanh Huyền	08/10/99	1715D03B															
20	175D030048	Vongchankeo Nanseng	12/12/84	1715D03B															
21	175D030050	Phan Thị Thanh Ngọc	28/07/99	1715D03B															
22	175D030061	Lê Minh Phương	17/06/99	1715D03B															
23	175D030084	Hoàng Thanh Tú	29/08/99	1715D03B															
24	175D030085	Nguyễn Anh Tuấn	24/03/99	1715D03B															
25	175D030086	Trần Tố Uyên	05/12/99	1715D03B															
26	185D030009	Lê Thị Trà Giang	09/03/00	1816D03A															
27	185D030017	Nguyễn Thị Thu Huyền	13/08/00	1816D03A															
28	185D030039	Hà Phương Thảo	24/08/99	1816D03A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Sinh lý học trẻ em (mầm non) (SH2269) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Thanh Hương (1125)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	165D050072	Đỗ Thị Hồng Nhung	30/05/98	1614D05A															
2	165D050073	Hà Tú Oanh	27/09/97	1614D05A															
3	165D050109	Trình Thanh Tuyền	02/06/98	1614D05A															
4	165D050046	Lý Thị Thu Lan	18/09/98	1614D05B															
5	165D050102	Kiều Thị Tĩnh	14/07/98	1614D05B															
6	175D050001	Đinh Thị Lan Anh	02/11/99	1715D05A															
7	175D050060	Lê Thị Ngọc ánh	08/11/99	1715D05A															
8	175D050053	Nguyễn Thanh Tứ	19/01/99	1715D05A															
9	185D050010	Nguyễn Thị Thu Hằng	22/07/00	1816D05A															
10	185D050011	Nguyễn Thị Thúy Hằng	29/11/99	1816D05A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Cơ sở tự nhiên và xã hội 1 (SH2271) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Hiền (1228)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	161C090001	Nguyễn Thanh Bình	10/02/98	1614C09A															
2	165D030036	Đinh Thị Hường	08/12/98	1614D03A															
3	165D030040	Nguyễn Thị Hoa Liễu	13/09/98	1614D03A															
4	165D030064	Nguyễn Thu Phương	30/06/98	1614D03A															
5	171C090001	Vũ Đình Hoàng	01/01/96	1715C09A															
6	175D030059	Lê Hoài Phương	02/09/99	1715D03A															
7	175D030011	Lưu Thị Thu Hằng	29/05/99	1715D03B															
8	175D030024	Lê Thị Khánh Huyền	18/08/99	1715D03B															
9	175D030027	Tô Phương Huyền	18/11/99	1715D03B															
10	175D030035	Lê Thị Thùy Linh	24/06/99	1715D03B															
11	175D030043	Trần Thị Lượng	19/07/99	1715D03B															
12	175D030053	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11/06/99	1715D03B															
13	175D030068	Bùi Lê Thanh Thảo	05/08/99	1715D03B															
14	175D030075	Nguyễn Thị Huyền Trang	15/11/99	1715D03B															
15	175D030079	Nguyễn Thị Thùy Trang	09/03/99	1715D03B															
16	175D030080	Phạm Thị Thu Trang	24/08/99	1715D03B															
17	175D030082	Trần Thu Trang	06/03/99	1715D03B															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Ngôn ngữ học đối chiếu (TA1238) - Nhóm 01
Phạm Thị Thu Hương (1071)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D040016	Tống Thị Việt Hoa	17/08/97	1513D04A															
2	155D040026	Nguyễn Hằng Nga	23/04/97	1513D04A															
3	155D040031	Trần Đức Ngọc	20/02/97	1513D04A															
4	155D040032	Trần Thị Ngọc	12/02/97	1513D04A															
5	155D040060	Phạm Thị Thanh Nhân	03/11/97	1513D04A															
6	155D040034	Nguyễn Văn Nhứt	23/06/96	1513D04A															
7	155D040036	Lê Thị Tam Nương	20/09/97	1513D04A															
8	155D040044	Nguyễn Tiến Tâm	26/07/97	1513D04A															
9	155D040057	Đinh Văn Thành	20/03/97	1513D04A															
10	155D040046	Lê Hồng Thảo	05/01/97	1513D04A															
11	155D040047	Trương Thị Thảo	14/09/97	1513D04A															
12	155D040052	Trần Anh Tuấn	18/02/97	1513D04A															
13	155D040054	Bùi Thị Hải Yến	24/04/97	1513D04A															
14	155D280022	Nguyễn Minh Hiếu	02/11/97	1513D28A															
15	155D280056	Nguyễn Thu Thủy	30/03/97	1513D28A															
16	165D040004	Trần Thị ánh	17/10/98	1614D04A															
17	165D040005	Nguyễn Thị Linh Chi	27/10/98	1614D04A															
18	165D040007	Nguyễn Văn Đức	30/03/98	1614D04A															
19	165D040012	Lương Thị Hồng Huyền	07/07/98	1614D04A															
20	165D040013	Vũ Hoàng Hưng	02/06/98	1614D04A															
21	165D040044	Ngô Hoài Linh	05/02/98	1614D04A															
22	165D040023	Hoàng Thị Hồng Nhung	13/04/98	1614D04A															
23	165D040026	Đặng Thanh Thảo	27/07/98	1614D04A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Nghe 2 (Inter) (TA2205) - Nhóm 01
Nguyễn Thành Long (1265)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D040010	Đào Thị Hằng	26/03/96	1412D04A															
2	155D040003	Nguyễn Thị Vân	28/07/97	1513D04A															
3	155D040006	Phạm Phương	28/07/97	1513D04A															
4	155D040022	Thân Thị Tú	22/09/97	1513D04A															
5	155D040026	Nguyễn Hằng	23/04/97	1513D04A															
6	155D040034	Nguyễn Văn	23/06/96	1513D04A															
7	155D040046	Lê Hồng	05/01/97	1513D04A															
8	155D280005	Trần Thị Ngọc	20/08/97	1513D28A															
9	155D280013	Lê Thị Thanh	16/05/97	1513D28A															
10	155D280039	Trần Thị	08/04/97	1513D28A															
11	155D280051	Tạ Thị Kiều	08/01/97	1513D28A															
12	165D040038	Nguyễn Quốc	15/02/98	1614D04A															
13	165D040007	Nguyễn Văn	30/03/98	1614D04A															
14	165D040039	Nguyễn Thị Thu	05/07/98	1614D04A															
15	175D040006	Nguyễn Thị	24/08/99	1715D04A															
16	175D040008	Hà Khánh	27/11/98	1715D04A															
17	175D040011	Dương Thị	30/01/99	1715D04A															
18	175D040013	Đỗ Kim	09/03/99	1715D04A															
19	175D040017	Đỗ Thị Kiều	02/09/99	1715D04A															
20	175D040021	Đỗ Thị Hải	14/11/99	1715D04A															
21	175D280001	Nguyễn Thị Kim	07/10/99	1715D28A															
22	175D280002	Vũ Minh	05/09/99	1715D28A															
23	175D280004	Bùi Tiến	25/03/99	1715D28A															
24	175D280014	Phùng Thị Thanh	12/11/99	1715D28A															
25	175D280015	Nguyễn Thị	29/01/99	1715D28A															
26	175D280016	Nguyễn Ngọc	01/04/99	1715D28A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Ngữ âm - âm vị học (TA2215) - Nhóm 01
Vũ Thị Quỳnh Dung (1052)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D040006	Phạm An Giang	26/10/96	1412D04A															
2	145D040014	Nguyễn Hữu Hoàng	07/04/96	1412D04A															
3	145D040026	Hoàng Thị Lưu Ly	12/03/95	1412D04A															
4	155D040052	Trần Anh Tuấn	18/02/97	1513D04A															
5	155D280022	Nguyễn Minh Hiếu	02/11/97	1513D28A															
6	165D040038	Nguyễn Quốc Cường	15/02/98	1614D04A															
7	165D040045	Phạm Anh Nam	01/08/97	1614D04A															
8	165D040041	Đinh Nguyên Quân	17/08/98	1614D04A															
9	15D01D2801	Hà Quỳnh Ngọc	08/05/99	1816D28N															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Văn học Anh - Mỹ (TA2218) - Nhóm 01
Vũ Thị Quỳnh Dung (1052)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D040016	Tống Thị Việt Hoa	17/08/97	1513D04A															
2	155D040026	Nguyễn Hằng Nga	23/04/97	1513D04A															
3	155D040060	Phạm Thị Thanh Nhân	03/11/97	1513D04A															
4	155D040044	Nguyễn Tiến Tâm	26/07/97	1513D04A															
5	155D040057	Đinh Văn Thành	20/03/97	1513D04A															
6	155D040047	Trương Thị Thảo	14/09/97	1513D04A															
7	155D040052	Trần Anh Tuấn	18/02/97	1513D04A															
8	155D280005	Trần Thị Ngọc Anh	20/08/97	1513D28A															
9	155D280013	Lê Thị Thanh Hà	16/05/97	1513D28A															
10	155D280032	Lê Phan Đức Kiên	10/12/97	1513D28A															
11	155D280051	Tạ Thị Kiều Phương	08/01/97	1513D28A															
12	165D040004	Trần Thị ánh	17/10/98	1614D04A															
13	165D040006	Mai Thị Thùy Dung	04/11/98	1614D04A															
14	165D040039	Nguyễn Thị Thu Hà	05/07/98	1614D04A															
15	165D040011	Nguyễn Thị Huế	20/09/98	1614D04A															
16	165D040013	Vũ Hoàng Hưng	02/06/98	1614D04A															
17	165D040019	Nguyễn Thị Hằng Nga	26/08/98	1614D04A															
18	165D040024	Lê Thị Hồng Nhung	15/07/93	1614D04A															
19	165D040025	Đỗ Thị Quỳnh	06/06/98	1614D04A															
20	165D040034	Hoàng Thị Xuân	18/01/98	1614D04A															
21	165D280003	Hà ánh Huyền	02/08/98	1614D28A															
22	165D280007	Đào Thanh Hường	24/07/98	1614D28A															
23	165D280011	Lê Ngọc Mai	12/01/98	1614D28A															
24	165D280015	Hà Kim Phượng	02/08/98	1614D28A															
25	165D280017	Đinh Thị Thu Quý	05/10/98	1614D28A															
26	165D280018	Hứa Thị Quỳnh	19/06/98	1614D28A															
27	165D280020	Nguyễn Phương Thảo	25/04/98	1614D28A															
28	165D280022	Phùng Thị Phương Thúy	24/01/98	1614D28A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Lý thuyết dịch (TA2221) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Tố Loan (1141)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D040051	Lê Thị Thùy Trang	19/08/96	1513D04A															
2	155D040052	Trần Anh Tuấn	18/02/97	1513D04A															
3	155D280022	Nguyễn Minh Hiếu	02/11/97	1513D28A															
4	165D040039	Nguyễn Thị Thu Hà	05/07/98	1614D04A															
5	165D040011	Nguyễn Thị Huế	20/09/98	1614D04A															
6	165D040013	Vũ Hoàng Hưng	02/06/98	1614D04A															
7	165D040016	Vũ Thùy Linh	03/12/98	1614D04A															
8	165D040021	Lê Hồng Ngọc	27/07/98	1614D04A															
9	165D040023	Hoàng Thị Hồng Nhung	13/04/98	1614D04A															
10	165D040025	Đỗ Thị Quỳnh	06/06/98	1614D04A															
11	175D040006	Nguyễn Thị Huyền	24/08/99	1715D04A															
12	175D040008	Hà Khánh Linh	27/11/98	1715D04A															
13	175D040013	Đỗ Kim Oanh	09/03/99	1715D04A															
14	175D040016	Mâu Thị Thu Thủy	25/12/99	1715D04A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tiếng Anh kinh tế (TA2230) - Nhóm 01
Đào Thị Thùy Hương (1264)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D280019	Nguyễn Thị Thu	Hằng	05/12/97	1513D28A															
2	165D040038	Nguyễn Quốc	Cường	15/02/98	1614D04A															
3	165D040016	Vũ Thùy	Linh	03/12/98	1614D04A															
4	165D040045	Phạm Anh	Nam	01/08/97	1614D04A															
5	165D040019	Nguyễn Thị Hằng	Nga	26/08/98	1614D04A															
6	165D040021	Lê Hồng	Ngọc	27/07/98	1614D04A															
7	165D040041	Đình Nguyễn	Quân	17/08/98	1614D04A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Ngữ pháp nâng cao (TA2278) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Hoa (1054)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D040006	Phạm An Giang	26/10/96	1412D04A															
2	155D040046	Lê Hồng Thảo	05/01/97	1513D04A															
3	155D280006	Trần Thị Ngọc Anh	05/02/97	1513D28A															
4	155D280022	Nguyễn Minh Hiếu	02/11/97	1513D28A															
5	155D280032	Lê Phan Đức Kiên	10/12/97	1513D28A															
6	165D040005	Nguyễn Thị Linh Chi	27/10/98	1614D04A															
7	165D040012	Lương Thị Hồng Huyền	07/07/98	1614D04A															
8	165D040044	Ngô Hoài Linh	05/02/98	1614D04A															
9	165D040026	Đặng Thanh Thảo	27/07/98	1614D04A															
10	165D280013	Lê Thị Minh Ngọc	09/06/98	1614D28A															
11	165D280016	Nguyễn Thị Thu Phượng	20/08/98	1614D28A															
12	165D280021	Nguyễn Phương Thủy	19/09/98	1614D28A															
13	165D280023	Nguyễn Thị Huyền Thư	14/07/98	1614D28A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Nghe 1 (Pre inter) (TA2301) - Nhóm 01
Nguyễn Thành Long (1265)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D040047	Kiều Thị Thu	26/11/96	1412D04A															
2	155D040002	Nguyễn Ngọc Lan Anh	24/05/97	1513D04A															
3	155D040003	Nguyễn Thị Vân Anh	28/07/97	1513D04A															
4	155D040026	Nguyễn Hằng Nga	23/04/97	1513D04A															
5	155D040060	Phạm Thị Thanh Nhân	03/11/97	1513D04A															
6	155D040034	Nguyễn Văn Nhứt	23/06/96	1513D04A															
7	155D040048	Bùi Thị Hương Thơm	25/10/97	1513D04A															
8	155D040050	Nguyễn Thị Minh Thuyết	10/12/97	1513D04A															
9	155D040051	Lê Thị Thùy Trang	19/08/96	1513D04A															
10	155D040054	Bùi Thị Hải Yến	24/04/97	1513D04A															
11	165D040007	Nguyễn Văn Đức	30/03/98	1614D04A															
12	165D040039	Nguyễn Thị Thu Hà	05/07/98	1614D04A															
13	165D040017	Lê Thị Hà Ly	18/09/98	1614D04A															
14	165D040034	Hoàng Thị Xuân	18/01/98	1614D04A															
15	165D280005	Nguyễn Thị Thu Hương	20/05/98	1614D28A															
16	165D280006	Trần Liên Hương	06/12/98	1614D28A															
17	165D280007	Đào Thanh Hường	24/07/98	1614D28A															
18	165D280008	Quyết Thị Mai Hường	27/08/98	1614D28A															
19	165D280016	Nguyễn Thị Thu Phương	20/08/98	1614D28A															
20	165D280018	Hứa Thị Quỳnh	19/06/98	1614D28A															
21	165D280020	Nguyễn Phương Thảo	25/04/98	1614D28A															
22	165D280022	Phùng Thị Phương Thúy	24/01/98	1614D28A															
23	165D280023	Nguyễn Thị Huyền Thư	14/07/98	1614D28A															
24	175D280009	Nguyễn Đức Long	14/07/98	1715D28A															
25	175D280010	Nguyễn Vũ Minh	11/04/99	1715D28A															
26	185D280007	Trần Hà Trang	16/10/00	1816D28A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Nói 1 (TA2302) - Nhóm 01
Đào Thị Thùy Hương (1264)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D040051	Lê Thị Thùy Trang	19/08/96	1513D04A															
2	155D040054	Bùi Thị Hải Yến	24/04/97	1513D04A															
3	155D280010	Nguyễn Thị Thu Cúc	14/10/97	1513D28A															
4	155D280017	Nguyễn Thị Hạnh	11/07/97	1513D28A															
5	155D280019	Nguyễn Thị Thu Hằng	05/12/97	1513D28A															
6	155D280021	Trần Thị Hiền	08/11/97	1513D28A															
7	155D280040	Nguyễn Tuấn Long	21/04/97	1513D28A															
8	155D280049	Lê Thị Minh Phương	26/12/97	1513D28A															
9	165D280017	Đinh Thị Thu Quý	05/10/98	1614D28A															
10	185D040009	Nguyễn Thị Thu Hoài	10/10/00	1816D04A															
11	185D040015	Vì Thùy Linh	26/01/00	1816D04A															
12	185D040022	Lê Thị Hồng Phương	12/08/00	1816D04A															
13	185D040026	Lê Văn Thìn	08/04/00	1816D04A															
14	185D280007	Trần Hà Trang	16/10/00	1816D28A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Độc 1 (TA2303) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Ngọc Thủy (1157)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D040002	Nguyễn Ngọc Lan Anh	24/05/97	1513D04A															
2	155D040007	Trần Thị Thủy	04/11/97	1513D04A															
3	155D040022	Thân Thị Tú	22/09/97	1513D04A															
4	155D040054	Bùi Thị Hải	24/04/97	1513D04A															
5	175D040001	Nguyễn Thị Lan	30/07/99	1715D04A															
6	175D040007	Nguyễn Thị	21/04/99	1715D04A															
7	175D040008	Hà Khánh	27/11/98	1715D04A															
8	175D040011	Dương Thị	30/01/99	1715D04A															
9	175D040029	Vũ Thị Ngọc	08/01/99	1715D04A															
10	175D040012	Mai Hồng	02/03/99	1715D04A															
11	185D040016	Lục Thị Kim	01/09/00	1816D04A															
12	185D040026	Lê Văn	08/04/00	1816D04A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Viết 1 (TA2304) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Phương Thảo (1275)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D040006	Phạm Phương Dung	28/07/97	1513D04A															
2	165D040003	Nguyễn Thị Ngọc ánh	16/04/98	1614D04A															
3	165D040010	Bùi Đức Hoàn	26/07/98	1614D04A															
4	165D040011	Nguyễn Thị Huế	20/09/98	1614D04A															
5	165D040017	Lê Thị Hà Ly	18/09/98	1614D04A															
6	165D040045	Phạm Anh Nam	01/08/97	1614D04A															
7	165D040034	Hoàng Thị Xuân	18/01/98	1614D04A															
8	165D280017	Đinh Thị Thu Quí	05/10/98	1614D28A															
9	175D040029	Vũ Thị Ngọc Mai	08/01/99	1715D04A															
10	175D040015	Nguyễn Thị Phương Thùy	12/06/99	1715D04A															
11	175D040019	Mai Lê Quỳnh Trang	07/08/99	1715D04A															
12	175D280003	Vũ Thị Ngọc ánh	14/10/99	1715D28A															
13	175D280004	Bùi Tiến Đạt	25/03/99	1715D28A															
14	175D280007	Nguyễn Thu Hiền	05/06/99	1715D28A															
15	175D280010	Nguyễn Vũ Minh	11/04/99	1715D28A															
16	175D280011	Nguyễn Thảo Nga	24/01/99	1715D28A															
17	185D040026	Lê Văn Thìn	08/04/00	1816D04A															
18	185D280001	Vũ Mai Châm	14/01/00	1816D28A															
19	185D280007	Trần Hà Trang	16/10/00	1816D28A															
20	15D01D2801	Hà Quỳnh Ngọc	08/05/99	1816D28N															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Ngữ pháp (TA2309) - Nhóm 01
Nguyễn Thành Long (1265)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D040006	Phạm An Giang	26/10/96	1412D04A															
2	145D040033	Nguyễn Thị Bích Ngân	25/09/96	1412D04A															
3	155D280005	Trần Thị Ngọc Anh	20/08/97	1513D28A															
4	155D280013	Lê Thị Thanh Hà	16/05/97	1513D28A															
5	155D280029	Phùng Thị Thanh Huyền	25/07/97	1513D28A															
6	165D040003	Nguyễn Thị Ngọc ánh	16/04/98	1614D04A															
7	165D040005	Nguyễn Thị Linh Chi	27/10/98	1614D04A															
8	165D040006	Mai Thị Thùy Dung	04/11/98	1614D04A															
9	165D040010	Bùi Đức Hoàn	26/07/98	1614D04A															
10	165D040044	Ngô Hoài Linh	05/02/98	1614D04A															
11	165D040016	Vũ Thùy Linh	03/12/98	1614D04A															
12	165D040017	Lê Thị Hà Ly	18/09/98	1614D04A															
13	165D040024	Lê Thị Hồng Nhưng	15/07/93	1614D04A															
14	165D040041	Đinh Nguyên Quân	17/08/98	1614D04A															
15	165D040025	Đỗ Thị Quỳnh	06/06/98	1614D04A															
16	165D280022	Phùng Thị Phương Thúy	24/01/98	1614D28A															
17	175D040001	Nguyễn Thị Lan Anh	30/07/99	1715D04A															
18	15D01D2801	Hà Quỳnh Ngọc	08/05/99	1816D28N															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

[illegible]

Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Lý luận dạy học (TA2351) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Thu Hằng (1073)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D280006	Trần Thị Ngọc	Anh	05/02/97	1513D28A															
2	155D280039	Trần Thị	Linh	08/04/97	1513D28A															
3	165D280001	Bùi Ngọc	ánh	01/08/98	1614D28A															
4	165D280002	Nguyễn Thị Thu	Dung	17/01/98	1614D28A															
5	165D280004	Trần Thị Thanh	Huyền	10/02/98	1614D28A															
6	165D280005	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/05/98	1614D28A															
7	165D280006	Trần Liên	Hương	06/12/98	1614D28A															
8	165D280008	Quyết Thị Mai	Hương	27/08/98	1614D28A															
9	165D280010	Trần Thị	Lưu	16/09/98	1614D28A															
10	165D280011	Lê Ngọc	Mai	12/01/98	1614D28A															
11	165D280012	Nguyễn Thị	Nga	10/05/98	1614D28A															
12	165D280013	Lê Thị Minh	Ngọc	09/06/98	1614D28A															
13	165D280014	Hoàng Thu	Phượng	29/09/97	1614D28A															
14	165D280015	Hà Kim	Phượng	02/08/98	1614D28A															
15	165D280016	Nguyễn Thị Thu	Phượng	20/08/98	1614D28A															
16	165D280018	Hứa Thị	Quỳnh	19/06/98	1614D28A															
17	165D280019	Phùng Thị	Sen	29/01/98	1614D28A															
18	165D280020	Nguyễn Phương	Thảo	25/04/98	1614D28A															
19	165D280021	Nguyễn Phương	Thủy	19/09/98	1614D28A															
20	165D280023	Nguyễn Thị Huyền	Thư	14/07/98	1614D28A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD Cơ sở văn hóa Việt Nam (TAC202) - Nhóm 01
Bùi Thị Hoa (1291)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D020019	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	28/03/97	1513D02A															
2	155D040060	Phạm Thị Thanh	Nhàn	03/11/97	1513D04A															
3	155D280010	Nguyễn Thị Thu	Cúc	14/10/97	1513D28A															
4	155D280017	Nguyễn Thị	Hạnh	11/07/97	1513D28A															
5	155D280021	Trần Thị	Hiền	08/11/97	1513D28A															
6	155D280039	Trần Thị	Linh	08/04/97	1513D28A															
7	155D280040	Nguyễn Tuấn	Long	21/04/97	1513D28A															
8	155D280041	Bùi Thị Ngọc	Mai	04/01/97	1513D28A															
9	155D280042	Hà Thu	Mai	14/02/97	1513D28A															
10	155D280044	Trịnh Phương	Mai	20/03/97	1513D28A															
11	155D600001	Nguyễn Thị Kim	Dung	20/08/97	1513D60A															
12	155D600013	Tấn A	Dũng	22/02/97	1513D60A															
13	155D600006	Ngô Văn	Linh	05/03/96	1513D60A															
14	155D600007	Phạm Ngọc	Mai	01/05/97	1513D60A															
15	155D600008	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/11/97	1513D60A															
16	155D830076	Mùa Thị	Hoa	29/04/96	1513D83A															
17	165D020005	Đoàn Thị	Chính	27/10/98	1614D02A															
18	165D020014	Đinh Thị Thùy	Linh	11/09/97	1614D02A															
19	175D040024	Nguyễn Linh	Chi	20/08/99	1715D04A															
20	175D040005	Hà Thanh	Huyền	12/03/99	1715D04A															
21	175D040006	Nguyễn Thị	Huyền	24/08/99	1715D04A															
22	175D040007	Nguyễn Thị	Lan	21/04/99	1715D04A															
23	175D040008	Hà Khánh	Linh	27/11/98	1715D04A															
24	175D040010	Nguyễn Thùy	Linh	15/03/99	1715D04A															
25	175D040011	Dương Thị	Mai	30/01/99	1715D04A															
26	175D040029	Vũ Thị Ngọc	Mai	08/01/99	1715D04A															
27	175D040012	Mai Hồng	Nhung	02/03/99	1715D04A															
28	175D040013	Đỗ Kim	Oanh	09/03/99	1715D04A															
29	175D040015	Nguyễn Thị Phương	Thùy	12/06/99	1715D04A															
30	175D040016	Mẫu Thị Thu	Thùy	25/12/99	1715D04A															
31	175D040017	Đỗ Thị Kiều	Trang	02/09/99	1715D04A															
32	175D040018	Hà Quỳnh	Trang	12/03/99	1715D04A															
33	175D040019	Mai Lê Quỳnh	Trang	07/08/99	1715D04A															
34	175D040021	Đỗ Thị Hải	Yến	14/11/99	1715D04A															
35	175D040022	Vũ Hải	Yến	22/11/99	1715D04A															
36	175D180009	Nguyễn Thành	Đạt	20/11/99	1715D18A															
37	175D180012	Nguyễn Khắc	Hải	17/06/99	1715D18A															
38	175D180021	Nguyễn Thị	Huyền	12/09/99	1715D18A															
39	175D180055	Cao Phương	Ly	23/09/99	1715D18A															
40	175D180036	Nguyễn Hồng	Sơn	30/07/99	1715D18A															

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Cơ sở văn hóa Việt Nam (TAC202) - Nhóm 01
Bùi Thị Hoa (1291)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D040008	Trần Thanh Hoa	13/10/00	1816D04A															
2	185D040009	Nguyễn Thị Thu Hoài	10/10/00	1816D04A															
3	185D040013	Đinh Thị Khánh Linh	06/10/00	1816D04A															
4	185D040015	Vì Thùy Linh	26/01/00	1816D04A															
5	185D040016	Lục Thị Kim Loan	01/09/00	1816D04A															
6	185D040036	Nguyễn Thị Nguyệt	20/10/99	1816D04A															
7	185D040021	Phạm Hồng Phú	15/09/00	1816D04A															
8	185D100069	Đinh Phương Thảo	25/04/00	1816D10B															
9	185D180009	Nguyễn Linh Chi	03/05/00	1816D18B															
10	185D180038	Nguyễn Thị Thu Hà	21/11/00	1816D18B															
11	185D180051	Tạ Thị Thùy Linh	02/03/00	1816D18B															
12	185D180065	Đặng Thị Hồng Ngát	04/02/00	1816D18B															
13	185D180098	Phạm Thị Thu Trang	20/08/00	1816D18B															
14	185D830002	Nguyễn Quang Anh	25/10/00	1816D83A															
15	185D830003	Arpor Arza	15/06/98	1816D83A															
16	185D830004	Cao Kim Cương	13/02/97	1816D83A															
17	185D830005	Trần Minh Hiếu	27/12/00	1816D83A															
18	185D830006	Hoàng Xuân Khải	10/08/00	1816D83A															
19	185D830007	Thongvanh Linthong	02/03/85	1816D83A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tâm lí và giao tiếp ứng xử trong du lịch (TAC208) - Nhóm 01
Chu Thị Thanh Hiền (1187)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D810001	Vanhnasith See	Anousay	21/02/99	1816D81A														
2	185D810003	Anmounsith	Chanseng	03/10/97	1816D81A														
3	185D810004	Vũ Mạnh	Cường	28/12/00	1816D81A														
4	185D810005	Luthsamy	Da	04/07/86	1816D81A														
5	185D810007	Hà Đức	Đạt	02/07/00	1816D81A														
6	185D810008	Nguyễn Tuấn	Giang	13/08/00	1816D81A														
7	185D810009	Nguyễn Thị Thu	Hà	08/09/00	1816D81A														
8	185D810027	Nguyễn Quốc	Hưng	01/05/00	1816D81A														
9	185D810010	Lê Thị Thanh	Lâm	01/10/00	1816D81A														
10	185D810011	Đinh Thị Mỹ	Linh	05/08/00	1816D81A														
11	185D810012	Vũ Đức	Mạnh	30/08/00	1816D81A														
12	185D810013	Nguyễn Thị Trà	My	16/06/00	1816D81A														
13	185D810014	Ma Thúy	Nga	20/01/00	1816D81A														
14	185D810015	Nguyễn Minh	Ngọc	18/09/00	1816D81A														
15	185D810016	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	02/02/00	1816D81A														
16	185D810025	Đỗ Thị	Nguyệt	04/01/00	1816D81A														
17	185D810017	Đinh Trung	Quân	23/01/99	1816D81A														
18	185D810018	Xaiyaseng	Souliphone	03/05/00	1816D81A														
19	185D810019	Xaiyaphaeng	Souliya	08/01/99	1816D81A														
20	185D810026	Nguyễn Thị Phương	Thào	13/11/00	1816D81A														
21	185D810021	Nguyễn Thị	Thúy	08/01/00	1816D81A														
22	185D810022	Lê Văn	Tiến	20/05/00	1816D81A														
23	185D810023	Nông Văn	Tú	29/01/00	1816D81A														
24	185D810024	Phạm Minh	Tuấn	01/03/00	1816D81A														
25	185D840001	Lương Tuấn	Anh	29/10/00	1816D84A														
26	185D840003	Đỗ Minh	Giang	10/02/00	1816D84A														
27	185D840004	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	31/10/00	1816D84A														
28	185D840005	Đặng Gia	Luân	27/07/00	1816D84A														
29	185D840002	Nguyễn Tiến	Mạnh	28/05/00	1816D84A														
30	185D840006	Vũ Ngọc	Phan	04/09/99	1816D84A														
31	185D840007	Hán Mạnh	Quân	02/05/00	1816D84A														
32	185D840008	Phùng Quang	Sơn	02/08/00	1816D84A														
33	185D840010	Lê Hữu	Trọng	21/08/00	1816D84A														
34	185D840011	Bùi Anh	Tuấn	06/10/00	1816D84A														
35	185D840012	Nguyễn Khắc	Vinh	25/10/00	1816D84A														

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Quản trị tiệc và hội nghị (TAC252) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Huyền (1219)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D810001	Vanhnasith See	Anousay	21/02/99	1816D81A														
2	185D810003	Anmounsith	Chanseng	03/10/97	1816D81A														
3	185D810004	Vũ Mạnh	Cường	28/12/00	1816D81A														
4	185D810005	Luthsamy	Da	04/07/86	1816D81A														
5	185D810007	Hà Đức	Đạt	02/07/00	1816D81A														
6	185D810008	Nguyễn Tuấn	Giang	13/08/00	1816D81A														
7	185D810009	Nguyễn Thị Thu	Hà	08/09/00	1816D81A														
8	185D810027	Nguyễn Quốc	Hưng	01/05/00	1816D81A														
9	185D810010	Lê Thị Thanh	Lâm	01/10/00	1816D81A														
10	185D810011	Đinh Thị Mỹ	Linh	05/08/00	1816D81A														
11	185D810012	Vũ Đức	Mạnh	30/08/00	1816D81A														
12	185D810013	Nguyễn Thị Trà	My	16/06/00	1816D81A														
13	185D810014	Ma Thúy	Nga	20/01/00	1816D81A														
14	185D810015	Nguyễn Minh	Ngọc	18/09/00	1816D81A														
15	185D810016	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	02/02/00	1816D81A														
16	185D810025	Đỗ Thị	Nguyệt	04/01/00	1816D81A														
17	185D810017	Đinh Trung	Quân	23/01/99	1816D81A														
18	185D810018	Xaiyaseng	Souliphone	03/05/00	1816D81A														
19	185D810019	Xaiyaphaeng	Souliya	08/01/99	1816D81A														
20	185D810026	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/11/00	1816D81A														
21	185D810021	Nguyễn Thị	Thủy	08/01/00	1816D81A														
22	185D810022	Lê Văn	Tiến	20/05/00	1816D81A														
23	185D810023	Nông Văn	Tú	29/01/00	1816D81A														
24	185D810024	Phạm Minh	Tuấn	01/03/00	1816D81A														

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Kiến tập cơ sở (TAC312) - Nhóm 01
Hồ Khánh Giang (1504)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D810001	Vanhnasith	See	Anousay	21/02/99	1816D81A														
2	185D810003	Anmounsith		Chanseng	03/10/97	1816D81A														
3	185D810004	Vũ Mạnh		Cường	28/12/00	1816D81A														
4	185D810005	Luthsamy		Da	04/07/86	1816D81A														
5	185D810007	Hà Đức		Đạt	02/07/00	1816D81A														
6	185D810008	Nguyễn Tuấn		Giang	13/08/00	1816D81A														
7	185D810009	Nguyễn Thị Thu		Hà	08/09/00	1816D81A														
8	185D810027	Nguyễn Quốc		Hưng	01/05/00	1816D81A														
9	185D810010	Lê Thị Thanh		Lâm	01/10/00	1816D81A														
10	185D810011	Đinh Thị Mỹ		Linh	05/08/00	1816D81A														
11	185D810012	Vũ Đức		Mạnh	30/08/00	1816D81A														
12	185D810013	Nguyễn Thị Trà		My	16/06/00	1816D81A														
13	185D810014	Ma Thúy		Nga	20/01/00	1816D81A														
14	185D810015	Nguyễn Minh		Ngọc	18/09/00	1816D81A														
15	185D810016	Nguyễn Thị Hồng		Ngọc	02/02/00	1816D81A														
16	185D810025	Đỗ Thị		Nguyệt	04/01/00	1816D81A														
17	185D810017	Đinh Trung		Quân	23/01/99	1816D81A														
18	185D810018	Xaiyaseng		Souliphone	03/05/00	1816D81A														
19	185D810019	Xaiyaphaeng		Souliya	08/01/99	1816D81A														
20	185D810026	Nguyễn Thị Phương		Thảo	13/11/00	1816D81A														
21	185D810021	Nguyễn Thị		Thủy	08/01/00	1816D81A														
22	185D810022	Lê Văn		Tiến	20/05/00	1816D81A														
23	185D810023	Nông Văn		Tú	29/01/00	1816D81A														
24	185D810024	Phạm Minh		Tuấn	01/03/00	1816D81A														
25	185D840001	Lương Tuấn		Anh	29/10/00	1816D84A														
26	185D840003	Đỗ Minh		Giang	10/02/00	1816D84A														
27	185D840004	Nguyễn Thị Thanh		Hoài	31/10/00	1816D84A														
28	185D840005	Đặng Gia		Luân	27/07/00	1816D84A														
29	185D840002	Nguyễn Tiến		Mạnh	28/05/00	1816D84A														
30	185D840006	Vũ Ngọc		Phan	04/09/99	1816D84A														
31	185D840007	Hán Mạnh		Quân	02/05/00	1816D84A														
32	185D840008	Phùng Quang		Sơn	02/08/00	1816D84A														
33	185D840010	Lê Hữu		Trọng	21/08/00	1816D84A														
34	185D840011	Bùi Anh		Tuấn	06/10/00	1816D84A														
35	185D840012	Nguyễn Khắc		Vinh	25/10/00	1816D84A														

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Nghệp vụ Nhà hàng (TAC321) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Huyền (1219)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D840001	Lương Tuấn Anh	29/10/00	1816D84A															
2	185D840003	Đỗ Minh Giang	10/02/00	1816D84A															
3	185D840004	Nguyễn Thị Thanh Hoài	31/10/00	1816D84A															
4	185D840005	Đặng Gia Luân	27/07/00	1816D84A															
5	185D840002	Nguyễn Tiến Mạnh	28/05/00	1816D84A															
6	185D840006	Vũ Ngọc Phan	04/09/99	1816D84A															
7	185D840007	Hán Mạnh Quân	02/05/00	1816D84A															
8	185D840008	Phùng Quang Sơn	02/08/00	1816D84A															
9	185D840010	Lê Hữu Trọng	21/08/00	1816D84A															
10	185D840011	Bùi Anh Tuấn	06/10/00	1816D84A															
11	185D840012	Nguyễn Khắc Vinh	25/10/00	1816D84A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm Thực tế tại doanh nghiệp (TAC518) - Nhóm 01
CBGD Hồ Khánh Giang (1504)

Số Tín Chỉ: 5

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	185D810001	Vanhnasith	See	Anousay	21/02/99	1816D81A														
2	185D810003	Anmounsith		Chanseng	03/10/97	1816D81A														
3	185D810004	Vũ Mạnh		Cường	28/12/00	1816D81A														
4	185D810005	Luthsamy		Da	04/07/86	1816D81A														
5	185D810007	Hà Đức		Đạt	02/07/00	1816D81A														
6	185D810008	Nguyễn Tuấn		Giang	13/08/00	1816D81A														
7	185D810009	Nguyễn Thị Thu		Hà	08/09/00	1816D81A														
8	185D810027	Nguyễn Quốc		Hưng	01/05/00	1816D81A														
9	185D810010	Lê Thị Thanh		Lâm	01/10/00	1816D81A														
10	185D810011	Đinh Thị Mỹ		Linh	05/08/00	1816D81A														
11	185D810012	Vũ Đức		Mạnh	30/08/00	1816D81A														
12	185D810013	Nguyễn Thị Trà		My	16/06/00	1816D81A														
13	185D810014	Ma Thúy		Nga	20/01/00	1816D81A														
14	185D810015	Nguyễn Minh		Ngọc	18/09/00	1816D81A														
15	185D810016	Nguyễn Thị Hồng		Ngọc	02/02/00	1816D81A														
16	185D810025	Đỗ Thị		Nguyệt	04/01/00	1816D81A														
17	185D810017	Đinh Trung		Quân	23/01/99	1816D81A														
18	185D810018	Xaiyaseng		Souliphone	03/05/00	1816D81A														
19	185D810019	Xaiyaphaeng		Souliya	08/01/99	1816D81A														
20	185D810026	Nguyễn Thị Phương		Thảo	13/11/00	1816D81A														
21	185D810021	Nguyễn Thị		Thủy	08/01/00	1816D81A														
22	185D810022	Lê Văn		Tiến	20/05/00	1816D81A														
23	185D810023	Nông Văn		Tú	29/01/00	1816D81A														
24	185D810024	Phạm Minh		Tuấn	01/03/00	1816D81A														
25	185D840001	Lương Tuấn		Anh	29/10/00	1816D84A														
26	185D840003	Đỗ Minh		Giang	10/02/00	1816D84A														
27	185D840004	Nguyễn Thị Thanh		Hoài	31/10/00	1816D84A														
28	185D840005	Đặng Gia		Luân	27/07/00	1816D84A														
29	185D840002	Nguyễn Tiến		Mạnh	28/05/00	1816D84A														
30	185D840006	Vũ Ngọc		Phan	04/09/99	1816D84A														
31	185D840007	Hán Mạnh		Quân	02/05/00	1816D84A														
32	185D840008	Phùng Quang		Sơn	02/08/00	1816D84A														
33	185D840010	Lê Hữu		Trọng	21/08/00	1816D84A														
34	185D840011	Bùi Anh		Tuấn	06/10/00	1816D84A														
35	185D840012	Nguyễn Khắc		Vinh	25/10/00	1816D84A														

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Giáo dục thể chất (kỳ 2) (TC1002) - Nhóm 01
Nguyễn Đức Hoàn (1473)

Số Tín Chỉ:

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D400026	Nguyễn Văn Hưng	14/03/96	1412D40A															
2	155D090046	Trần Thị Phương Thảo	08/10/97	1513D09A															
3	155D100028	Nguyễn Thị Hồng Hoa	29/10/97	1513D10A															
4	155D600008	Nguyễn Thị Bích Ngọc	07/11/97	1513D60A															
5	175D030028	Vũ Thị Ngọc Huyền	12/09/99	1715D03A															
6	175D030030	Nguyễn Thị Hương	09/05/99	1715D03A															
7	175D030031	Phan Thu Hương	25/08/99	1715D03A															
8	175D030033	Nguyễn Thị Thu Hường	08/08/99	1715D03A															
9	175D030083	Hứa Thị Kiều Trinh	30/12/99	1715D03A															
10	175D030063	Mai Thảo Quyên	10/11/99	1715D03B															
11	175D050011	Trần Thị Mỹ Hạnh	07/04/99	1715D05A															
12	175D100006	Ngô Thanh Bình	28/08/99	1715D10A															
13	175D100014	Đỗ Thị Thu Hà	20/10/99	1715D10A															
14	185D120001	Hà Quỳnh Anh	26/03/00	1816D12A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Giáo dục thể chất (kỳ 3) (TC1003) - Nhóm 01
Mai Quốc Phong (1283)

Số Tín Chỉ:

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D170002	Nguyễn Thế	Anh	11/05/94	1311D17A															
2	145D810009	Đào Minh	Phúc	11/10/96	1412D81A															
3	151C080052	Nguyễn Thu	Phương	19/01/97	1513C08A															
4	155D020022	Nguyễn Thị Hồng	Huệ	08/02/97	1513D02A															
5	155D020057	Khuất Thị Cẩm	Thư	16/11/97	1513D02A															
6	155D020061	Nguyễn Thị Kim	Tuyết	02/01/97	1513D02A															
7	155D040016	Tổng Thị Việt	Hoa	17/08/97	1513D04A															
8	155D040051	Lê Thị Thùy	Trang	19/08/96	1513D04A															
9	155D050015	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/02/97	1513D05A															
10	155D050095	Lương Thị	Thùy	05/05/96	1513D05A															
11	155D090045	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/05/97	1513D09A															
12	155D090063	Ngô Lệ	Thương	21/11/96	1513D09A															
13	155D600007	Phạm Ngọc	Mai	01/05/97	1513D60A															
14	155D600008	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/11/97	1513D60A															
15	165D030013	Nguyễn Anh	Đức	04/03/98	1614D03B															
16	175D030004	Trần Thị Ngọc	ánh	09/09/99	1715D03B															
17	175D030008	Trần Thị Thu	Hà	16/08/99	1715D03B															
18	175D030016	Lưu Thị Thanh	Hoa	22/11/99	1715D03B															
19	175D030017	Trần Thị Thanh	Hoa	03/10/98	1715D03B															
20	175D030024	Lê Thị Khánh	Huyền	18/08/99	1715D03B															
21	175D030027	Tô Phương	Huyền	18/11/99	1715D03B															
22	175D030034	Hoàng Thị Thùy	Linh	27/08/99	1715D03B															
23	175D030042	Trần Thanh	Loan	10/09/99	1715D03B															
24	175D030043	Trần Thị	Lượng	19/07/99	1715D03B															
25	175D030044	Giàng Thị Phương	Mai	21/04/98	1715D03B															
26	175D030052	Lê Thị Tuyết	Nhung	14/02/99	1715D03B															
27	175D030080	Phạm Thị Thu	Trang	24/08/99	1715D03B															
28	175D030082	Trần Thu	Trang	06/03/99	1715D03B															
29	175D030086	Trần Tổ	Uyên	05/12/99	1715D03B															
30	175D050007	Tạ Thị Thanh	Bình	29/03/99	1715D05A															
31	175D050010	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	20/10/99	1715D05A															
32	175D050012	Nguyễn Thị Thu	Hằng	12/04/99	1715D05A															
33	175D050020	Đỗ Mai	Hương	26/12/99	1715D05A															
34	175D050023	Nguyễn Thị Thanh	Lâm	24/06/99	1715D05A															
35	175D050026	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	19/08/99	1715D05A															
36	175D050027	Trần Thị Thúy	Linh	27/02/99	1715D05A															
37	175D050033	Nguyễn Thị	Nguyên	20/12/99	1715D05A															
38	175D050042	Nguyễn Thị	Thu	04/05/99	1715D05A															
39	175D050054	Lương Thu	Yên	16/09/97	1715D05A															

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm (TG1201) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Mai Hương (1186)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D090042	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	02/01/96	1412D09A															
2	145D280024	Hà Thị Mai	13/08/96	1412D28A															
3	151C010003	Nguyễn Duy Quang	01/02/97	1513C01A															
4	155D010026	Hoàng Công Huy	08/06/97	1513D01A															
5	155D010029	Lê Thị Ngọc Huyền	06/10/97	1513D01A															
6	155D010060	Nguyễn Quang Trí	15/04/97	1513D01A															
7	155D020055	Vương Thị Thủy	21/01/96	1513D02A															
8	155D090042	Nguyễn Tiến Tài	03/07/97	1513D09A															
9	155D090055	Nguyễn Cẩm Tú	06/09/97	1513D09A															
10	155D600001	Nguyễn Thị Kim Dung	20/08/97	1513D60A															
11	155D600007	Phạm Ngọc Mai	01/05/97	1513D60A															
12	165D010003	Nguyễn Việt Anh	14/07/98	1614D01A															
13	165D020013	Nguyễn Thị Lan Hương	28/10/98	1614D02A															
14	165D060017	Vũ Thị Và	06/06/98	1614D06A															
15	165D090002	Chitvongdeuan	07/07/94	1614D09A															
16	165D230003	Đinh Thị Hồng Trang	23/09/98	1614D23A															
17	175D010007	Phạm Thị Thu Hiền	09/03/99	1715D01A															
18	175D010009	Nguyễn Thị Hường	07/06/98	1715D01A															
19	175D010020	Đào Minh Thúy	20/11/99	1715D01A															
20	175D020012	Lê Thu Hà	06/02/99	1715D02A															
21	175D020002	Nguyễn Thị Bích Hằng	30/11/99	1715D02A															
22	175D020003	Nguyễn Yến Hoa	13/07/99	1715D02A															
23	175D240004	Vannaphom	13/02/97	1715D24A															
24	175D280002	Vũ Minh ánh	05/09/99	1715D28A															
25	175D280004	Bùi Tiến Đạt	25/03/99	1715D28A															
26	175D280007	Nguyễn Thu Hiền	05/06/99	1715D28A															
27	175D280015	Nguyễn Thị Thuận	29/01/99	1715D28A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Lý luận dạy học và lý luận giáo dục (TG1202) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Hiền (1449)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D010008	Hà Thị Thanh Dung	10/09/97	1513D01A															
2	155D010026	Hoàng Công Huy	08/06/97	1513D01A															
3	155D010046	Nguyễn Thị Kim Oanh	17/02/97	1513D01A															
4	155D010055	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	07/10/97	1513D01A															
5	155D010060	Nguyễn Quang Trí	15/04/97	1513D01A															
6	155D020019	Nguyễn Thị Ngọc Hân	28/03/97	1513D02A															
7	155D080014	Hoàng Chí Linh	15/07/97	1513D08A															
8	155D080017	Nguyễn Hoàng Duy Minh	27/04/97	1513D08A															
9	155D080023	Lê Hồ Phương Thảo	16/07/97	1513D08A															
10	155D280010	Nguyễn Thị Thu Cúc	14/10/97	1513D28A															
11	155D280017	Nguyễn Thị Hạnh	11/07/97	1513D28A															
12	155D280019	Nguyễn Thị Thu Hằng	05/12/97	1513D28A															
13	155D610001	Đỗ Văn Lộc	11/10/95	1513D61A															
14	165D060011	Nguyễn Thị Khánh Linh	02/08/98	1614D06A															
15	165D230001	Supilayket Pheua	05/07/95	1614D23A															
16	165D230003	Đinh Thị Hồng Trang	23/09/98	1614D23A															
17	175D010003	Nguyễn Ngọc Công	01/01/99	1715D01A															
18	175D010004	Nguyễn Minh Đức	25/01/99	1715D01A															
19	175D010011	Nguyễn Thị Diệu Linh	11/02/99	1715D01A															
20	175D010013	Hán Trung Nam	23/05/99	1715D01A															
21	175D060004	Loboun Ia Lath	11/06/98	1715D06A															
22	175D090005	Atphasouk Pouy	02/02/87	1715D09A															
23	175D230001	Maepouny Apae	22/11/97	1715D23A															
24	175D240004	Vannaphom Khambang	13/02/97	1715D24A															
25	175D280002	Vũ Minh ánh	05/09/99	1715D28A															
26	175D280004	Bùi Tiến Đạt	25/03/99	1715D28A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Quản lý HCNN và QL ngành GD&ĐT (TG1203) - Nhóm 01
Thiều Thị Hồng Hạnh (1480)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D280024	Hà Thị Mai	13/08/96	1412D28A															
2	151C080042	Phạm Hà Ngân	13/11/97	1513C08A															
3	155D020008	Đặng Minh Chang	25/09/97	1513D02A															
4	155D020013	Đoàn Đạo Diễm	01/08/97	1513D02A															
5	155D020019	Nguyễn Thị Ngọc Hân	28/03/97	1513D02A															
6	155D020023	Phạm Huy Hùng	19/06/97	1513D02A															
7	155D020032	Trần Thị Hương Lan	02/09/97	1513D02A															
8	155D020061	Nguyễn Thị Kim Tuyết	02/01/97	1513D02A															
9	155D050097	Lương Thị Minh Thúy	11/04/97	1513D05A															
10	155D080014	Hoàng Chí Linh	15/07/97	1513D08A															
11	155D080016	Đoàn Thị Thúy Loan	20/09/97	1513D08A															
12	155D080022	Lê Tất Thành	13/08/97	1513D08A															
13	155D080023	Lê Hồ Phương Thảo	16/07/97	1513D08A															
14	155D080024	Phạm Thanh Thủy	09/08/97	1513D08A															
15	155D080025	Ma Xuân Tráng	01/11/97	1513D08A															
16	155D280039	Trần Thị Linh	08/04/97	1513D28A															
17	155D600011	Hoàng Hoàng Anh	10/07/95	1513D60A															
18	165D010015	Nhâm Ngọc Huy	05/03/98	1614D01A															
19	165D020008	Đào Thu Hà	09/03/98	1614D02A															
20	165D030017	Phùng Thị Thúy Hà	14/01/97	1614D03B															
21	165D400001	Nueklavong Bounsy	13/03/94	1614D40A															
22	165D400003	Nguyễn Thị Thùy Dung	02/03/98	1614D40A															
23	165D400005	Keomany Southep	10/05/96	1614D40A															
24	165D400006	Nguyễn Tiến Thành	01/11/98	1614D40A															
25	165D400008	Detvongsa Vanpheng	09/03/97	1614D40A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tâm lý học đại cương (TG1205) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Mai Hương (1186)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D700020	Triệu Mạnh	Hùng	07/09/95	1311D70A															
2	145D810009	Đào Minh	Phúc	11/10/96	1412D81A															
3	155D010038	Trần Xuân	Long	17/11/88	1513D01A															
4	155D020055	Vương Thị	Thủy	21/01/96	1513D02A															
5	155D090010	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	26/06/96	1513D09A															
6	155D240004	Lê Thị	Huyền	12/01/96	1513D24A															
7	155D810002	Nguyễn Trung	Đức	04/02/97	1513D81A															
8	165D010039	Hoàng Thạch	Hiếu	20/10/98	1614D01A															
9	165D010033	Bùi Huyền	Trang	25/08/98	1614D01A															
10	165D060017	Vừ Thị	Và	06/06/98	1614D06A															
11	175D090005	Atphasouk	Pouy	02/02/87	1715D09A															
12	175D700007	Hà Thị	Mai	22/10/99	1715D70A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Giáo dục học đại cương (TG1206) - Nhóm 01
Hà Thanh Huệ (1483)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D010034	Đinh Thị Linh Trang	10/09/96	1412D01A															
2	155D400010	Nguyễn Thị Kiều Vân	10/01/97	1513D40A															
3	155D700002	Đinh Công Hoàng	18/05/97	1513D70A															
4	165D010006	Phùng Thị Minh Chi	16/11/98	1614D01A															
5	165D020013	Nguyễn Thị Lan Hương	28/10/98	1614D02A															
6	165D020014	Đinh Thị Thùy Linh	11/09/97	1614D02A															
7	165D020017	Nguyễn Thị Thanh Nga	19/09/98	1614D02A															
8	165D020033	Nguyễn Thị Thảo	04/11/98	1614D02A															
9	165D090001	Trần Văn Dân	24/09/98	1614D09A															
10	165D090002	Chitvongdeuan	07/07/94	1614D09A															
11	165D090009	Hoàng Văn Thành	18/11/98	1614D09A															
12	165D280008	Quyết Thị Mai Hường	27/08/98	1614D28A															
13	175D010003	Nguyễn Ngọc Công	01/01/99	1715D01A															
14	175D010004	Nguyễn Minh Đức	25/01/99	1715D01A															
15	175D010010	Nguyễn Trọng Khánh	09/08/99	1715D01A															
16	175D010013	Hán Trung Nam	23/05/99	1715D01A															
17	175D020009	Hoàng Quang Minh	15/03/99	1715D02A															
18	175D030059	Lê Hoài Phương	02/09/99	1715D03A															
19	175D030017	Trần Thị Thanh Hoa	03/10/98	1715D03B															
20	175D030075	Nguyễn Thị Huyền Trang	15/11/99	1715D03B															
21	175D230001	Maepouny Apae	22/11/97	1715D23A															
22	175D230002	Phommachit Chanpasook	04/04/99	1715D23A															
23	175D240003	Thammasone Keth	05/05/95	1715D24A															
24	175D280015	Nguyễn Thị Thuận	29/01/99	1715D28A															
25	175D700005	Nguyễn Phạm Đăng Tuấn	21/02/99	1715D70A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Giáo dục học đại cương (TG1206) - Nhóm 02
Bùi Thị Loan (1116)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	141C010001	Phạm Thị Mai	Anh	23/05/95	1412C01A															
2	155D600007	Phạm Ngọc	Mai	01/05/97	1513D60A															
3	155D600008	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/11/97	1513D60A															
4	161C080002	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	16/07/98	1614C08A															
5	165D030057	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	10/12/98	1614D03A															
6	165D030064	Nguyễn Thu	Phương	30/06/98	1614D03A															
7	165D030075	Trương Thị Phương	Thào	14/09/96	1614D03A															
8	165D030078	Nguyễn Diệu	Thúy	02/09/98	1614D03A															
9	165D050029	Nguyễn Thị	Hồng	10/12/98	1614D05A															
10	165D050049	Hoàng Thị Kim	Liên	28/10/97	1614D05A															
11	165D050069	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	13/11/98	1614D05A															
12	165D050072	Đỗ Thị Hồng	Nhung	30/05/98	1614D05A															
13	165D050073	Hà Tú	Oanh	27/09/97	1614D05A															
14	165D050115	Phạm Thị Thu	Thanh	20/01/98	1614D05A															
15	165D050032	Chu Thị Thu	Huyền	15/10/98	1614D05B															
16	165D050064	Đỗ Trà	My	08/02/98	1614D05B															
17	165D050102	Kiều Thị	Tĩnh	14/07/98	1614D05B															
18	175D020002	Nguyễn Thị Bích	Hằng	30/11/99	1715D02A															
19	175D030001	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/11/99	1715D03A															
20	175D030007	Lê Nguyễn Kiều	Duyên	21/02/99	1715D03A															
21	175D030014	Bùi Thanh	Hiền	29/08/98	1715D03A															
22	175D030018	Hà Thị Lạc	Hồng	25/11/99	1715D03A															
23	175D030023	Hoàng Thị Thu	Huyền	10/09/99	1715D03A															
24	175D030026	Nguyễn Thu	Huyền	12/01/99	1715D03A															
25	175D030028	Vũ Thị Ngọc	Huyền	12/09/99	1715D03A															
26	175D030030	Nguyễn Thị	Hương	09/05/99	1715D03A															
27	175D030036	Nguyễn Thị Khánh	Linh	10/01/99	1715D03A															
28	175D030038	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/04/99	1715D03A															
29	175D030047	Nguyễn Thị	Mơ	28/03/99	1715D03A															
30	175D030051	Trần Thị Thúy	Nhiệm	10/02/99	1715D03A															
31	175D030070	Nguyễn Phương	Thào	11/08/99	1715D03A															
32	175D030071	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	19/11/99	1715D03A															
33	175D030076	Nguyễn Thị Huyền	Trang	29/05/99	1715D03A															
34	175D030004	Trần Thị Ngọc	ánh	09/09/99	1715D03B															
35	175D030039	Phạm Khánh	Linh	05/10/99	1715D03B															
36	175D030044	Giàng Thị Phương	Mai	21/04/98	1715D03B															
37	175D030061	Lê Minh	Phương	17/06/99	1715D03B															
38	175D050036	Nguyễn Thị	Quỳnh	16/05/99	1715D05A															
39	175D050040	Nguyễn Thị Thu	Thảo	06/01/98	1715D05A															
40	175D050043	Nguyễn Thị Hoài	Thu	14/11/99	1715D05A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDGiáo dục học đại cương (TG1206) - Nhóm 02
Bùi Thị Loan (1116)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	175D050049	Phạm Thị Kiều Trang	06/11/99	1715D05A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (TG2204) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Mai Hương (1186)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D020019	Nguyễn Thị Ngọc Hân	28/03/97	1513D02A															
2	155D090010	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	26/06/96	1513D09A															
3	155D090012	Nghiêm Thành Đạt	26/04/97	1513D09A															
4	155D090013	Trần Hoàng Anh Đức	09/02/97	1513D09A															
5	155D090033	Chu Thị Hằng Nga	28/08/97	1513D09A															
6	155D090037	Phạm Hồng Quân	09/12/97	1513D09A															
7	155D090062	Chào Láo Tả	15/08/97	1513D09A															
8	155D090044	Nguyễn Thị Thảo	22/06/95	1513D09A															
9	155D090048	Hoàng Thị Thùy	18/07/97	1513D09A															
10	155D090051	Lương Thị Trang	01/10/97	1513D09A															
11	155D090057	Nguyễn Thị Tuyền	13/10/97	1513D09A															
12	155D240001	Nguyễn Tuấn Anh	29/10/97	1513D24A															
13	155D600011	Hoàng Hoàng Anh	10/07/95	1513D60A															
14	175D010004	Nguyễn Minh Đức	25/01/99	1715D01A															
15	175D030059	Lê Hoài Phương	02/09/99	1715D03A															
16	175D030075	Nguyễn Thị Huyền Trang	15/11/99	1715D03B															
17	175D090001	Senelouangkhone Bounsuep	02/05/86	1715D09A															
18	175D090006	Satavalath Ephone	22/05/85	1715D09A															
19	175D240004	Vannaphom Khambang	13/02/97	1715D24A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tâm lý học trẻ em 2 (TG2214) - Nhóm 01
Hà Thanh Huệ (1483)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	161C080003	Nguyễn Thị Thu Hà	13/12/98	1614C08A															
2	161C080012	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	13/02/97	1614C08A															
3	161C080013	Đinh Thị Yến Nhi	01/07/98	1614C08A															
4	165D050018	Inthavong Euay	12/11/96	1614D05A															
5	165D050027	Trần Thị Mai Hiền	01/02/98	1614D05A															
6	165D050028	Nguyễn Thị Hoàn	09/03/98	1614D05A															
7	165D050031	Đinh Thị Huế	22/01/98	1614D05A															
8	165D050035	Hoàng Thị Huyền	01/03/96	1614D05A															
9	165D050040	Nguyễn Lan Hương	02/11/98	1614D05A															
10	165D050044	La Luanglath Khone	15/04/96	1614D05A															
11	165D050049	Hoàng Thị Kim Liên	28/10/97	1614D05A															
12	165D050092	Phùng Thị Lan Thơm	10/01/98	1614D05A															
13	165D050112	Đinh Thị Yên	26/03/98	1614D05A															
14	165D050100	Đinh Thị Thanh Thư	17/02/98	1614D05B															
15	175D050060	Lê Thị Ngọc ánh	08/11/99	1715D05A															
16	175D050016	Vũ Thị Mai Hoa	18/12/99	1715D05A															
17	175D050017	Phan Thị Thúy Hồng	06/09/99	1715D05A															
18	175D050024	Bùi Hoàng Khánh Linh	03/02/99	1715D05A															
19	175D050028	Nguyễn Thị Lương	26/06/99	1715D05A															
20	175D050033	Nguyễn Thị Nguyên	20/12/99	1715D05A															
21	175D050057	Nguyễn Thị Hồng Nhâm	04/05/99	1715D05A															
22	175D050037	Nguyễn Thúy Quỳnh	25/05/99	1715D05A															
23	175D050039	Lương Thị Phương Thảo	30/09/99	1715D05A															
24	175D050041	Tạ Thị Thảo	10/06/99	1715D05A															
25	175D050042	Nguyễn Thị Thu	04/05/99	1715D05A															
26	175D050043	Nguyễn Thị Hoài Thu	14/11/99	1715D05A															
27	175D050044	Trần Thị Thuận	04/04/98	1715D05A															
28	175D050047	Nguyễn Kiều Trang	24/01/99	1715D05A															
29	175D050052	Nguyễn Ngọc Trâm	08/03/99	1715D05A															
30	175D050053	Nguyễn Thanh Tứ	19/01/99	1715D05A															
31	175D050054	Lương Thu Yên	16/09/97	1715D05A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Giáo dục học trẻ em 1 (TG2215) - Nhóm 01
Bùi Thị Loan (1116)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	151C080042	Phạm Hà Ngân	13/11/97	1513C08A															
2	165D050035	Hoàng Thị Huyền	01/03/96	1614D05A															
3	165D050032	Chu Thị Thu Huyền	15/10/98	1614D05B															
4	165D050064	Đỗ Trà My	08/02/98	1614D05B															
5	165D050107	Lương Thanh Tú	19/10/98	1614D05B															
6	175D050007	Tạ Thị Thanh Bình	29/03/99	1715D05A															
7	175D050014	Nguyễn Thị Thu Hậu	23/12/99	1715D05A															
8	175D050024	Bùi Hoàng Khánh Linh	03/02/99	1715D05A															
9	175D050032	Vũ Thị Hồng Ngọc	19/01/99	1715D05A															
10	175D050036	Nguyễn Thị Quỳnh	16/05/99	1715D05A															
11	175D050046	Nguyễn Thị Thanh Thương	27/10/99	1715D05A															
12	175D050047	Nguyễn Kiều Trang	24/01/99	1715D05A															
13	15D03D0501	Hoàng Thị Thùy Linh	27/08/99	1816D05N															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Giáo dục học trẻ em 2 (TG2216) - Nhóm 01
Hà Thanh Huệ (1483)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	151C080005	Vũ Thị Duyên	24/08/97	1513C08A															
2	161C080003	Nguyễn Thị Thu Hà	13/12/98	1614C08A															
3	161C080012	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	13/02/97	1614C08A															
4	165D050027	Trần Thị Mai Hiền	01/02/98	1614D05A															
5	165D050028	Nguyễn Thị Hoàn	09/03/98	1614D05A															
6	165D050036	Ngô Thị Thu Huyền	10/05/98	1614D05A															
7	165D050040	Nguyễn Lan Hương	02/11/98	1614D05A															
8	165D050049	Hoàng Thị Kim Liên	28/10/97	1614D05A															
9	165D050115	Phạm Thị Thu Thanh	20/01/98	1614D05A															
10	165D050092	Phùng Thị Lan Thơm	10/01/98	1614D05A															
11	165D050109	Trình Thanh Tuyền	02/06/98	1614D05A															
12	165D050112	Đinh Thị Yên	26/03/98	1614D05A															
13	165D050046	Lý Thị Thu Lan	18/09/98	1614D05B															
14	175D050024	Bùi Hoàng Khánh Linh	03/02/99	1715D05A															
15	175D050028	Nguyễn Thị Lương	26/06/99	1715D05A															
16	175D050033	Nguyễn Thị Nguyên	20/12/99	1715D05A															
17	175D050057	Nguyễn Thị Hồng Nhâm	04/05/99	1715D05A															
18	175D050037	Nguyễn Thúy Quỳnh	25/05/99	1715D05A															
19	175D050039	Lương Thị Phương Thảo	30/09/99	1715D05A															
20	175D050040	Nguyễn Thị Thu Thảo	06/01/98	1715D05A															
21	175D050041	Tạ Thị Thảo	10/06/99	1715D05A															
22	175D050043	Nguyễn Thị Hoài Thu	14/11/99	1715D05A															
23	175D050044	Trần Thị Thuận	04/04/98	1715D05A															
24	175D050052	Nguyễn Ngọc Trâm	08/03/99	1715D05A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Kỹ năng làm việc hiệu quả (TG2238) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Hiền (1449)

Số Tín Chi: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	15D40D0102	Lê Thanh Hường	05/12/96	1513D01N															
2	155D020019	Nguyễn Thị Ngọc Hân	28/03/97	1513D02A															
3	155D020052	Nguyễn Thị Thắm	20/08/97	1513D02A															
4	155D020055	Vương Thị Thủy	21/01/96	1513D02A															
5	155D020061	Nguyễn Thị Kim Tuyết	02/01/97	1513D02A															
6	155D050097	Lương Thị Minh Thúy	11/04/97	1513D05A															
7	155D080024	Phạm Thanh Thúy	09/08/97	1513D08A															
8	155D240004	Lê Thị Huyền	12/01/96	1513D24A															
9	155D400006	Nguyễn Hồng Sơn	12/07/97	1513D40A															
10	161C080012	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	13/02/97	1614C08A															
11	161C080015	Lưu Thị Nhung	16/04/98	1614C08A															
12	165D01LT06	Vũ Minh Quang	01/07/93	1614D01T															
13	165D060014	Tấn Hoàng Thanh	11/05/98	1614D06A															
14	165D400001	Nueklavong Bounsy	13/03/94	1614D40A															
15	165D400003	Nguyễn Thị Thùy Dung	02/03/98	1614D40A															
16	165D400006	Nguyễn Tiến Thành	01/11/98	1614D40A															
17	165D400008	Detvongsa Vanpheng	09/03/97	1614D40A															
18	175D01LT08	Nguyễn Thị Trang	24/11/95	1715D01T															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm TLH lứa tuổi và TLH sư phạm tiểu học (TG2307) - Nhóm 01
CBGD Bùi Thị Loan (1116)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D030108	Lê Phương Thảo	05/12/97	1513D03A															
2	161C090001	Nguyễn Thanh Bình	10/02/98	1614C09A															
3	165D030002	Phùng Hải Anh	11/01/98	1614D03A															
4	165D030012	Đinh Thị Anh	02/08/98	1614D03A															
5	165D030023	Nguyễn Thúy Hằng	09/11/98	1614D03A															
6	165D030032	Cù Thị Thu Huyền	13/07/98	1614D03A															
7	165D030036	Đinh Thị Hường	08/12/98	1614D03A															
8	165D030040	Nguyễn Thị Hoa Liễu	13/09/98	1614D03A															
9	165D030044	Nguyễn Thị Thùy Linh	26/02/98	1614D03A															
10	165D030053	Đỗ Thị Thúy Nga	15/12/98	1614D03A															
11	165D030057	Nguyễn Thị ánh Nguyệt	10/12/98	1614D03A															
12	165D030061	Trần Kim Oanh	14/04/98	1614D03A															
13	165D030064	Nguyễn Thu Phương	30/06/98	1614D03A															
14	165D030068	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	29/01/98	1614D03A															
15	165D030071	Đào Huyền Thanh	15/02/98	1614D03A															
16	175D030001	Nguyễn Thị Phương Anh	13/11/99	1715D03A															
17	175D030002	Tống Lan Anh	23/05/99	1715D03A															
18	175D030006	Ma Seo Dinh	10/06/99	1715D03A															
19	175D030007	Lê Nguyễn Kiều Duyên	21/02/99	1715D03A															
20	175D030014	Bùi Thanh Hiền	29/08/98	1715D03A															
21	175D030026	Nguyễn Thu Huyền	12/01/99	1715D03A															
22	175D030036	Nguyễn Thị Khánh Linh	10/01/99	1715D03A															
23	175D030058	Hà Thị Minh Phương	09/08/99	1715D03A															
24	175D030059	Lê Hoài Phương	02/09/99	1715D03A															
25	175D030071	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/11/99	1715D03A															
26	175D030072	Đàm Thị Hồng Thúy	24/12/99	1715D03A															
27	175D030076	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/05/99	1715D03A															
28	175D030083	Hứa Thị Kiều Trinh	30/12/99	1715D03A															
29	175D030048	Vongchankeo Nanseng	12/12/84	1715D03B															
30	175D030075	Nguyễn Thị Huyền Trang	15/11/99	1715D03B															
31	175D030078	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	24/12/99	1715D03B															
32	175D030082	Trần Thu Trang	06/03/99	1715D03B															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tâm lý học quản lý (TG2328) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Hiền (1449)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D810003	Nguyễn Việt Hà	17/10/97	1513D81A															
2	155D810011	Đào Thị Diệu Linh	11/10/97	1513D81A															
3	155D810012	Nguyễn Đức Mạnh	19/08/97	1513D81A															
4	175D810009	Vivanhnguang Sonemixay	15/10/82	1715D81A															
5	14D06D8101	Nguyễn Đăng Đạt	02/09/98	1715D81N															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Xác suất thống kê (TH1222) - Nhóm 01
Lê Văn Linh (1022)

Số Tín Chi: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	165D030002	Phùng Hải Anh	11/01/98	1614D03A															
2	165D030040	Nguyễn Thị Hoa Liễu	13/09/98	1614D03A															
3	165D030064	Nguyễn Thu Phương	30/06/98	1614D03A															
4	175D030006	Ma Seo Dinh	10/06/99	1715D03A															
5	175D030018	Hà Thị Lạc Hồng	25/11/99	1715D03A															
6	175D030030	Nguyễn Thị Hương	09/05/99	1715D03A															
7	175D030033	Nguyễn Thị Thu Hường	08/08/99	1715D03A															
8	175D030038	Nguyễn Thị Thùy Linh	04/04/99	1715D03A															
9	175D030051	Trần Thị Thúy Nhiệm	10/02/99	1715D03A															
10	175D030003	Trần Quỳnh Anh	29/11/99	1715D03B															
11	175D030025	Lê Thị Thanh Huyền	08/10/99	1715D03B															
12	175D030027	Tô Phương Huyền	18/11/99	1715D03B															
13	175D030035	Lê Thị Thùy Linh	24/06/99	1715D03B															
14	175D030043	Trần Thị Lượng	19/07/99	1715D03B															
15	175D030068	Bùi Lê Thanh Thảo	05/08/99	1715D03B															
16	185D030017	Nguyễn Thị Thu Huyền	13/08/00	1816D03A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Toán sơ cấp (TH1223) - Nhóm 01
Nguyễn Tiến Mạnh (1085)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D030126	Nguyễn Thị Thu Trang	10/09/97	1513D03A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Kỹ thuật số (TI1206) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Hào (1212)

Số Tín Chi: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D150008	Trần Ngọc Hoàng	10/07/96	1412D15A															
2	145D150012	Phạm Mạnh Tiến	08/04/95	1412D15A															
3	151C150001	Tổng Việt Bách	15/10/97	1513C15A															
4	155D150022	Vũ Anh Tuấn	21/12/97	1513D15A															
5	155D150023	Lê Sơn Tùng	07/02/97	1513D15A															
6	175D150001	Nguyễn Ngọc ánh	21/10/99	1715D15A															
7	175D150002	Sayavandee Bounkhong	26/03/80	1715D15A															
8	175D150006	Trương Huy Huân	21/01/99	1715D15A															
9	175D150013	Võ Quang Linh	01/09/99	1715D15A															
10	175D150015	Inthaphone Manivanh	29/01/97	1715D15A															
11	175D150016	Sysavad Mek	09/12/97	1715D15A															
12	175D150017	Nguyễn Hải Nam	20/07/99	1715D15A															
13	175D150026	Trương Hoàng Vũ	20/08/98	1715D15A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Quản trị mạng (TI2228) - Nhóm 01
Nguyễn Kiên Trung (1435)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D150005	Đỗ Hải Đăng	01/04/95	1412D15A															
2	145D150007	Nguyễn Trung Hiếu	21/09/96	1412D15A															
3	155D150001	Nguyễn Văn Tuấn Anh	25/10/97	1513D15A															
4	155D150008	Trương Mạnh Hùng	11/08/96	1513D15A															
5	155D150010	Lê Minh Hương	18/10/97	1513D15A															
6	155D150014	Nguyễn Văn Mạnh	17/08/97	1513D15A															
7	155D150023	Lê Sơn Tùng	07/02/97	1513D15A															
8	155D150024	Nguyễn Đức Tùng	08/06/97	1513D15A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tin học ứng dụng (TI2245) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Thu Hương (1177)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100029	Đỗ Hồng Huế	30/03/97	1513D10B															
2	155D100096	Bùi Thị Kim Huệ	23/11/96	1513D10B															
3	155D100035	Vũ Thị Lan Hương	01/02/97	1513D10B															
4	155D100038	Nguyễn Thị Phương Lan	18/07/97	1513D10B															
5	155D100040	Hoàng Diệu Linh	01/05/97	1513D10B															
6	155D100042	Nguyễn Ngọc Linh	26/05/97	1513D10B															
7	155D100064	Bùi Thị Oanh	02/05/97	1513D10B															
8	155D100079	Đào Thiên Trang	09/08/96	1513D10B															
9	155D160007	Nguyễn Trung Hiếu	31/05/97	1513D16A															
10	165D100008	Bùi Nguyệt ánh	10/02/98	1614D10A															
11	165D100018	Nguyễn Thùy Dương	08/10/98	1614D10A															
12	165D100115	Ngô Thị Lệ Giang	26/01/98	1614D10A															
13	165D100025	Nguyễn Thu Hà	26/05/98	1614D10A															
14	165D100035	Nguyễn Thị Thúy Hằng	03/07/98	1614D10A															
15	165D100046	Lê Quang Huy	01/03/98	1614D10A															
16	165D100089	Nguyễn Thị Như Quỳnh	17/02/98	1614D10A															
17	165D100005	Nguyễn Thị Vân Anh	09/03/98	1614D10B															
18	165D100006	Phí Thị Phương Anh	08/11/98	1614D10B															
19	165D100044	Bùi Minh Hoàng	25/09/98	1614D10B															
20	165D100074	Lương Thế Mẫn	16/04/98	1614D10B															
21	165D100088	Lê Như Quỳnh	04/04/98	1614D10B															
22	165D100090	Lê Trung Thành	29/07/98	1614D10B															
23	165D100114	Nguyễn Tuấn Vũ	06/03/98	1614D10B															
24	165D160012	Trần Văn Ngọc	26/05/98	1614D16A															
25	165D160013	Cao Hạnh Nguyên	08/04/98	1614D16A															
26	165D160017	Khổng Xuân Việt	19/01/98	1614D16A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Nhập môn xử lý ảnh (TI2267) - Nhóm 01
Đình Thái Sơn (1208)

Số Tín Chi: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	175D150001	Nguyễn Ngọc ánh	21/10/99	1715D15A															
2	175D150003	Đỗ Chí Dũng	26/09/99	1715D15A															
3	175D150006	Trương Huy Huân	21/01/99	1715D15A															
4	175D150009	Nguyễn Việt Hưng	03/08/99	1715D15A															
5	175D150013	Võ Quang Linh	01/09/99	1715D15A															
6	175D150015	Inthaphone Manivanh	29/01/97	1715D15A															
7	175D150017	Nguyễn Hải Nam	20/07/99	1715D15A															
8	175D150027	Saenluangrath Phaivanh	13/01/98	1715D15A															
9	175D150021	Nguyễn Xuân Trí	23/07/99	1715D15A															
10	175D150023	Phạm Tiến Trường	22/02/99	1715D15A															
11	175D150024	Hoàng Đình Tú	09/06/99	1715D15A															
12	175D150026	Trương Hoàng Vũ	20/08/98	1715D15A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Hệ điều hành (TI2314) - Nhóm 01
Thiêu Thị Tài (1209)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D150003	Trần Văn Đam	09/07/96	1412D15A															
2	145D150008	Trần Ngọc Hoàng	10/07/96	1412D15A															
3	145D150012	Phạm Mạnh Tiến	08/04/95	1412D15A															
4	155D150008	Trương Mạnh Hùng	11/08/96	1513D15A															
5	155D150023	Lê Sơn Tùng	07/02/97	1513D15A															
6	175D150001	Nguyễn Ngọc ánh	21/10/99	1715D15A															
7	175D150003	Đỗ Chí Dũng	26/09/99	1715D15A															
8	175D150005	Phan Anh Đức	23/09/98	1715D15A															
9	175D150008	Cù Bảo Hưng	06/11/99	1715D15A															
10	175D150017	Nguyễn Hải Nam	20/07/99	1715D15A															
11	175D150021	Nguyễn Xuân Trí	23/07/99	1715D15A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Phân tích và thiết kế HTTT (TI2321) - Nhóm 01
Đình Thái Sơn (1208)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D150006	Doãn Văn	Điệp	15/01/96	1412D15A															
2	155D150001	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	25/10/97	1513D15A															
3	155D150014	Nguyễn Văn	Mạnh	17/08/97	1513D15A															
4	155D150021	Bùi Anh	Tuấn	17/07/96	1513D15A															
5	155D150022	Vũ Anh	Tuấn	21/12/97	1513D15A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Thực tập 2 (TI2537) - Nhóm 01
Khoa Ktcn (KC01)

Số Tín Chỉ: 5

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	165D150001	Trần Tuấn	Anh	02/08/98	1614D15A															
2	165D150002	Nguyễn Minh	Châu	09/11/97	1614D15A															
3	165D150006	Trần Anh	Đức	02/12/98	1614D15A															
4	165D150007	Nguyễn Phúc	Hải	25/07/98	1614D15A															
5	165D150008	Đặng Trung	Hiếu	25/06/98	1614D15A															
6	165D150009	Sengkhalin	Kedsomsy	25/10/97	1614D15A															
7	165D150010	Somvilay	Lasompong	01/12/97	1614D15A															
8	165D150012	Đỗ Trần Quang	Minh	19/05/98	1614D15A															
9	165D150017	Đình Quang	Thành	14/12/98	1614D15A															
10	165D150018	Cao Văn	Toàn	19/05/98	1614D15A															
11	165D150019	Bùi Minh	Trang	15/04/98	1614D15A															
12	165D150023	Phạm Thị Cẩm	Yên	13/02/98	1614D15A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDĐại số tuyến tính 1 (TN1202) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Thanh Tâm (1106)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D010008	Hà Thị Thanh Dung	10/09/97	1513D01A															
2	155D410010	Trịnh Bảo Linh	11/11/97	1513D41A															
3	165D010019	Đặng Thị Thùy Linh	04/10/98	1614D01A															
4	175D410001	Vũ Đức Chung	25/06/99	1715D41A															
5	175D410002	Đặng Tùng Lâm	07/06/99	1715D41A															
6	175D410003	Nguyễn Đình Lộc	26/02/99	1715D41A															
7	175D420003	Tạ Duy Hưng	15/04/99	1715D42A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Xác suất thống kê 1 (TN1262) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Định (1295)

Số Tín Chi: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D100031	Nguyễn Hữu	Hùng	10/10/97	1513D10A															
2	155D100006	Phùng Minh	Anh	22/09/97	1513D10B															
3	155D110015	Nguyễn Anh	Tú	03/04/96	1513D11A															
4	155D130004	Nguyễn Việt	Hùng	02/10/97	1513D13A															
5	155D130017	Nguyễn Quyết	Thắng	25/07/97	1513D13A															
6	165D110029	Trần Thị	Ninh	19/02/98	1614D11A															
7	165D120002	Nguyễn Đại	Dương	23/01/98	1614D12A															
8	165D300004	Lâm Văn	Đức	11/09/98	1614D30A															
9	165D300011	Nguyễn Thu	Hằng	06/09/98	1614D30A															
10	175D100011	Hoàng Hải	Dương	17/10/99	1715D10A															
11	175D100015	Nguyễn Ngọc	Hà	05/04/99	1715D10A															
12	175D100038	Đặng Việt	Lâm	19/04/99	1715D10A															
13	175D100040	Lê Thị Diệu	Linh	18/04/99	1715D10A															
14	175D130004	Lê Thị Thanh	Nhàn	26/05/99	1715D13A															
15	175D300002	Nguyễn Tuấn	Anh	03/09/99	1715D30A															
16	175D300012	Nguyễn Văn	Ninh	23/08/99	1715D30A															
17	185D510003	Laoly	Phonethip	22/01/00	1816D51A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Giải tích toán học 1 (TN1304) - Nhóm 01

Số Tín Chỉ: 3

Lưu Thị Thu Huyền (1247)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	141C010001	Phạm Thị Mai Anh	23/05/95	1412C01A															
2	151C010003	Nguyễn Duy Quang	01/02/97	1513C01A															
3	155D080017	Nguyễn Hoàng Duy Minh	27/04/97	1513D08A															
4	155D410010	Trịnh Bảo Linh	11/11/97	1513D41A															
5	155D410013	Nguyễn Hữu Ngọc	04/11/97	1513D41A															
6	175D010003	Nguyễn Ngọc Công	01/01/99	1715D01A															
7	175D010007	Phạm Thị Thu Hiền	09/03/99	1715D01A															
8	175D010009	Nguyễn Thị Hường	07/06/98	1715D01A															
9	175D010011	Nguyễn Thị Diệu Linh	11/02/99	1715D01A															
10	175D010013	Hán Trung Nam	23/05/99	1715D01A															
11	175D410002	Đặng Tùng Lâm	07/06/99	1715D41A															
12	185D010001	Đỗ Thị Thu Hương	25/10/00	1816D01A															
13	185D010002	Suliphone Kham	25/05/84	1816D01A															
14	185D010004	Onmanychan Mai	04/12/00	1816D01A															
15	185D010005	Phoudkhamxai Sengyod	15/03/98	1816D01A															
16	185D010006	Laoly Sounaly	17/10/99	1816D01A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDĐại số tuyến tính 2 (TN2215) - Nhóm 01
Lê Ngọc Sơn (1471)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	141C010001	Phạm Thị Mai Anh	23/05/95	1412C01A															
2	155D010003	Mai Thị Kiều Anh	30/05/97	1513D01A															
3	155D010022	Hà Thị Thanh Hoa	07/11/97	1513D01A															
4	155D010046	Nguyễn Thị Kim Oanh	17/02/97	1513D01A															
5	175D010006	Lê Thị Lệ Giang	12/02/99	1715D01A															
6	175D010009	Nguyễn Thị Hường	07/06/98	1715D01A															
7	175D010012	Nguyễn Văn Mạnh	28/01/92	1715D01A															
8	175D010018	Hà Thị Phượng	06/04/99	1715D01A															
9	175D410005	Lâm Văn Nam	19/05/98	1715D41A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Phương trình vi phân (TN2222) - Nhóm 01
Trần Anh Tuấn (1172)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D010008	Hà Thị Thanh	Dung	10/09/97	1513D01A															
2	155D010026	Hoàng Công	Huy	08/06/97	1513D01A															
3	155D010060	Nguyễn Quang	Trí	15/04/97	1513D01A															
4	155D420002	Bùi Đình	Công	19/01/97	1513D42A															
5	165D420001	Nguyễn Đức	Cương	31/07/98	1614D42A															
6	165D420006	Nguyễn Minh	Hải	01/08/98	1614D42A															
7	175D010003	Nguyễn Ngọc	Công	01/01/99	1715D01A															
8	175D010004	Nguyễn Minh	Đức	25/01/99	1715D01A															
9	175D010006	Lê Thị Lệ	Giang	12/02/99	1715D01A															
10	175D010007	Phạm Thị Thu	Hiền	09/03/99	1715D01A															
11	175D010009	Nguyễn Thị	Hường	07/06/98	1715D01A															
12	175D010010	Nguyễn Trọng	Khánh	09/08/99	1715D01A															
13	175D010011	Nguyễn Thị Diệu	Linh	11/02/99	1715D01A															
14	175D010014	Hà Quỳnh	Ngọc	08/05/99	1715D01A															
15	175D010018	Hà Thị	Phượng	06/04/99	1715D01A															
16	175D010020	Đào Minh	Thúy	20/11/99	1715D01A															
17	175D01LT08	Nguyễn Thị	Trang	24/11/95	1715D01T															
18	175D420001	Nguyễn Ngọc	Hiển	15/09/99	1715D42A															
19	175D420002	Đặng Sỹ	Hoàng	30/04/99	1715D42A															
20	175D420003	Tạ Duy	Hưng	15/04/99	1715D42A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Quy hoạch tuyển tính (TN2223) - Nhóm 01
Nguyễn Huyền Trang (1201)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D010031	Hoàng Xuân Thiều	13/05/95	1311D01A															
2	155D010029	Lê Thị Ngọc Huyền	06/10/97	1513D01A															
3	155D010060	Nguyễn Quang Trí	15/04/97	1513D01A															
4	155D160016	Nguyễn Thu Thảo	10/08/97	1513D16A															
5	155D410007	Hoàng Quang Đại	18/05/97	1513D41A															
6	155D410010	Trịnh Bảo Linh	11/11/97	1513D41A															
7	155D500004	Nguyễn Văn Tứ	02/06/93	1513D50A															
8	165D010009	Lương Minh Điều	23/09/97	1614D01A															
9	165D010011	Đỗ Thúy Hiền	24/04/98	1614D01A															
10	165D010039	Hoàng Thạch Hiếu	20/10/98	1614D01A															
11	165D010014	Nguyễn Thị Hồng	01/03/98	1614D01A															
12	165D010016	Lê Bảo Khánh	16/08/98	1614D01A															
13	165D010018	Lê Tùng Lâm	07/02/98	1614D01A															
14	165D010037	Lý Thị Súng	08/05/98	1614D01A															
15	165D100063	Bùi Mỹ Linh	22/10/98	1614D10A															
16	165D100083	Trần Hoàng Anh Phong	07/09/98	1614D10A															
17	165D100088	Lê Như Quỳnh	04/04/98	1614D10B															
18	165D100098	Lê Thương Thương	23/08/98	1614D10B															
19	165D100109	Trần Anh Tuấn	27/08/98	1614D10B															
20	165D100111	Đinh Thu Ứng	29/03/98	1614D10B															
21	165D160008	Tengbiachue Khamlarlee	13/09/96	1614D16A															
22	165D160012	Trần Văn Ngọc	26/05/98	1614D16A															
23	165D160013	Cao Hạnh Nguyên	08/04/98	1614D16A															
24	175D100005	Tạ Phương Anh	28/09/99	1715D10A															
25	175D100066	Cao Thùy Chang	28/08/99	1715D10A															
26	175D100009	Đỗ Thùy Duyên	26/02/99	1715D10A															
27	175D100014	Đỗ Thị Thu Hà	20/10/99	1715D10A															
28	175D100017	Nguyễn Thị Thu Hà	08/05/99	1715D10A															
29	175D100030	Vũ Thu Huyền	03/10/99	1715D10A															
30	175D100034	Đào Duy Khánh	11/10/99	1715D10A															
31	175D100036	Lê Khắc Kiên	24/09/99	1715D10A															
32	175D100042	Nguyễn Thị Phương Linh	28/03/99	1715D10A															
33	175D100049	Đinh Thị Hải Nghĩa	06/06/99	1715D10A															
34	175D100050	Ngô Thùy Ngọc	21/11/99	1715D10A															
35	175D100053	Khuất Trung Nguyên	29/08/98	1715D10A															
36	175D100057	Trần Minh Phương	18/09/99	1715D10A															
37	175D100059	Tạ Thúy Quỳnh	11/10/99	1715D10A															
38	175D100060	Nguyễn Thanh Thảo	09/06/99	1715D10A															
39	175D100063	Nguyễn Kiên Thư	16/09/99	1715D10A															
40	175D100068	Hoàng Thị Thu Trang	10/10/99	1715D10A															

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Quy hoạch tuyển tính (TN2223) - Nhóm 01
Nguyễn Huyền Trang (1201)

Số Tín Chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	175D100071	Bùi Thị Thúy Vân	06/05/99	1715D10A															
2	175D110001	Phùng Khắc Cường	24/12/99	1715D11A															
3	175D110008	Yopene Khevinh	18/01/96	1715D11A															
4	175D110012	Keomakhoun Soudjai	12/02/95	1715D11A															
5	175D110013	Phùng Thị Thẽ	25/08/95	1715D11A															
6	175D160003	Nguyễn Thị Lan Anh	07/06/99	1715D16A															
7	175D160004	Heuangmany Bouangern	11/07/98	1715D16A															
8	175D160019	Nguyễn Mạnh Cường	15/05/97	1715D16A															
9	175D160005	Vi Thị Thùy Dung	16/01/99	1715D16A															
10	175D160006	Dương Hải Đăng	06/08/98	1715D16A															
11	175D160007	Nguyễn Minh Hoàng	06/09/99	1715D16A															
12	175D160009	Mingbouppha Hountha	16/12/99	1715D16A															
13	175D160010	Nghiêm Quốc Huy	03/10/98	1715D16A															
14	175D160011	Phạm Việt Hưng	14/10/99	1715D16A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Phương trình đạo hàm riêng (TN2234) - Nhóm 01
Đặng Thị Phương Thanh (1165)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D010063	Nguyễn Thị Như	09/09/97	1513D01A															
2	155D010060	Nguyễn Quang Trí	15/04/97	1513D01A															
3	165D010038	Nguyễn Thế Anh	14/09/98	1614D01A															
4	165D010003	Nguyễn Việt Anh	14/07/98	1614D01A															
5	165D010005	Đỗ Thị Thanh Bình	01/01/98	1614D01A															
6	165D010006	Phùng Thị Minh Chi	16/11/98	1614D01A															
7	165D010008	Nguyễn Quang Du	01/02/98	1614D01A															
8	165D010009	Lương Minh Điều	23/09/97	1614D01A															
9	165D010010	Nguyễn Việt Đức	15/07/98	1614D01A															
10	165D010011	Đỗ Thúy Hiền	24/04/98	1614D01A															
11	165D010039	Hoàng Thạch Hiếu	20/10/98	1614D01A															
12	165D010040	Phan Thị Thanh Huyền	14/04/98	1614D01A															
13	165D010016	Lê Bảo Khánh	16/08/98	1614D01A															
14	165D010022	Phan Ngọc Linh	23/06/98	1614D01A															
15	165D010024	Cao Nguyễn Trường Minh	23/09/98	1614D01A															
16	165D010026	Hà Thị Thảo Nguyên	06/04/98	1614D01A															
17	165D010027	Trần Thị Minh Phú	06/11/98	1614D01A															
18	165D010028	Nguyễn Thị Phượng	30/06/98	1614D01A															
19	165D010030	Đinh Hồng Sơn	15/03/98	1614D01A															
20	165D010037	Lý Thị Súng	08/05/98	1614D01A															
21	165D010035	Chu Minh Tú	08/12/98	1614D01A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Giải tích toán học 3 (TN2280) - Nhóm 01
Nguyễn Xuân Tú (1517)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D010006	Từ Xuân	Hải	13/12/96	1412D01A															
2	155D010041	Nguyễn Phương	Nam	19/10/97	1513D01A															
3	155D010063	Nguyễn Thị	Như	09/09/97	1513D01A															
4	155D010055	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	07/10/97	1513D01A															
5	155D010060	Nguyễn Quang	Trí	15/04/97	1513D01A															
6	175D010013	Hán Trung	Nam	23/05/99	1715D01A															
7	175D010020	Đào Minh	Thúy	20/11/99	1715D01A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDĐộ đo và tích phân (TN2282) - Nhóm 01Đặng Thị Phương Thanh (1165)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D010007	Bùi Đình Công	04/03/96	1513D01A															
2	155D010014	Đặng Thị Thu Hà	27/10/97	1513D01A															
3	155D010040	Nguyễn Thị Lý	26/07/97	1513D01A															
4	155D010043	Đào Thị Hồng Nhung	25/07/97	1513D01A															
5	155D010055	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	07/10/97	1513D01A															
6	15D40D0102	Lê Thanh Hường	05/12/96	1513D01N															
7	165D010002	Nguyễn Tuấn Anh	05/11/98	1614D01A															
8	165D010003	Nguyễn Việt Anh	14/07/98	1614D01A															
9	165D010008	Nguyễn Quang Du	01/02/98	1614D01A															
10	165D010009	Lương Minh Điều	23/09/97	1614D01A															
11	165D010010	Nguyễn Việt Đức	15/07/98	1614D01A															
12	165D010011	Đỗ Thúy Hiền	24/04/98	1614D01A															
13	165D010039	Hoàng Thạch Hiếu	20/10/98	1614D01A															
14	165D010014	Nguyễn Thị Hồng	01/03/98	1614D01A															
15	165D010016	Lê Bảo Khánh	16/08/98	1614D01A															
16	175D01LT06	Nguyễn Hải Sinh	14/11/93	1715D01T															
17	175D01LT08	Nguyễn Thị Trang	24/11/95	1715D01T															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Hình học affin và hình học ơclit (TN2320) - Nhóm 01
Nguyễn Văn Nghĩa (1196)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D010006	Từ Xuân Hải	13/12/96	1412D01A															
2	155D010003	Mai Thị Kiều Anh	30/05/97	1513D01A															
3	155D010043	Đào Thị Hồng Nhung	25/07/97	1513D01A															
4	155D010046	Nguyễn Thị Kim Oanh	17/02/97	1513D01A															
5	155D010055	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	07/10/97	1513D01A															
6	155D010058	Dương Thu Trang	02/09/97	1513D01A															
7	175D010001	Hà Thị Phương Anh	27/11/99	1715D01A															
8	175D010014	Hà Quỳnh Ngọc	08/05/99	1715D01A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Xác suất thống kê 3 (TN2324) - Nhóm 01
Nguyễn Huyền Trang (1201)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D010031	Hoàng Xuân Thiều	13/05/95	1311D01A															
2	151C010003	Nguyễn Duy Quang	01/02/97	1513C01A															
3	155D010043	Đào Thị Hồng Nhung	25/07/97	1513D01A															
4	155D080009	Bùi Văn Hoàng	14/12/97	1513D08A															
5	155D080022	Lê Tất Thành	13/08/97	1513D08A															
6	165D010003	Nguyễn Việt Anh	14/07/98	1614D01A															
7	165D010005	Đỗ Thị Thanh Bình	01/01/98	1614D01A															
8	165D010006	Phùng Thị Minh Chi	16/11/98	1614D01A															
9	165D010008	Nguyễn Quang Du	01/02/98	1614D01A															
10	165D010010	Nguyễn Việt Đức	15/07/98	1614D01A															
11	165D010011	Đỗ Thúy Hiền	24/04/98	1614D01A															
12	165D010014	Nguyễn Thị Hồng	01/03/98	1614D01A															
13	165D010040	Phan Thị Thanh Huyền	14/04/98	1614D01A															
14	165D010016	Lê Bảo Khánh	16/08/98	1614D01A															
15	165D010018	Lê Tùng Lâm	07/02/98	1614D01A															
16	165D010019	Đặng Thị Thùy Linh	04/10/98	1614D01A															
17	165D010025	Hà Thị Bích Ngân	01/10/98	1614D01A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDĐại số sơ cấp và thực hành giải toán (TN2350) - Nhóm 01
Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D010003	Mai Thị Kiều Anh	30/05/97	1513D01A															
2	155D010014	Đặng Thị Thu Hà	27/10/97	1513D01A															
3	155D010016	Trần Thị Mỹ Hải	21/05/97	1513D01A															
4	155D010022	Hà Thị Thanh Hoa	07/11/97	1513D01A															
5	155D010031	Nguyễn Thị Thanh Hương	27/07/97	1513D01A															
6	155D010038	Trần Xuân Long	17/11/88	1513D01A															
7	15D40D0102	Lê Thanh Hương	05/12/96	1513D01N															
8	175D010012	Nguyễn Văn Mạnh	28/01/92	1715D01A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDĐại số cao cấp 1 (TN2375) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Thanh Tâm (1106)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D010040	Nguyễn Thị Lý	26/07/97	1513D01A															
2	155D010041	Nguyễn Phương Nam	19/10/97	1513D01A															
3	155D010055	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	07/10/97	1513D01A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Trường Đại Học Hùng Vương
Phòng Đào Tạo

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Tô pô đại cường (TN2381) - Nhóm 01
Hà Ngọc Phú (1171)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D010008	Hà Thị Thanh Dung	10/09/97	1513D01A															
2	155D010040	Nguyễn Thị Lý	26/07/97	1513D01A															
3	155D080009	Bùi Văn Hoàng	14/12/97	1513D08A															
4	155D080014	Hoàng Chí Linh	15/07/97	1513D08A															
5	155D080017	Nguyễn Hoàng Duy	27/04/97	1513D08A															
6	155D080022	Lê Tất Thành	13/08/97	1513D08A															
7	155D080023	Lê Hồ Phương Thảo	16/07/97	1513D08A															
8	155D080024	Phạm Thanh Thủy	09/08/97	1513D08A															
9	155D080025	Ma Xuân Tráng	01/11/97	1513D08A															
10	165D010038	Nguyễn Thế Anh	14/09/98	1614D01A															
11	165D010009	Lương Minh Điều	23/09/97	1614D01A															
12	165D010018	Lê Tùng Lâm	07/02/98	1614D01A															
13	165D010022	Phan Ngọc Linh	23/06/98	1614D01A															
14	165D010027	Trần Thị Minh Phú	06/11/98	1614D01A															
15	165D010035	Chu Minh Tú	08/12/98	1614D01A															
16	175D010012	Nguyễn Văn Mạnh	28/01/92	1715D01A															
17	175D010020	Đào Minh Thúy	20/11/99	1715D01A															
18	175D01LT05	Đỗ Thành Luân	01/05/95	1715D01T															
19	175D01LT08	Nguyễn Thị Trang	24/11/95	1715D01T															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDGiải tích toán học 2 (TN2386) - Nhóm 01
Trần Anh Tuấn (1172)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D080014	Hoàng Chí Linh	15/07/97	1513D08A															
2	175D010010	Nguyễn Trọng Khánh	09/08/99	1715D01A															
3	175D410001	Vũ Đức Chung	25/06/99	1715D41A															
4	175D410003	Nguyễn Đình Lộc	26/02/99	1715D41A															
5	175D410005	Lâm Văn Nam	19/05/98	1715D41A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Hình học sơ cấp (TN2413) - Nhóm 01

Lưu Thị Thu Huyền (1247)

Số Tín Chỉ: 4

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D010003	Mai Thị Kiều Anh	30/05/97	1513D01A															
2	155D010014	Đặng Thị Thu Hà	27/10/97	1513D01A															
3	155D010040	Nguyễn Thị Lý	26/07/97	1513D01A															
4	155D010041	Nguyễn Phương Nam	19/10/97	1513D01A															
5	155D010063	Nguyễn Thị Như	09/09/97	1513D01A															
6	155D010046	Nguyễn Thị Kim Oanh	17/02/97	1513D01A															
7	155D010058	Dương Thu Trang	02/09/97	1513D01A															
8	165D010038	Nguyễn Thế Anh	14/09/98	1614D01A															
9	165D010005	Đỗ Thị Thanh Bình	01/01/98	1614D01A															
10	165D010015	Nhâm Ngọc Huy	05/03/98	1614D01A															
11	165D010040	Phan Thị Thanh Huyền	14/04/98	1614D01A															
12	165D010017	Trần Thị Lan	19/09/98	1614D01A															
13	165D010022	Phan Ngọc Linh	23/06/98	1614D01A															
14	165D010024	Cao Nguyễn Trường Minh	23/09/98	1614D01A															
15	165D010025	Hà Thị Bích Ngân	01/10/98	1614D01A															
16	165D010027	Trần Thị Minh Phú	06/11/98	1614D01A															
17	165D010035	Chu Minh Tú	08/12/98	1614D01A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Tiếng Trung (3) (TQ1203) - Nhóm 01
Khổng Thị Cúc (1518)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D040044	Nguyễn Tiến Tâm	26/07/97	1513D04A															
2	155D280005	Trần Thị Ngọc Anh	20/08/97	1513D28A															
3	155D280006	Trần Thị Ngọc Anh	05/02/97	1513D28A															
4	155D280010	Nguyễn Thị Thu Cúc	14/10/97	1513D28A															
5	155D280017	Nguyễn Thị Hạnh	11/07/97	1513D28A															
6	155D280019	Nguyễn Thị Thu Hằng	05/12/97	1513D28A															
7	155D280021	Trần Thị Hiền	08/11/97	1513D28A															
8	155D280029	Phùng Thị Thanh Huyền	25/07/97	1513D28A															
9	155D280040	Nguyễn Tuấn Long	21/04/97	1513D28A															
10	165D040003	Nguyễn Thị Ngọc ánh	16/04/98	1614D04A															
11	165D040004	Trần Thị ánh	17/10/98	1614D04A															
12	165D040007	Nguyễn Văn Đức	30/03/98	1614D04A															
13	165D040010	Bùi Đức Hoàn	26/07/98	1614D04A															
14	165D040011	Nguyễn Thị Huế	20/09/98	1614D04A															
15	165D040016	Vũ Thùy Linh	03/12/98	1614D04A															
16	165D040021	Lê Hồng Ngọc	27/07/98	1614D04A															
17	165D040024	Lê Thị Hồng Nhung	15/07/93	1614D04A															
18	165D040041	Đinh Nguyên Quân	17/08/98	1614D04A															
19	165D040025	Đỗ Thị Quỳnh	06/06/98	1614D04A															
20	175D040031	Lê Thúy Nga	19/10/98	1715D04A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Hệ thống nông nghiệp (TT2224) - Nhóm 01
Hoàng Mai Thảo (1155)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D130005	Đặng Thị Lan	20/08/96	1513D13A															
2	165D120002	Nguyễn Đại Dương	23/01/98	1614D12A															
3	165D300004	Lâm Văn Đức	11/09/98	1614D30A															
4	165D300009	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	16/06/98	1614D30A															
5	165D300051	Lê Thị Thúy Hằng	28/09/98	1614D30A															
6	165D300033	Lê Văn Quang	03/11/97	1614D30A															
7	175D300012	Nguyễn Văn Ninh	23/08/99	1715D30A															
8	185D120001	Hà Quỳnh Anh	26/03/00	1816D12A															
9	185D120002	Lê Trung Hiếu	07/03/00	1816D12A															
10	185D120003	Dương Minh Khoa	22/03/00	1816D12A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm **Thực tập 1 (VH2342) - Nhóm 01**
CBGD **Khoa Xh.Vhdl (XH01)**

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	155D810017	Nguyễn Hồng Phương	25/06/97	1513D81A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Vật lý đại cương A1 (VL1251) - Nhóm 01

Nguyễn Thị Hồng Thoa (1180)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D150003	Trần Văn Đam	09/07/96	1412D15A															
2	145D150006	Doãn Văn Điệp	15/01/96	1412D15A															
3	165D240003	Phounsavanh Keunmany	05/07/80	1614D24A															
4	175D150001	Nguyễn Ngọc ánh	21/10/99	1715D15A															
5	175D150002	Sayavandee Bounkhong	26/03/80	1715D15A															
6	175D150003	Đỗ Chí Dũng	26/09/99	1715D15A															
7	175D150006	Trương Huy Huân	21/01/99	1715D15A															
8	175D150009	Nguyễn Việt Hưng	03/08/99	1715D15A															
9	175D150011	Lê Huy Kiên	04/11/99	1715D15A															
10	175D150013	Võ Quang Linh	01/09/99	1715D15A															
11	175D150015	Inthaphone Manivanh	29/01/97	1715D15A															
12	175D150016	Sysavad Mek	09/12/97	1715D15A															
13	175D150017	Nguyễn Hải Nam	20/07/99	1715D15A															
14	175D150027	Saenluangrath Phaivanh	13/01/98	1715D15A															
15	175D150018	Nguyễn Văn Quý	16/02/99	1715D15A															
16	175D150019	Nguyễn Thị Bích Thủy	04/07/99	1715D15A															
17	175D150023	Phạm Tiến Trường	22/02/99	1715D15A															
18	175D150024	Hoàng Đình Tú	09/06/99	1715D15A															
19	175D150026	Trương Hoàng Vũ	20/08/98	1715D15A															
20	175D150028	Phommasing Yeng	15/01/97	1715D15A															
21	175D420003	Tạ Duy Hưng	15/04/99	1715D42A															
22	185D410002	Vũ Đình Khanh	27/11/97	1816D41A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Vật lý đại cương A2 (VL1252) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Nguyệt Nga (1482)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D150007	Nguyễn Trung	Hiếu	21/09/96	1412D15A														
2	145D150012	Phạm Mạnh	Tiến	08/04/95	1412D15A														
3	175D410001	Vũ Đức	Chung	25/06/99	1715D41A														
4	175D410002	Đặng Tùng	Lâm	07/06/99	1715D41A														
5	175D410003	Nguyễn Đình	Lộc	26/02/99	1715D41A														
6	175D410004	Đào Tiến	Mạnh	16/07/99	1715D41A														
7	175D410005	Lâm Văn	Nam	19/05/98	1715D41A														
8	175D410008	Trần Quang	Trường	09/01/99	1715D41A														
9	175D410009	Lê Diên	Văn	22/06/99	1715D41A														

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh

Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Nhiệt động lực học và Vật lý thống kê (VL2438) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Huệ (1113)

Số Tín Chỉ: 4

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D400026	Nguyễn Văn Hưng	14/03/96	1412D40A															
2	145D400036	Hà Văn Mạnh	29/01/96	1412D40A															
3	155D400003	Trần Duy Bình	22/02/97	1513D40A															
4	155D400006	Nguyễn Hồng Sơn	12/07/97	1513D40A															
5	155D400010	Nguyễn Thị Kiều Vân	10/01/97	1513D40A															
6	165D400001	Nueklavong Bounsy	13/03/94	1614D40A															
7	165D400003	Nguyễn Thị Thùy Dung	02/03/98	1614D40A															
8	165D400005	Keomany Southep	10/05/96	1614D40A															
9	165D400008	Detvongsa Vanpheng	09/03/97	1614D40A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD Cơ sở ngôn ngữ học (VN2219) - Nhóm 01
Số Tín Chỉ: 2

Quách Phan Phương Nhân (1051)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D170002	Nguyễn Thế Anh	11/05/94	1311D17A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGD

Lịch sử văn học Việt Nam 2 (VN2223) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Thúy Hằng (1056)

Số Tín Chỉ: 2

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D170002	Nguyễn Thế Anh	11/05/94	1311D17A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm
CBGD

Lịch sử văn học Việt Nam 3 (VN2324) - Nhóm 01
Nguyễn Thị Thúy Hằng (1056)

Số Tín Chỉ: 3

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	135D170002	Nguyễn Thế Anh	11/05/94	1311D17A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu

Danh Sách Điểm Danh
Học Kỳ 3 - Năm Học 18-19

Môn Học/Nhóm CBGDNgữ pháp và phong cách học tiếng Việt (VN2327) - Nhóm 01
Số Tín Chỉ: 3

Quách Phan Phương Nhân (1051)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	145D170001	Nguyễn Thị Nhật Anh	19/07/96	1412D17A															

In Ngày 16/06/2019

Phú Thọ, Ngày 16 tháng 06 năm 2019
Người lập biểu